



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Đinh Cường

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **VẬN NƯỚC MỘT THỜI QUA VĂN HỌC SỬ PHẬT GIÁO** (Minh Đức Triều Tâm Ảnh), trang 8
- ◆ **NHỮNG ẮN Ý HÀM SỨC MÊNH MÔNG CỦA NGÔN NGỮ VIỆT NAM...** (Phạm Công Thiện), trang 11
- ◆ **HANH** (thơ Mặc Phương Tử), trang 13
- ◆ **EM LÀ VÌ SAO SÁNG** (thơ & nhạc Nguyễn Hiền), trang 14
- ◆ **BẢN LÊN TIẾNG V/V TƯỢNG ĐÀI QUÁCH THỊ TRANG BỊ DI DỜI**, tr. 15
- ◆ **TIỂU SỬ PHẬT TỬ QUÁCH THỊ TRANG** (SM Thích Thiện Hoa), trang 16
- ◆ **"DI DỜI" TƯỢNG ĐÀI QUÁCH THỊ TRANG** (thơ TNT Mặc Giang), trang 17
- ◆ **PHẬT GIÁO YẾU LỰC / Phật giáo phải chăng là một tôn giáo?** (Thích Trí Chơn dịch), trang 18
- ◆ **TÔI ĐI** (thơ Thăng Hoan), trang 20
- ◆ **THIỆN LÃO THIÊN SƯ VÀ KHUYNH HƯƠNG SỐNG CHO MÌNH** (TN An Trí), trang 21
- ◆ **NGHE ĐỜI HƯ VÔ** (thơ Bùi Vĩnh Hưng), trang 21
- ◆ **MANG HẠNH NGUYỆN ĐI VÀO ĐỜI** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 22
- ◆ **30 THÁNG 7** (thơ Hạnh Chi), trang 23
- ◆ **BẢO NHAU NGÀY ẤY VU LAN** (Nguyễn thị Khánh Minh), trang 24
- ◆ **NHỚ MẸ** (thơ Mặc Không Tử), trang 25
- ◆ **KHÁI NIỆM VỀ VÔ MINH TRONG PHẬT GIÁO** (Hoang Phong), trang 26
- ◆ **BÊN DÒNG CỎ CHIẾN TỤNG BÀI KINH PHẬT** (Tuệ Như), trang 30
- ◆ **CHÍN CHỮ CỤ LAO** (thơ Thích Viên Thành), trang 31
- ◆ **TINH TẤN – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **MỀ VÀ GIÁC – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ **NGÃ MẠN – Lá thư đầu tuần** (GĐPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ◆ **TIỀN BIỆT MẸ...** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 34
- ◆ **PHẬT GIÁO VÀO ĐẠI HỌC MỸ** (Trần Khải), trang 35
- ◆ **CỘI GÓC SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN** (Thích Quảng Bình), trang 36
- ◆ **ĐỪNG BAO GIỜ EM HỎI** (Toại Khanh), trang 41
- ◆ **TỰ THÁN** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), tr. 42
- ◆ **TÌNH MẸ, LÒNG HIẾU CHIM OANH VŨ** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 47
- ◆ **LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẾN VỚI PHẬT** (Đào Văn Bình), trang 48
- ◆ **ĐÔI KHI** (thơ Hàn Long Ân), trang 49
- ◆ **LY TƯỚNG** (DH Lê Thái Ất), trang 50
- ◆ **GỌI NÂNG CUỐI HẠ** (thơ Yên Chi), trang 55
- ◆ **NẤU CHAY: BÁNH TRUNG THU CHAY** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ◆ **NGƯỜI CƯ SĨ HẢI NGOẠI TRƯỚC THỜI ĐẠI MỚI** (Đặng Nguyên Phá), trang 58
- ◆ **CÓ MỘT NGÀY CHỢ THÁY ĐỜI LÀ MỘNG** (thơ Kiều Mộng Hà), trang 60
- ◆ **MỘT MÌNH** (Ngọc Bảo), trang 61
- ◆ **MƯA RỪNG...** (thơ Phù Du), trang 63
- ◆ **BỆNH SẠN THẬN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ◆ **HOA QUỲNH MÙA THU** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 65
- ◆ **NHỮNG NGƯỜI BẠN CHÂN TÌNH** (Chân Hiền Tâm), trang 66
- ◆ **BÓNG CHIẾU ĐI QUA** (Lam Khê), trang 69
- ◆ **TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ** (Steven N.), trang 71
- ◆ **HÌNH ẢNH PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 3** (Hộ Pháp.net), trang 72
- ◆ **RA TAY SẴN THÚ, BÃY CHIM...** (Tịnh Minh dịch), trang 74
- ◆ **THE STORY OF TISSA...** (Daw Mia Tin), trang 75

Báo Chánh Pháp số 34, tháng 9 năm 2014, do ĐLHT. Thích Thăng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

CÁI CÒN MÃI...

"When all is lost, there is still a memory"
(Dejan Stojanovic)

Bãi biển vào cuối hạ, đông nghịt những người là người. Ánh nắng chói chang, trải những vệt dài lấp lánh trên mặt nước rộng. Những dấu chân người in trên mặt cát ướt. Những lâu đài được xây vội vã. Những dòng chữ và hình tượng được vẽ thật nhanh trước khi sóng phá vào bờ. Suốt bãi biển dài rộng, không ai mong đợi một cái gì trường cửu. Tất cả đều tạm bợ, có đó, rồi để cho sóng vô tình cuốn đi.

Từ đông sang tây, từ cổ chí kim, đã nhiều triết gia, văn hào, thi nhân, nhạc sĩ... có cùng ý tưởng rằng, mọi thứ đều sẽ phai nhạt, qua đi hoặc mất đi, chỉ có kỷ niệm, ký ức, là còn lại.

Thực ra ký ức chẳng chọn lựa sự tồn tại của nó: có việc chẳng đáng nhớ, lại nhớ; có việc không muốn quên, lại quên. Nó như thuốc phim vô tình ghi nhận tất cả những gì trình hiện trong đời sống. Chỉ có kỷ niệm thì dù cố ý hay vô tình, dù muốn hay không, vẫn lưu lại trong tâm khảm thật lâu dài; bởi vì, nó là dấu ấn thật đậm của niềm hạnh phúc hay nỗi khổ đau cùng tột mà con người kinh qua.

Người ta có thể đặt tên cho những dấu ấn ấy bằng các từ khác nhau: hạnh phúc, êm đẹp, thơ mộng thì gọi là kỷ niệm; khổ đau, hãi hùng, khiếp đảm thì gọi là nỗi ám ảnh, cơn ác mộng... Nhưng dù là tên gọi nào, bản chất của những ấn tượng là sự ghi nhớ, tích lũy.

Kiến thức và văn minh nhân loại được xây dựng từ cái nền ghi nhớ và tích lũy ấy. Đó là điều mà ai cũng có thể tự suy nghiệm để hiểu, hoặc được sách vở, học đường dạy như thế.

Suy ra, người ta tất hiểu rằng tiểu sử của một cá nhân hay lịch sử của tập thể, của dân tộc và nhân loại, cũng dựa trên sự tích lũy của ký ức mà viết nên. Nhưng sử sách chỉ ghi chép được các sự kiện và hiện tượng từ con người, từ thiên nhiên, xảy ra trong một khoảng không gian và thời gian ấn định, hoặc ước định, phỏng định. Một cách khoa học, khách quan, ký ức cá nhân hay tập thể được sử sách chép lại bằng những hình ảnh và câu chữ cô đọng, giản lược đến mức tối đa, giản

lược đến mức vô tình, đánh rơi tất cả những cảm xúc thực sự của những con người được nhắc đến một cách chung chung trong từng thời đại.

Người ta có thể làm nên lịch sử bằng máu và nước mắt, nhưng sách sử thì chỉ có thể được viết bằng mực, từ một thiếu số (cá nhân hay tập thể), từ vài sử gia trung thực hay từ những nô bộc cầm bút thụ ân các bạo chúa và các nhà cầm quyền độc tài. Trung thực hay bóp méo lịch sử, vẫn không thể mô tả được dòng chảy của máu lệ.

Trở lại tiền đề mọi thứ đều qua đi, chỉ có kỷ niệm là còn mãi.

Sách của sử gia, tác phẩm của văn nhân thi sĩ, có thể là ký ức biểu trưng của tập thể, của thời đại, sẽ được ở lại lâu dài, hoặc còn mãi với thời gian tương đối nào đó.

Nhưng niềm hạnh phúc và nỗi thống khổ của chúng ta, tất cả những xúc cảm thực sự của từng thân phận lẻ loi, đã cùng thời trải nghiệm hay đơn độc trải nghiệm, thì không sách vở nào ghi chép được. Chúng đến rồi ở lại thật lâu trong tâm khảm mỗi người, và rồi sẽ thâm lặng theo chúng ta rời khỏi thế giới này.

Còn mãi, đến bao lâu, không làm sao biết được.

Còn mãi, để làm gì, mỗi người tự biết.

Thực ra, chẳng có gì bất tử. Chẳng có gì còn mãi, dù là ký ức, kỷ niệm có dấu ấn sâu đậm nhất. Bất tử chẳng phải nhờ ghi chép của các sử gia; cũng không phải nhờ ôm hoài những dấu ấn dĩ vãng, mong đợi chúng tồn tại mãi trong tương lai mơ hồ nào đó. Hoài niệm quá khứ, dự phóng tương lai, đều là ảo tưởng. Bởi vì, cái gì có thể ghi nhận và tích lũy được, cái đó không thể trường tồn, bất diệt.

Chỉ khi nào, trong từng phút giây hiện tại, buông bỏ mọi ký ức, ấn tượng, hình tượng, trở về với chính mình, trở về với tâm ban sơ—khi chưa có bất cứ một ý niệm nào khởi lên để ghi nhận, tích lũy—mới có thể bắt đầu cho hành trình hướng về cái vô hạn, bất biến.

DIỆU ÂM lược dịch

MIỄN ĐIÊN: Đi thuyền qua những đồng lúa trong lễ hội Phật giáo ở Bago

Ka Wa, Bago - Hàng nghìn Phật tử từ Rangoon và khu Bago xuống thị trấn Ka Wa vào Ngày Trăng Tròn Waso để chiêm bái Khamae Phyin Bo Bo Gyi, một vị thần hộ pháp mang lại sự an lành, thịnh vượng và sức khỏe.

Thị trấn Ka Wa cách Bago khoảng 22 dặm, và khi du khách đến dự lễ hội, họ mong muốn một hoạt động vui vẻ khác: té nước vào nhau khi đi thuyền qua những cánh đồng ngập nước trên đường đến đền thờ vị thần hộ pháp.

Mặc dù có thể đến đền thờ bằng đường bộ, thanh niên đặc biệt thích đi xe hơi của họ dọc theo con đường cách đó vài dặm. Thay vì lái xe, họ thuê những thuyền gỗ nhỏ để di chuyển trên những cánh đồng đang ngập nước mùa mưa, tình nghịch té nước vào nhau trên đường đi.

(The Irrawaddy - July 16, 2014)



Tín đồ cúng dường tượng hộ pháp Khamae Phyin Bo Bo Gyi

HÀN QUỐC: 'Hộp khám xà cừ đựng kinh Phật' trở về quê hương Hàn quốc

Ngày 15-7-2014, Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc đã trưng bày một cổ vật của nước này. Nó là một hộp sơn mài khám xà cừ - gọi là Najeon Gyeongham, nghĩa là hộp khám xà cừ đựng kinh Phật. Đây là một trong 9 hộp như vậy còn tồn tại.

Và 8 hộp kia thuộc sở hữu của một số viện bảo tàng ở Nhật Bản, Anh, Hoa Kỳ và Hòa Lan.

Hộp thứ 9 này được một nhóm tư nhân hỗ trợ bảo tàng này, gọi là Những Người bạn của Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc, mua lại từ một công dân Nhật Bản và tặng cho bảo tàng vào ngày 15-7.

Chiếc hộp dài khoảng 42 cm, rộng 20 cm và cao 23 cm, vừa đủ để chứa một cuộn sách. Tất cả các mặt của hộp có hình hoa mẫu đơn nhỏ, là một trong những họa tiết phổ biến nhất bằng xà cừ cho sơn mài thời Goryeo (919-1392). Mỗi họa nhỏ bằng cỡ móng tay, và mặt hộp lớn nhất có khám khoảng 100 họa.

Mặc dù việc nghiên cứu chiếc hộp chưa hoàn tất, các chuyên gia địa phương tin rằng nó sẽ được chỉ định là một Bảo vật Quốc gia.

(Korea Joon Ang Daily - July 16, 2014)



Hộp khám xà cừ đựng kinh Phật mà Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc vừa được tang—Photo: NEWSIS

ÚC ĐÀI LỢI: Hội nghị Quốc tế Phật giáo và Úc 2015

Hội nghị Quốc tế Phật giáo và Úc 2015 sẽ được tổ chức tại Perth, Tây Úc, từ ngày 26 đến 28-2-2015. Hội nghị khảo sát về

lịch sử và những phương hướng hiện tại và tương lai đối với Phật giáo tại Úc.

Chủ đề chính về Phật giáo và Úc 2015 sẽ là "Các Biểu tượng và Chủ nghĩa tương trưng của Phật giáo". Các nhà tổ chức mở rộng đối với những đề xuất từ những người đóng góp về lịch sử Phật giáo, triết học và tài liệu nghiên cứu cũng như bất cứ chủ đề nào có liên quan.

Ban tổ chức mời tất cả Phật tử, học giả, và các thành viên của công chúng có quan tâm đến Phật giáo trình bày tài liệu của mình trong hội nghị sắp tới. Hội nghị hoan nghênh các nhà nghiên cứu trên các lĩnh vực mở rộng, và khuyến khích việc đệ trình các đề xuất theo nhóm hội thảo được trình bày sẵn.

(Buddhist Door - July 16, 2014)

ẤN ĐỘ: Đầu tư vào mạng mạch Phật giáo để thúc đẩy du lịch

Công ty Tài chính Quốc tế, một nhánh của Ngân hàng Thế giới, đã cùng với Bộ Du lịch Ấn Độ, chính phủ Ấn Độ, và chính quyền các bang Bihar và Uttar Pradesh, cùng với các thành viên của khu vực tư nhân thúc đẩy "đầu tư vào Mạng mạch Phật giáo" tại Ấn Độ.

Việc này sẽ giúp cải thiện và nâng cao trải nghiệm của du khách tại những nơi có liên quan đến Đức Phật ở 2 bang quan trọng này.

Đây là chiến lược để có được đầu tư nhiều hơn nhằm cải thiện hạ tầng cơ sở, được đề ra sau những cuộc thảo luận và tham vấn rộng rãi với các bên liên quan về du lịch.

Tại buổi ra mắt sáng kiến này vào ngày 17-7-2014 ở Delhi, trưởng Ngân hàng thế giới là O Ruhl nói rằng họ sẽ tiếp tục hỗ trợ các nỗ lực này nếu Bộ Du lịch Ấn Độ và 2 bang nói trên yêu cầu.

Khách hành hương viếng Ấn Độ sẽ kéo dài thời gian lưu trú nếu họ có một trải nghiệm tốt và vấn đề của việc phụ thuộc mùa cũng có thể xử lý được.

Việc quảng bá du lịch Phật giáo đạt được sự ưu tiên cao của chính phủ mới tại Ấn Độ.

(eturbonews.com - July 18, 2014)



Tượng Đại Phật ở Bồ đề Đạo tràng, bang Bihar
Photo: Anil Mathur

HÀN QUỐC: Cuộc thi cầu nguyện của tăng ni tại Seoul

Trong một nỗ lực nhằm thu hút tín đồ mới và trẻ tuổi, Tông phái Tào Khê của Hàn Quốc đã tổ chức một "cuộc thi cầu nguyện" thử nghiệm tại Seoul vào ngày 17-7-2014.

Hơn 300 tăng ni đã tập trung tại chùa Jogyesa ở trung tâm Seoul để tham gia vào cuộc thi.

Những người dự thi - chủ yếu là tăng sĩ trẻ - đã tụng niệm kinh Phật giáo cổ điển, cũng như kinh cầu nguyện "phong cách tự do" mà họ sáng tác.

Trong khi nhiều người trì tụng với giọng đều đều truyền thống, một số khác lại chọn cách táo bạo hơn: Một nhóm 3 ni cô trẻ đã trình bày một bài hát rap sôi nổi trích từ Tâm Kinh - một trong những kinh điển Phật giáo phổ biến nhất - và dùng lời bài hát của chính họ để ca ngợi tình yêu thương và sự hòa hợp.

Hòa thượng Yun Mook, một cao tăng của Tông phái Tào Khê và là một giám khảo của sự kiện này, nói rằng các nỗ lực này là cần thiết để làm cho kinh Phật dễ tiếp cận hơn. Ông nói, "Nhiều kinh Phật được viết bằng ngôn từ cổ xưa vốn không quen thuộc với nhiều người, vì vậy chúng tôi đã yêu cầu những người tham gia viết kinh cầu nguyện bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu".

"Chúng tôi muốn để mọi người, nhất là thanh niên và trẻ em, biết rằng kinh cầu nguyện Phật giáo có thể thú vị và dễ thực hành hơn là họ nghĩ", ông nói thêm.

(tipitaka.net - July 20)



Một nhóm ni cô chuẩn bị trình diễn tại cuộc thi cầu nguyện ở chùa Jogyesa, Seoul
Photo: AAP



Chư ni cổ vũ tại cuộc thi cầu nguyện ở chùa Jogyesa
Photo: AFP

MIỄN ĐIỆN: Đường bay Miễn Điện - Nepal sẽ tạo thuận lợi cho khách hành hương

Yangon, Miến Điện - Sự ra đời theo kế hoạch của đường bay trực tiếp giữa Miến Điện và Nepal có thể trở thành một lựa chọn mới để tạo thuận lợi cho tuyến đường hành hương Miến Điện - Ấn Độ - Nepal dành cho tín đồ Phật giáo.

Hiện nay, khách hành hương Phật giáo phải dựa vào duy nhất tuyến bay Miến Điện - Ấn Độ để viếng các thánh địa ở Ấn Độ và Nepal. Do đó dịch vụ hàng không bổ sung này dự kiến sẽ tăng cường sự tiện lợi của khách hành hương.

Mỗi năm, hàng nghìn khách hành hương Miến Điện đến Bồ đề Đạo tràng để viếng Đền Đại Giác ngộ, một trong 4 thánh địa liên quan đến cuộc đời của Đức Phật, tọa lạc tại bang Bihar, Ấn Độ.

Và nơi Đức Phật đàn sinh là Nepal. Để hoàn thành cuộc hành hương, khách hành hương hiện nay có thể đến viếng các thánh địa tại 2 nước này thông qua Ấn Độ.

Giám đốc điều hành của MTS Travels (Miến Điện) là Lin Htain nói, "Nhiều người Miến Điện đi tour hành hương. Tại Nepal, ngoài việc tham quan Núi Everest còn có hành trình hành hương. Nếu có đường bay trực tiếp (đến Nepal), khách du lịch (Miến Điện) sẽ được thuận lợi hơn".

(Buddhist Channel - July 22, 2014)



Phật tử hành hương tại Đền Đại Giác Ngộ ở Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ
Photo: Eleven Myanmar

MÃ LAI: Đài tưởng niệm nạn nhân vụ rơi máy bay MH17 được lập tại chùa Sri Jayanti ở Jalan Sentul

Sáng ngày 20-7-2014, tại chùa Sri Jayanti ở Jalan Sentul, Kuala Lumpur, hơn 100 Phật tử và công chúng đã tập trung để lập một đài tưởng niệm các nạn nhân của máy bay MH17 của Hãng không Mã Lai (MAS), và cũng để bắt đầu lễ cầu siêu hàng đêm kéo dài trong 2 tuần.

Hòa thượng Đại Trưởng lão tăng Sri Saranankara chủ trì tụng niệm, và các nghi thức Phật giáo được cử hành để tôn vinh những người đã chết.

Hòa thượng Sri Saranankara nói rằng 2 vụ rơi máy bay của MAS là điều gây đau lòng. Ông cho biết trong 12 năm qua, một số tình nguyện viên MAS thường xuyên tham gia các dự án từ thiện của chùa.

Ông nói, "Khi chúng tôi có một buổi lễ quan trọng thì luôn luôn có 30 đến 40 tình nguyện viên của phi hành đoàn Mã Lai đến giúp." Ông nói rằng đối với dự án sinh viên nghèo thường niên của chùa, các tình nguyện viên MAS không những giúp đóng góp và phân phối gạo và đồng phục mà mỗi lần như vậy còn đóng góp hơn 10.000 cuốn vở. "Chúng tôi không biết có tình nguyện viên nào là thành viên phi hành đoàn của chiếc MH17 không, nhưng đã có một tình nguyện viên đi theo chiếc MH370".

Ngoài ngôi chùa Sri Jayanti, các lễ cầu nguyện tương tự sẽ được tổ chức tại khoảng 300 tự viện và các hiệp hội Phật giáo khác trên khắp đất nước trong những ngày tới.

(Buddhist Channel – July 22, 2014)



Đài tưởng niệm nạn nhân máy bay MH17 được lập tại chùa Sri Jayanti (Mã Lai)—Photo: Jamie Koh

BHUTAN: Nhà sư – đạo diễn bộ phim về Phật giáo và Bóng đá

Mối liên hệ giữa Bóng đá và Phật giáo đã bắt đầu khi Thượng tọa Dzongsar Khyentse, còn gọi là Khyentse Norbu, ra mắt thế giới với bộ phim độc đáo, hài hước và lạ lùng có tên là 'Chiếc Cúp'. Toàn bộ phim được quay trong một khu định cư người Tây Tạng ở Ấn Độ.

Phim mô tả câu chuyện của 2 tiểu tăng Tây Tạng đến Ấn Độ để tu học. Cuộc sống của 2 cậu thay đổi khi một đồng đạo phần đầu thuê một TV tại một ngôi làng gần đó để xem trận chung kết World Cup.



Lạt ma Khyentse Norbu, tác giả và là đạo diễn của bộ phim 'Chiếc Cúp'

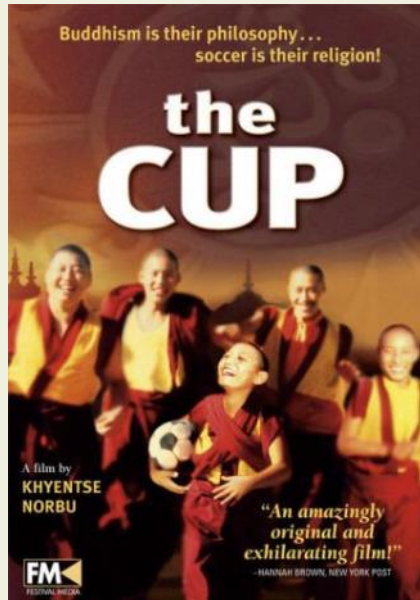
Phát hành năm 1999, phim Chiếc Cúp - với câu chuyện táo bạo và thú vị về tình yêu ngây thơ của các cậu bé dành cho một môn thi đấu - đã đoạt được 5 giải thưởng quốc tế và 3 đề cử.

Là tác giả kiêm đạo diễn, lạt ma Khyentse Norbu nói, "Lớn lên trong một tu viện, tôi đã nhận thấy, bằng cách nào đó, chư tăng bị ám ảnh với bóng đá... Ai cũng nghĩ rằng tăng sĩ thuộc về đạo đức và giới luật. Nhưng người ta quên rằng tăng sĩ cũng là con người. Giới luật tu viện là một lý tưởng, một mục tiêu phải đạt được".

Sau phim Chiếc Cúp, Khyentse Norbu tiếp tục làm 2 phim nữa là

Những Người du hành và những Pháp sư (2003) và Vara: Một phúc lành (2013).

(Buddhist Door – July 25, 2014)



*Poster phim 'Chiếc Cúp'
Photos: internetmoviedatabase*

CANADA:

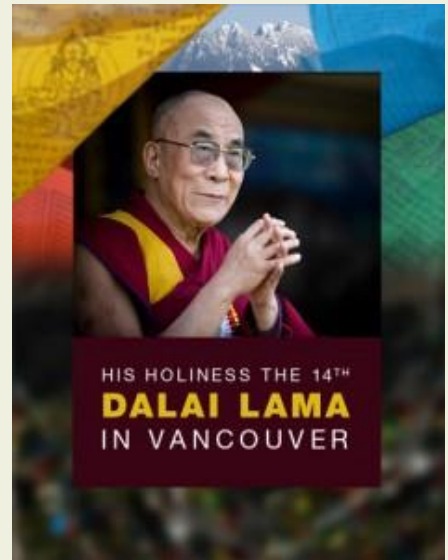
Đức Đạt lai Lạt ma sẽ thuyết pháp tại Vancouver BC

Vào ngày 23-10-2014, Đức Đạt lai Lạt ma sẽ có một ngày thuyết pháp tại Trung tâm Thể thao Doug Mitchell Thunderbird trong khuôn viên trường UBC.

Đức Đạt lai Lạt ma sẽ trình bày về "Quán Thế Âm độ trì", một giáo huấn gia trì về lòng từ bi. Đây là một loạt nghi lễ và giáo lý mà một vị thầy Phật giáo có thể dùng để giúp học viên trau dồi lòng từ bi và tu tĩnh trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Tiền thu được từ sự kiện này sẽ dùng để hỗ trợ giáo hội BC của Dự án Tái định cư Người Tây Tạng, một sáng kiến nhân đạo chưa từng có của Đức Đạt lai Lạt ma nhằm tái định cư 1.000 người Tây Tạng di cư đến Canada. Dự án bao gồm cả những người Tây Tạng sống trong các trại tị nạn nghèo khổ nhất của bang Arunachal Pradesh, bắc Ấn Độ. Với sự hỗ trợ của chính phủ Canada và các nhóm cộng đồng địa phương, người Tây Tạng di cư sẽ có cơ hội học hành, làm việc và bắt đầu một cuộc sống mới.

(Buddha Dharma – July 25, 2014)



*Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: Buddha Dharma*

VƯƠNG QUỐC ANH: Bộ sách mới về kiến trúc Phật giáo sẽ ra mắt vào tháng 9

Luân Đôn, Vương quốc Anh – Ngày 19-7-2014, nhà xuất bản độc lập JP Publishing đã công bố lịch trình một loạt buổi ký tặng sách và thuyết trình của tác giả để ra mắt bộ sách mới về kiến trúc của thế giới Phật giáo.

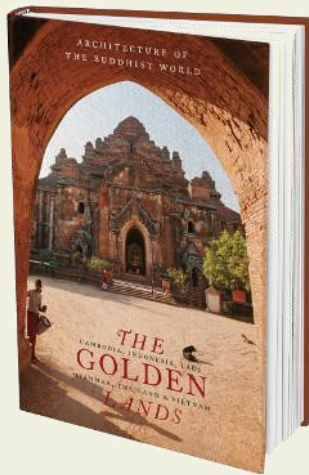
Tác giả Vikram Lall, bản thân là một kiến trúc sư thực hành, sẽ viếng Luân Đôn trong tuần đầu của tháng 9-2014. Sau đó ông sẽ tiếp tục một loạt sự kiện ra mắt bộ sách mới này tại các thành phố khác, bao gồm Brussels, New York City, Hồng Kông, Singapore, Kuala Lumpur và Bồ đề Đạo tràng.

Vikram Lall là một cộng sự và là kiến trúc sư chính của Lall & Các đồng nghiệp, một công ty kiến trúc hàng đầu tại New Delhi, Ấn Độ. Ông còn là một giáo viên và học giả, đã thuyết trình về lịch sử và lý thuyết về kiến trúc tại các tổ chức trên toàn thế giới. Bộ sách hiện tại về kiến trúc Phật giáo đại diện cho tổng kết của 25 năm nghiên cứu chuyên sâu của ông về kiến trúc Phật giáo.

(tipitaka.net – July 27, 2014)

Biểu trưng của bộ sách Kiến trúc của Thế giới Phật giáo —>





Tập Một - với tựa đề 'Những Vùng Đất Vàng' (Phật giáo Đông Nam Á) - của bộ sách Kiến trúc của Thế giới Phật giáo—Photos: EIN NEWS

HÀN QUỐC: Các sơn tự Phật giáo Hàn quốc được đăng ký là Di sản Văn hóa Thế giới UNESCO

Seoul, Hàn quốc - Với việc thành lập một hiệp hội mới để tạo điều kiện và giám sát quá trình ghi danh cho đến năm 2018, Hàn quốc đang đẩy mạnh những nỗ lực để ghi danh các sơn tự Phật giáo truyền thống của quốc gia như là các Di sản Văn hóa Thế giới UNESCO.

Qua việc ký một biên bản ghi nhớ vào ngày 6-8-2014, Tổng phái Tào Khê của Phật giáo Hàn quốc sẽ chung tay với các tổ chức khác nhau, bao gồm Cục Quản lý Di sản Văn hóa Hàn quốc và 12 tổ chức khu vực, để lập nên một ủy ban hỗn hợp cho dự án ghi danh.

Các ngôi chùa Phật giáo truyền thống Hàn quốc hiện đang được đăng ký trên danh sách dự kiến của các Di sản Thế giới UNESCO là chùa Magoksa ở Gongju, chùa Beopjusa ở Boeun, Tongdosa ở Yangsan, Buseoksa ở Yeongju, Bongjeongsa ở Andong, Daeheungsa ở Haenam và Seonamsa ở Suncheon.

(buddhistchannel.tv - August 1, 2014)



Chùa Buseoksa, một trong số các chùa Hàn quốc được đăng ký là Di sản Thế giới UNESCO
Photo: The Korea Herald

TÍCH LAN: Tổng thống Tích Lan trao tặng Hoa Kỳ và Hàn quốc các xá lợi Phật giáo

Colombo, Tích Lan - Tích Lan đã tặng các xá lợi Phật giáo thiêng liêng để tôn trí tại Hoa Kỳ và Hàn quốc để Phật tử tại các nước này thờ phượng.

Tại chùa Tự Mộc ở Colombo vào tối 28-7, Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa đã trao tặng các bình đựng xá lợi Phật giáo thiêng liêng cho các phái đoàn gồm Trung tâm Phật giáo Missouri ở Hoa Kỳ và Trung tâm Phật giáo Sokvansa ở Hàn quốc.

Sự kiện tôn giáo này được tổ chức dưới sự bảo trợ của Thượng tọa Trưởng lão tăng Thavala Bodhiseeha - Sư trưởng Đương nhiệm của Trung tâm Phật giáo Missouri - và Thượng tọa Trưởng lão tăng Dombagahavela Damitha - Sư trưởng Đương nhiệm của Trung tâm Phật giáo Sokvansa.

(Buddhist Channel - August 1, 2014)



Tổng thống Tích Lan trao tặng xá lợi Phật giáo cho đại diện phái đoàn từ Hàn quốc
Photo: News Lanka

HOA KỲ: Lễ thả hoa đăng thường niên lần thứ 31 trên Hồ Holmes, Lincoln (Nebraska)

Lễ hoa đăng Lincoln thường niên lần thứ 31 có tên là "Những Đường ống hay Nhà máy Hạt nhân" sẽ diễn ra trên bờ đông bắc của Hồ Holmes vào ngày 9 tháng 8, là ngày đánh dấu kỷ niệm 69 năm của vụ ném quả bom nguyên tử đầu tiên lên Nagasaki, Nhật Bản.

Đền lồng trong lễ thả hoa đăng được dùng trong các nghi lễ Nhật Bản để hướng dẫn những oan hồn. Còn lễ hoa đăng của Lincoln, được tài trợ bởi tổ chức Người Nebraska vì Hòa bình, là để tưởng niệm tất cả những người bị ảnh hưởng bởi việc thử hạt nhân từ năm 1946 đến 1962. Phần tôn giáo của chương trình sẽ tập trung vào Phật giáo, vì đa số nạn nhân bị bom là Phật tử.

Sasaki Taido của Chùa

Jokoji (ở Osaka, Nhật Bản) sẽ có một bài giảng pháp Phật giáo ngắn được soạn đặc biệt dành cho lễ hoa đăng của Lincoln. Còn Sheila Shanks và Susan Alleman, cả hai là thành viên của Người Nebraska vì Hòa bình, sẽ nói về những phản ứng của Phật giáo Hoa Kỳ đối với chiến tranh hạt nhân, và sự quan sát từ những chuyến thăm các địa điểm hạt nhân và chùa chiền Nhật Bản.

Lễ kết thúc vào lúc hoàng hôn với việc thả sáng những đèn lồng mang những thông điệp, bày tỏ hy vọng của người Nebraska liên quan đến năng lượng hạt nhân và hòa bình.

(journalstar.com - August 2, 2014)



Lễ hoa đăng Lincoln năm 2013: Hoa đăng với thông điệp hòa bình được thả trôi trên Hồ Holmes
Photo: Jphn Keller

HÀN QUỐC: Tranh Phật giáo Cao Ly được Ni trưởng Hyedam tái tạo

Seoul, Hàn quốc - Ni trưởng Chùa KyeTae ở Sokcho, tỉnh Gangwon là Ni sư Hyedam, 63 tuổi, chuyên sâu về vẽ tranh từ thời Vương quốc Cao Ly (918-1392). Bà không phải là người đếm bao nhiêu giờ mình dành cho việc tái tạo những tranh Phật giáo Cao Ly, vì đối với bà, nó là một cách hành thiền.

Trong hơn 4 thập kỷ, mỗi ngày Ni sư Hyedam thường dành 16 đến 18 giờ để vẽ tranh. "Có những lần tôi cảm thấy rã rời cánh tay, mắt muốn nổ tung và tim như ngưng đập", bà nói.

Kể từ khi còn bé, Ni sư Hyedam đã bị những bức tranh Phật giáo vương quốc Cao Ly mê hoặc. Bà sẽ trình bày công trình của mình qua các tranh vẽ tại cuộc triển lãm đặc biệt ở Bảo tàng Louvre (Paris, Pháp), diễn ra từ ngày 9 đến 15-12-2014.

Ni sư nói, "Mỗi quốc gia đều có di sản riêng, vốn là một câu chuyện của lịch sử, tinh thần và tính toàn vẹn của nhân dân. Nhưng Cao Ly là quốc gia đầu tiên nhận Phật giáo là quốc giáo. Đó là thời loạn do xung đột nội bộ và



những cuộc xâm lăng, và giai cấp thống trị của Cao Ly muốn cầu xin sự tha thứ cho việc cố ý gây hại cho người khác- thông qua tranh Phật giáo”..

(Buddhist Art News – August 4, 2014)



Ni sư Hyedam và tác phẩm tranh Phật giáo Cao Ly
Photos: KyeTae Temple

MIỄN ĐIỆN – THÁI LAN; Tín đồ Phật giáo và Hồi giáo cùng tham gia vì sự hòa hợp liên tôn giáo

Tại Miễn Điện và Thái Lan, đã có những nỗ lực chung của tín đồ Phật giáo và Hồi giáo để vượt qua sự chia rẽ giữa 2 tôn giáo này và chống lại những nhận thức sai lầm và hiểu lầm giữa họ.

Tại thành phố Mandalay của Miễn Điện, nơi đã chịu những xung đột nghiêm trọng giữa Phật giáo và Hồi giáo vào tháng 7, Nhóm phúc lợi Xã hội Hồi giáo đã cúng dường thực phẩm và áo cà sa cho các tăng sĩ tại Tu viện Masoe Yein vào ngày 3-8 để thúc đẩy sự hòa hợp liên tôn giáo. Nhóm này đã tặng quà cho các tu sĩ Phật giáo hàng năm kể từ năm 2012. Tuy nhiên, năm nay việc này rất có ý nghĩa vì trong những vụ đụng độ gần đây, chư tăng địa phương đã khiển trách các cư dân, bảo họ không được tham gia mà phải giữ bình tĩnh.

Còn tại Thái Lan, một diễn đàn có tên “Phá vỡ Bức tường Im lặng: Hãy ngừng Cướp đi Mạng sống của Phụ nữ và Trẻ em” do một hội phụ nữ ở Bangkok và một số hội phụ nữ từ miền nam tổ chức vào ngày 22-7. Các bà mẹ,

con gái và chị em Phật giáo và Hồi giáo mô tả cách họ đã chịu đựng trong bạo lực, và nói về những người thân yêu đã mất.

Vào lúc kết thúc diễn đàn, các hội phụ nữ và thân nhân đã đưa ra một tuyên bố kêu gọi các bên vũ trang “dừng bất cứ hoạt động nào gây tổn hại cho dân thường”.

(Buddhist Door – August 8, 2014)

ANH QUỐC: Phật Ngôn: Triển lãm bảo tàng đầu tiên về tài liệu Tây Tạng tại Cambridge

Phật Ngôn là triển lãm bảo tàng đầu tiên về tài liệu Tây Tạng tại trường Đại học Cambridge. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử của Bảo tàng Khảo cổ và Nhân chủng học của trường, các bộ sưu tập Phật giáo của nó sẽ được trưng bày trong một cuộc triển lãm.

Phật Ngôn tập hợp những bộ sưu tập và nghiên cứu từ 3 trong số các Bảo tàng của trường Đại học Cambridge cũng như từ Thư viện của trường, và từ các trường Cao đẳng Emmanuel và Pembroke.

Nhiều hiện vật trong số các đồ tạo tác, bản in và bản thảo trong triển lãm chưa từng trưng bày trước công chúng.

Triển lãm lập biểu đồ một số hành trình phi thường mà những ngôn ngữ của Đức Phật đã thực hiện: vượt qua núi, biển và có những dạng vật chất khác nhau tại những nơi khác nhau. Đây là câu chuyện của sự chuyển hóa của Phật ngôn – từ lá cọ, sang giấy, đến đạo pháp kỹ thuật số. Nó tập trung vào sách, vốn không chỉ là những vật dụng của học tập và nghiên cứu, mà còn như là những di tích của Đức Phật, và như những linh vật có giá trị.

(Buddhist Art News – August 10, 2014)



Bản kinh cổ trưng bày tại triển lãm Phật Ngôn
Photo: buddhistartnews

HOA KỲ: Cuộc Đi bộ để Cung cấp thức ăn cho Người đói 2014 của tổ chức Phật giáo Cứu trợ Toàn cầu

Tổ chức cứu trợ của Phật giáo gọi là Phật giáo Cứu trợ Toàn cầu (BGR) – có văn phòng ở New Jersey, Hoa Kỳ - đã phát hành lịch trình năm 2014 của hoạt động Đi bộ để Cung cấp thức ăn cho Người đói, sẽ diễn ra tại 10 thành phố khác nhau trên khắp nước Mỹ.

Vào năm 2010, BGR đã bắt đầu với một cuộc Đi bộ để Cung cấp thức ăn cho Người đói nhằm gây quỹ cho những dự án như cung cấp dụng cụ và đào tạo cho nông dân, bảo trợ giáo dục cho các nữ sinh nghèo, và duy trì các chương trình lương thực đô thị tại các thành phố Detroit và New York, v.v.

Lịch trình hoạt động năm 2014 của cuộc Đi bộ để Cung cấp thức ăn cho Người đói sẽ diễn ra lần lượt vào các ngày thứ bảy và chủ nhật, từ ngày 6-9 đến 22-11-2014 tại 10 thành phố của các tiểu bang Michigan, California, Texas, New York, Washington, Montana và Connecticut.

(Buddha Dharma – August 11, 2014)

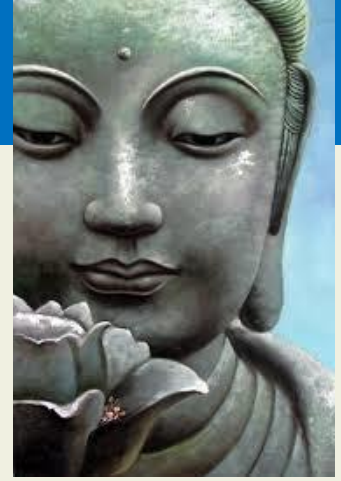


Hình ảnh một cuộc Đi bộ để cung cấp thức ăn cho Người đói
Photo: Buddha Dharma



VẬN NƯỚC MỘT THỜI QUA VĂN HỌC SỬ PHẬT GIÁO

Minh Đức Triều Tâm Ảnh



Sau khi đại phá quân Nam Hán tại sông Bạch Đằng năm 938 thì năm 939, Ngô Quyền lên ngôi vua, chấm dứt 1000 năm lệ thuộc, đem lại nền độc lập tự chủ cho dân tộc. Ông ở ngôi được 6 năm, đến năm 949 thì mất. Và sau đó là loạn lạc kéo dài, đến năm 965 thì nhà Ngô sụp đổ. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên 12 sứ quân, lập nên nhà Đinh – Đinh Tiên Hoàng - đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

Năm 971, Đinh Tiên Hoàng nghe tiếng nhà sư Ngô Chân Lưu lâu thông kinh giáo, học rộng biết nhiều nên vời về triều. Sau cuộc đàm đạo, vua thích ý, phong nhà sư làm Tăng Thống rồi ban hiệu là Khuông Việt. Do hiệu là Khuông Việt, có nghĩa là "khuông phò nước Việt", và chức Tăng Thống thì giống như "thầy vua", còn lớn hơn các vị khai quốc công thần như Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc, Thập đạo tướng quân Lê Hoàn - nhiều người nghĩ thầm, chắc nhà vua có ý hàm ân nhà Ngô đã đuổi giặc Nam Hán, lập nên một trang sử mới. Điều ấy chỉ đúng một nửa, nửa kia là chuyện "Khuông phò nước Đại Cồ Việt" vậy.

Nhà Đinh tồn tại được 12 năm thì sinh biến loạn (Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị ám hại). Trong lúc triều đình đang rối ren thì đầu xuân năm 981, Hầu Nhân Bảo nhà Tống mang quân sang xâm lược. Do thái tử còn nhỏ nên bá quan tôn Thập đạo tướng quân Lê Hoàn lên làm vua, hiệu là Đại Hành hoàng đế, cùng triều đình bàn kế chống giặc.

Theo "Thiên Uyển tập anh", ta biết thêm, đại ý: **Tháng 4 năm 981**, khi nghe quân Bảo đóng tại Cương Giáp, Lạng Sơn, vua rất lo lắng. Nghe danh thiền sư Vạn Hạnh biết việc quá khứ, vị lai, nói câu nào ra đều là sấm ngôn, sấm ngữ nên vua thỉnh mời sư đến triều, cốt ý đem chuyện chiến tranh, thắng hay bại ra hỏi. Sư không vào châu, chỉ gửi đến vua lời tiên tri quyết chắc: "Trong 3, 7 ngày tất giặc phải lui". Sau, quả nhiên như thế! Quân của Hầu Nhân Bảo bị đánh tan, chết hơn nửa khi vừa kéo quân đến cửa sông Cà Lồ; y thì chết trong đám loạn quân, số tàn quân còn lại trốn chạy về phương Bắc.

Đầu năm 982, Lê Đại Hành thiết lập kỷ cương, ổn định triều chính; một niềm kính trọng thiền sư Khuông Việt nên phàm việc quân, việc nước, vua đều nhờ sư cố vấn. Không những thế, khi nghe danh thiền sư Pháp Thuận học rộng, thơ hay, rõ việc đương thời nên vua cung thỉnh vào triều để giúp ông trừ định sách lược. Mọi văn thư ngoại giao, chiếu chỉ, sắc phong... đều nhờ cậy tài bác học của sư đảm nhiệm. Vua tôn kính vô cùng, tránh tên Pháp Thuận, chỉ gọi ngài là Đổ Pháp Sư!

Thắng Tống mà triều đình Đại Cồ Việt không kiêu! Khi triều chính tạm thời yên ổn, Lê Đại Hành cho sứ giả sang Tống cống nạp lễ phẩm xin được

bang giao hòa hiếu. Tống thuận. Tuy nhiên, khi sứ Tống đến Hoa Lư, yêu cầu vua quỳ để tiếp nhận sắc chỉ của vua Tống phong cho làm Giao Chỉ quận vương - Đại Hành viện cố đau chân, không quỳ, sứ Tống chẳng bắt bẻ được. Để tránh việc tiếp sứ giả phiến hà và tốn kém, Đại Hành còn đề nghị nước Tống, lần sau, chỉ cần sứ thần đến đầu địa giới, báo tin thì Hoa Lư sẽ cử người đi đón tiếp. Tống cũng phải khứng chịu.

Vậy là sau năm 983, sứ giả Tống qua lại nhiều lần, lúc thì trấn an, xoa dịu, lúc thì hăm dọa làm khó để đủ điều mà chưa lần nào khuất phục hoặc qua mặt được nhà vua - vì triều đình có sẵn ba bậc đại trí thức thiền sư tham mưu, cố vấn.

Năm 987, người Tống là Lý Giác sang sứ, vua nhờ Đổ Pháp Sư cải trang làm quan coi bến (cái bến có chiếc đò ngang được sắp xếp mà sứ giả phải đi qua) để theo dõi hành động của y, đồng thời, biết ngài là người có khả năng trí thức, văn hóa, thừa ngôn ngữ giao tiếp, ứng đối, khỏi sợ bị bề mặt trước sứ giả nhà Tống.

Sư làm người chèo đò chờ Lý Giác.

Thấy chú chèo đò tuy ăn mặc lam lũ nhưng dáng dấp và phong thái rất nho nhã, không phải là kẻ tầm thường, Giác biết ngay đây là sự sắp đặt tinh tế của triều đình Đại Cồ Việt!

Đò ngang qua nửa sông, gặp khi có hai con ngỗng trắng nhẹ nhàng bơi trên mặt nước, đẹp quá, hữu tình quá, Giác muốn thử trình độ văn học của chú chèo đò, miệng tùm tím cười, sau đó ngâm chơi rằng:

- Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nha.

(Song song ngỗng một đôi
Ngước mặt ngó chân trời)

Nghe câu thơ, do học rộng biết nhiều, thiền sư thấy Lý Giác đã "bé đôi", lấy nửa đầu trong bài thơ "vịnh nga" của thần đồng Lạc Tân Vương sống trước đó 300 năm, làm lúc 10 tuổi mà ngày nay chúng ta còn tìm thấy trong "Toàn Đường thi tập" (1); và nguyên văn của nó như sau:

- Nga nga nga
Khúc hạm hướng thiên ca
Bạch mào phù lục thủy
Hồng **chương bát** thanh ba".

(Nga nga nga
Ngưỡng cổ kêu ngó trời
Lông trắng trôi nước biếc
Sóng xanh chân hồng bơi).

Sư suy nghĩ thật nhanh: Chà, chà, "nga nga nga" mà biến thành "nga nga lưỡng nga nga" bằng hình ảnh hai con ngỗng song song bơi trên mặt nước, trước mắt, quả là tài tình. Còn "khúc hạm hướng thiên ca" được "thôi, xao" thành "ngưỡng

diện hướng thiên nha” lại càng chuẩn và hay hơn nhiều! Tên sứ này giỏi! Vậy thì ta cũng cải biên mấy chữ của Lạc Tân Vương để chắp nối thành một bài ngũ ngôn tứ tuyệt cho y biết tay trình độ học thức của dân đen xứ “*Nam man*”!

Rồi vừa chèo đò, vừa cười thầm trong bụng, sử dụng ngầm tiếp:

- Bạch mao **phô** lục thủy
Hồng **trạo** **bãi** thanh ba.

Vậy là ai cũng tự ý thay đổi chữ này, chữ kia bài thơ cũ của Lạc Tân Vương, cuối cùng thành:

*“Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha.*

*Bạch mao phô lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba”.*

(Song song ngóng một đôi,
Ngửa mặt ngó lên trời.

Lông trắng phơi dòng biếc,
Sóng xanh chân hồng bơi). (2)

(T.T Mật Thể dịch)

Cuộc ứng đối thú vị này, cố người đã bình như sau: “*Thâm ý của Lý sứ thần điển nhã và thâm trầm đến vậy mà vẫn bị chú chèo đò ‘bắt bài’ bằng tinh thần chẳng thua kém trí thức và văn hóa vậy”.*

Có lẽ nghe xong, Lý Giác rất kinh dị cái tài thơ cùng kiến thức bác lãm cổ văn của chú chèo đò – nên sau này, Lê Quý Đôn (3) đã tán dương thiên sư Pháp Thuận bằng 8 chữ: “*Thuận sư thi cú, Tống sư kinh dị*” (Thi cú của thiên sư Pháp Thuận làm cho sử Tống kinh dị).

Còn theo “*Đại việt sử ký toàn thư*” thì sau khi Đỗ Pháp Sư tiếp vắn nổi hai câu để thành bài thơ tứ tuyệt như trên, Giác rất khâm phục, về tới sứ quán, y làm một bài thơ tặng sư Pháp Thuận - tức là chú chèo đò - với ý nghĩa rất trân trọng tình hữu nghị giữa hai nước:

- Hạnh ngộ minh thời tán thịnh du
Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu
Đông đô lưỡng biệt tâm vuu luyến
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch
Xa tử thanh chướng phiếm trường lưu
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu
Khê đàm ba tỉnh kiến thiêm thu.

(*May gặp thời minh giúp việc vua*

Một mình hai độ sứ Giao Châu

Đông Đô đôi biệt lòng lưu luyến

Nam Việt muôn trùng ngóng chưa bưa

Ngựa đạp mây mù qua sóng đá

Xe rời núi biếc thả buồm đưa

Ngoài trời còn có trời soi rạng

Sóng lặng khe đầm ngấm nguyệt thu).

(Lê Mạnh Thát dịch)

Thiên sư Pháp Thuận mang bài thơ của Lý Giác cho nhà vua xem; nhà vua lại hỏi thiên sư Khuông Việt là Lý Giác có ý gì trong bài thơ ấy. Thiên sư Khuông Việt nói:

“*Thơ này nó tôn bệ hạ không khác gì vua Tống*”. Thật ra, còn hơn cả vua Tống, vì “*ngoài trời còn có trời soi rạng*” kia mà! Vua khen ý thơ, tặng cho sứ giả rất hậu. Khi Giác từ biệt ra về, vua ngõ ý nhờ Khuông Việt làm bài hát (từ khúc) để tiễn đưa nữa:

- Tường quang phong hảo cấm phạm trường
Thần tiên phục đế hương
Thiên trùng vạn lý thiệp thương lương
Cửu thiên quy lộ trường
Nhân tình thâm thiết đối ly trường
Phan luyến sứ tinh lang
Nguyện tương thâm ý vị Nam cương
Phân minh báo ngã hoàng.



(*Gió hòa phấp phới cánh buồm hoa
Thần tiên trở lại nhà
Đường muôn nghìn dặm trải phong ba
Cửa trời nhắm đường xa
Một chén quan hà dạ thiết tha
Thương nhớ biết bao là
Nôi niếm xin nhớ cõi Nam hà
Bày tỏ với vua ta).*

(T.T Mật Thể dịch)

Người ta nói rằng đây là bài từ khúc có tên là “*Vương lang quy*” hay “*Ngọc lang quy*” – nhưng theo GS. Lê Mạnh Thát thì đây là bài ca từ được hát theo điệu nhạc có tên là “*Nguyễn lang quy*”, chỉ sự từ biệt Đào Nguyên để trở về trần của Lưu Thần và Nguyễn Triệu. Xét theo thể tài, âm luật và nhạc điệu thì nó hoàn toàn giống với “*Nguyễn lang quy*” rất thịnh hành vào thời Đường-Tống.

Và đây cũng là “*thâm ý*” mà một nhà sư Đại Cồ Việt ở nơi miền Nam bang biên địa xa xôi làm tặng sứ giả nhà Tống. Sự ứng xử với tác phong văn hóa ấy chắc hẳn phải làm cho “*chính quốc*” nể phục, không dám coi thường.

Âm luật của loại từ khúc “*Nguyễn lang quy*” này có 8 câu, 4 vế, mỗi vế 2 câu, câu trước 7 chữ, câu sau 5 chữ; và cuối luật bằng là vần bằng, nếu không có kiến văn và không nghiên cứu sâu rộng thì không thể biết được, làm được. Đây là bài từ xưa nhất hiện còn, không những của nước Nam ta mà là của Trung Quốc nữa. Nó là bài ca từ quý nhất, cổ xưa nhất trong lịch sử ngoại giao và lịch sử văn học dân tộc.

Nhà bác học Lê Quý Đôn trong “*Kiến văn tiểu lục*” khi đọc được bài từ khúc này trong “*Thiên Uyển Tập Anh*” đã không hết lời khen ngợi lời lẽ của nó: “*Nôn nà tường có thể vốc được.*” Và đánh giá nó bằng hai câu thơ:

*“Chân Lưu tài tử
Trứ xứng nhất thời”.*

(Từ điệu tài hoa của (Ngô) Chân Lưu quả thật là trứ danh một thời).

Còn Phan Huy Chú trong “*Lịch triều hiến chương*” thì đánh giá với đại ý: “*Khúc hát hay cũng*

đủ chúng tỏ là nước ta có nhân tài, quốc thể được tôn trọng, làm cho Bắc phương phải thán phục”.

Một thiền sư đoán việc như thần dù được mời nhưng không đến triều vì biết là chưa đúng thời (4). Một thiền sư giả trang làm lái đò, chỉ qua vài câu thơ đã làm cho sứ Tống phải thán phục, không dám coi thường con dân Đại Cồ Việt. Một vị thiền sư khác, làm khúc ca từ - chỉ thịnh hành ở thời Đường-Tống bên Tàu, để tiễn đưa sứ giả "bốn quốc" với tình cảm vừa thắm thiết vừa cao nhã. Thật ra, vua tôi Nam bang, chỉ mong sứ giả về tàu lại cho vua Tống rõ tình cảm trân trọng ấy và chỉ mong sự hòa hiếu cho muôn dân hai nước đỡ khổ vì chiến tranh. Đây là thái độ nhu thuận khôn ngoan của vua tôi Nam bang - vốn biết mình nước nhỏ, sức yếu - mặc dầu vừa đánh thắng quân Tống.

Tuy nhiên, sau khi sứ giả về rồi, có lẽ thấy rõ đã tâm phần trách khó lường bao đời của giặc Bắc; biết rõ sự khôn khéo và ẩn nhẫn ngoại giao của mình chỉ là kế nhất thời, kế dài lâu là phải có nội lực tự cường để an dân, giữ nước. Vì nghĩ vậy nên nhà vua hỏi thiền sư Pháp Thuận về "vận nước" - vì nhà sư là bậc "bác học công thi, phụ vương tá chi tài, minh đương thế chi vụ" (Một nhà bác học, giỏi về nghệ thuật thi ca, có tài năng phụ tá nhà vua trong việc chính trị và thông hiểu về tình hình thực tại của đất nước).

Với cái nhìn sắc bén của một vị thiền sư lỗi lạc, lại "minh đương thế chi vụ", Pháp Thuận đã khai sáng cho nhà vua một "nguyên lý chính trị": Lấy đạo đức bản thân làm nền tảng, đại đoàn kết dân tộc là "nội lực" quyết định đem đến sự thái bình cho muôn dân Đại Cồ Việt. Nên khi được hỏi, như đang có sẵn trong đầu, sư đọc ngay bài thơ tứ tuyệt:

Nguyên bản Hán Văn:

國祚

國祚如藤絡，
南天裏太平。
無為居殿閣，
處處息刀兵。

Quốc tộ

- Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình.
Vô vi cư điện các,
Xứ xứ tức đao binh.

(Vận nước

Vận nước như dây quấn
Trời Nam mở thái bình
Vô vi ở điện các
Chỗ chỗ dứt đao
binh).

"Vận nước như dây mây quấn" nói đến tình hình rối ren muôn đời của việc nước, việc nhà, việc trị, việc an... như dây leo quấn chặt không tìm ra đầu mối - nhưng cũng vừa gợi ý sự đoàn kết của vua quan và muôn dân trăm họ bởi hình ảnh một bó dây mây bền chắc kết lại trước hiểm họa bao đời từ phương Bắc.

"Vô vi ở điện các". Chữ "vô vi" này rõ ràng không còn mang ngữ nghĩa "vô vi" của Lão Tử mà cũng không hoàn toàn là thuật ngữ Phật học với ý nghĩa rộng rang, giải thoát. "Vô vi" ở đây đã trở thành nội hàm của một khái niệm tổng hợp cả ba nền tư tưởng Nho-Phật-Lão. Nhà sư khuyên vua và triều đình phải sống đời trung chính, đạo đức hiền thiện, thuận theo lẽ tự nhiên, đừng những nhiễu mọi người, hao phí tài lực của lê dân để làm gương soi cho bá tánh. Khi triều đình sống được như vậy và nhân dân một lòng đoàn kết thì xứ xứ sẽ hết đao binh và trời Nam sẽ thái bình thịnh trị.

Chỉ với mấy câu kệ thơ mà Pháp Thuận đã để lại cho nền văn học nước nhà một tác phẩm mang nhiều giá trị tư tưởng học thuật, tư tưởng chính trị minh triết cùng thái độ hành xử của tu sĩ: Vừa không đánh mất phẩm cách của sa-môn, vừa giúp được vua, giúp được nước.

Nói tóm lại, do sử liệu ít ỏi, tuy văn học sử chỉ còn để lại mấy bài thơ của các vị thiền sư, nhưng ta cũng có thể hình dung được diện mạo văn học một thời. Đinh, Lê mới chỉ vừa lập quốc, nhưng đâu phải vì vậy mà văn hóa, văn phong, tư tưởng không nội hàm một sinh lực với giá trị tâm linh lâu đời.

Để kết luận.

"Thiền uyển tập anh" còn cho biết đại lược rằng: "Thời Lê Đại Hành chống Tống, vua thường mời đại sư Khuông Việt và Pháp Thuận cùng dự bàn chính sự, đến khi thái bình, vua ban khen, các sư không nhận, lui về núi ở ẩn".

Ồi, đẹp thay! Hùng tráng thay! Mà cũng thơ mộng thay là bài học về "vận nước một thời" cùng phong cách sống tao nhã và cao vời của các vị thiền sư - đáng cho thời đại và người học Phật ngày nay phải đắm chiêu và suy gẫm! Riêng tôi, không biết tại sao, lại rưng rưng nước mắt!

**MINH ĐỨC
TRIỆU TÂM ẢNH**



Ghi chú:

(1) 2, quyển 79, tờ 864 trong "Nghiên cứu Thiền uyển tập anh", trang 516 -

của GS. Lê Mạnh Thát.

(2) "Việt Nam Phật giáo sử lược" - Thích Mật Thể.

(3) Trong "Kiến văn tiểu lục", trang 493.

(4) Vạn Hạnh chỉ đến triều cuối Lê, đầu Lý và phò nhà Lý.

Những Ấn Ý Hàm Súc Mênh Mông của Ngôn Ngữ Việt Nam đối với Khả Năng Diễn Đạt của Chữ Anh, Chữ Pháp và Chữ Tàu

PHẠM CÔNG THIÊN

Chúng ta hãy bắt đầu lại với câu thơ mở đầu của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*: “Trăm năm trong cõi người ta.”

Câu này rất dễ hiểu, nhất là khi chúng ta để dấu phẩy sau hai chữ “trăm năm” như Trần Trọng Kim và Bùi Kỳ. Lê Xuân Thủy đã dịch ra Anh ngữ rất đúng nghĩa, theo sát sự phân đoạn sau dấu phẩy ấy: “*Within the span of a hundred years of human existence...*” mà chúng ta xin tự tiện dịch lại chữ Việt đại loại như vậy: “Trong vòng khoảng hay quãng một trăm năm của sự hiện hữu con người hay của sự tồn sinh, hiện sinh, tồn tại nhân sinh...” Câu dịch Anh ngữ rất chính xác và minh bạch. Bất cứ người nào biết cách sử dụng Anh ngữ một cách thận tình đi nữa thì cũng chỉ có thể dịch khác đi đôi chút, chứ không thể hơn được.

Chính tính cách rõ ràng sáng nghĩa của ngữ pháp văn phạm trong những ngôn ngữ Tây phương cận đại và hiện đại đã khiến câu thơ hàm súc của Nguyễn Du bị chuyển đưa qua một bình diện tầm thường theo điệu thời gian thông tục của Tây phương: cái này là thời gian, là quãng thời gian ở trong cái kia là cái thời gian khác hoặc thời gian lớn rộng hơn hoặc không gian khác trong không gian. Cái này là ở trong cái kia mà cái kia là cái khung thời gian hoặc cái khung không gian. Không gian cũng có thể được hiểu như có tính cách thuần nhất và được xác định bởi một vị trí nhất định nào đó trong việc liên hệ tương quan với những vị trí khác. Còn thời gian thì được xác định bằng cái hiện giờ, cái bây giờ trong cái chuỗi liên tục kéo dài từ cái đã đi mất và cái chưa tới, một chuỗi những cái hiện tại khoảnh khắc “bây giờ” được trương dài ra như sự duỗi ra và căng dài ra, làm thành tính cách “thân trương” (*extension*) của “sự thể thân trương” (*res extensa*) trong quan niệm thông tục của triết học Tây phương và nhận thức thông thường của người đời ở cả Tây phương và Đông phương hiện đại.

Trong bản dịch chữ Pháp, Nguyễn Văn Vĩnh lại



dịch câu thơ đầu của *Truyện Kiều* qua một bình diện khác có tính cách giải nghĩa công phu tường tận hơn và cũng bỏ dấu phẩy phân đoạn sau hai chữ “trăm năm” như Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim: “*Cent année, dans cette limite de notre vie humaine...*” mà chúng ta có thể dịch lại chữ Việt rằng: “Trăm năm, trong sự giới hạn này, kỳ hạn này hay niên hạn này của đời người chúng ta...”. Chữ “*limite*” của Nguyễn Văn Vĩnh đã được sử dụng khéo léo để dịch chữ “cõi” của Nguyễn Du, và đây là kết quả của cuộc suy ngẫm dài lâu của tiên sinh về câu thơ đầu tiên của *Truyện Kiều*.

Chính những chữ dịch đầu tiên của những dịch giả đi trước đã không làm vừa lòng tiên sinh như tiên sinh đã giải bày cặn kẽ trong lời chú thích dài cho câu dịch kia. Nguyễn Văn Vĩnh có

dẫn lại cách dịch của Abel des Michels rằng: “Xưa nay, giữa những con người...” (*De tout temps, parmi les hommes...*), còn Nguyễn Văn Vĩnh thì dịch vào năm 1913 như vậy: “Trong trăm năm làm thành cái kỳ gian có hạn định của đời người” (*Dans les cent ans qui constituent la durée limitée de la vie humaine*). Nhưng tiên sinh vẫn không vừa lòng và cố gắng dịch lại cho sát nghĩa hơn: “Trăm năm, trong cái hạn chế của đời người” (*Cent ans, dans cette limite de la vie humaine*). Tiên sinh đã đếm được cách dùng “trăm năm” trong *Truyện Kiều* đến mười lần và theo tiên sinh thì mỗi lần “trăm năm” phải được dịch ra chữ Pháp khác nhau. Đối với Nguyễn Văn Vĩnh, điều này có lẽ đã chứng tỏ rằng hai chữ “trăm năm” không có chữ tương nghĩa tương đồng thực sự trong chữ Pháp, chứ không phải chứng tỏ rằng tư tưởng Việt Nam thiếu mất tính cách tinh mật minh xác (“*Cela prouve peut-être qu’elle n’a pas son equivalent en français et non pas que la pensée annamite manqué de précision*”).

Điều tế nhị của Nguyễn Văn Vĩnh rất chính xác. Ngôn ngữ tiếng nói của chúng ta rất tinh mật, minh xác và chính xác mà vẫn tràn đầy những ấn ý hàm súc mênh mông và những khả tính phong phú

vô tận. Rất đáng tiếc là Nguyễn Văn Vĩnh vẫn bị hạn chế bằng dấu phẩy sau hai chữ “trăm năm.”

Một dịch giả không để dấu phẩy sau hai chữ “trăm năm” là đồng y sĩ Trương Cam Vũ lúc tiên sinh dịch lại *Truyện Kiều* ra chữ Tàu: “Trong trăm năm đời người quán trọ” (*Nghịch lữ nhân sinh bách tuế trung*), câu dịch tài tình và thừa ra hai chữ “*nghịch lữ*” (nhà trọ, quán khách) vì bị ảnh hưởng một câu thơ của Lý Bạch và vì câu thơ Tàu phải cần có đủ bảy chữ. Câu thơ của Nguyễn Du quá súc tích đến nỗi cái tính súc tích nổi tiếng của chữ Tàu cũng khó diễn lại đây đủ: “*Nghịch lữ nhân sinh bách tuế trung*”, “Quán trọ đời người hay đời người quán trọ trong trăm năm”.

Phân Tích Triết Học Về Chữ “Trong”

Khi nào chúng ta thực sự bình thản đọc đi đọc lại câu thơ đầu của *Truyện Kiều* thì bỗng nhiên vụt thấy rằng cái chữ quan trọng nhất trong sáu chữ “Trăm năm trong cõi người ta” lại chính là chữ “trong”, cái chữ nhẹ nhàng dễ hiểu nhất lại chính là cái chữ có trọng lực mạnh nhất trong sáu chữ.

Về mặt âm thanh thì chữ “trong” chỉ là “thanh phù bình”, theo luật bằng trắc trong thể lục bát thì đúng lẽ chữ thứ ba trong sáu chữ phải là *trắc* (như b b t t b b) thì ở đây Nguyễn Du cố ý dùng tiếng *bằng*. Sau “trăm năm” đáng lẽ là *trắc* (thí dụ như người làm thơ dở thì sẽ hạ bút thành tiếng *trắc* “chết”) thì lại xuất hiện tiếng *bằng* bất thường, “bất luận”, tức là chữ “trong” đứng ở giữa hai chữ đầu và ba chữ cuối. Chữ “trong” này giữ được sự cân đối thăng bằng giữa “trăm năm” và “cõi người ta”.

Thi tài tuyệt diệu của Nguyễn Du nằm ở chỗ bất ngờ xoay chuyển một cách đa diện như vậy mà vẫn có được nhịp nhàng linh động và hoạt khí lưu chuyển dào dạt. Tư tưởng linh diệu của Nguyễn Du và thi tài tuyệt diệu của Nguyễn Du chừng như đã liềm dung lại mười bốn chữ tuyệt vời của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều (*Trăm năm còn có gì đâu, chẳng qua một năm cỏ khô xanh rì*) thành ra sáu chữ tuyệt tác giản dị “Trăm năm trong cõi người ta”. Chính cái chữ “trong” bình thường mà lạ thường nhất trong câu thơ đầu tiên của *Truyện Kiều* đã khai mở cả chần trời bao la cho tư tưởng triết lý và triết học.

Bây giờ chúng ta hãy khoan thai chậm rãi dừng lại đôi giây phút với những “trong” này. Theo nghĩa thông thường mọi người đều biết rằng chữ “trong” có những ý nghĩa sau: ngày trước trong lịch sử Việt Nam, chúng ta có hai chữ “Đàng Trong” để chỉ vùng *đất Nam* của quê hương, đối với vùng *miền Bắc* là “Đàng Ngoài”. Chữ “trong” thường có nghĩa ở giữa khoảng không gian và thời gian về cả hai mặt vật lý và tâm lý như “trong” đối với “ngoài”. Riêng về mặt thời gian, chúng ta cũng thường nói “*trong khi*” và “*trong lúc*”. Chữ “trong” cũng phiếm chỉ giới hạn có tính cách số lượng trong không gian và thời gian như khi ta nói: “đường đi *trong* hai cây số”, “ngồi ngơi *trong* mười phút”, “lo lắng cho người *trong* gia đình” v.v...

Chữ “trong” của Nguyễn Du có tất cả ý nghĩa thông thường của tiếng nói Việt Nam và có cả ý nghĩa ngược lại nữa, phải chăng giống như điệu nói của Đào Duy Anh đã nhận xét cách dùng chữ “phóng khoáng, cốt gợi lên một hình ảnh tổng hợp mà không câu nệ vào nghĩa từng từ” như mấy chữ “*trong hào lũy*” của Nguyễn Du (theo Đào Duy Anh thì đáng lẽ phải nói: “trong thì lũy, ngoài thì hào mới phải”. Nhận xét của Đào Duy Anh hoàn toàn sai lầm trong trường hợp câu thơ “*trong hào ngoài lũy*...”

Nếu Đào Duy Anh nhớ lại được quẻ *Thái* trong Kinh Dịch, quẻ *Địa Thiên Thái*, hào thượng lục, “thành phục vu hoàng” thì mới hiểu tại sao Nguyễn Du đã sử dụng “*trong* hào ngoài lũy tan hoang” lúc nói về sự sụp đổ sự nghiệp hiển hách của Từ Hải).

Riêng về chữ “trong” trong sáu chữ “Trăm năm trong cõi người ta” thì chúng ta phải hiểu như thế nào? Có thể hiểu trăm năm ở trong cái cõi người ta, mà cũng có thể hiểu rằng cái cõi người ta ở trong trăm năm. Chữ “trong” ở đây có thể chỉ mấy chữ đi trước mà cũng có thể chỉ mấy chữ đi sau; có thể chỉ không gian và thời gian mà cũng có thể ám chỉ cái gì làm không gian thành không gian, làm thời gian thành thời gian, làm thời gian thành không gian và làm không gian thành thời gian, và đồng thời nói lên đồng thời tính và giới hạn tính của thời gian nguyên ủy.

Nếu chúng ta hiểu theo nghĩa thường tình theo điều kiện một vật thể nào ở *trong* một vật thể khác (như cuốn sách ở *trong* cái tủ, cái bàn *trong* cái nhà, chữ viết *trong* trang giấy), và ngay cả trong thể điệu “trong” nơi một vật thể nào ở trong một vật thể khác cũng chứa đựng những thể điệu chính yếu khác nhau như chữ “trong” trong “con nhện *trong* tơ nhện” vẫn khác chữ “trong” trong “con sông chảy *trong* thung lũng”, cũng như “rượu *trong* ly” vẫn khác nghĩa chữ “trong” trong “con hầu con hến *trong* vỏ hào vỏ hến” hay “con rùa *trong* cái mu rùa”.

Hiển nhiên mấy chữ như “*trong* đời sống” và “*trong* mộng” đều có chữ “trong” giống nhau, nhưng ý nghĩa tính luận hoàn toàn khác nhau trong sự vận hành, vì đời sống thì đi đứng nằm ngồi, còn mộng thì chỉ nằm thôi mà vẫn thấy đủ đi đứng nằm ngồi. Chúng ta ở *trong* đời sống và ở *trong* cái chết, không phải giống như cái đèn ở *trong* lồng đèn.

Mấy chữ “*trong lòng*” của tiếng Việt Nam thì giống như nghĩa chữ “trong” trong nghĩa “*trong* cái chết và *trong* sự sống”, “*trong* thể gian” hay “*trong* cõi hồng trần” hay “*trong* cõi người ta”.

Triết Lý Việt Nam Về Chữ “Trong”

Chữ “trong” trong câu thơ đầu của *Truyện Kiều* có nghĩa Triết Lý Việt Nam như vậy: ăn ở, trú ngụ, di động ở bên *trong* lòng sự việc và sự thể mà sự tinh của vật thể và sự thể chính là sự xuất hiện đột nhập của hiện tính thể vào bên trong toàn thể sự việc, sự thể và sự vật. Chính hai chữ “cái” và “con” đã nói lên tính cách thân thiết giao hội thâm viễn và tính cách tương cận thiết yếu giữa tính thể và thể tính, giữa sự, việc, vật và đồ vật trong cách nói như “*cái* con người”, “*cái* hồng nhan”, “*cái* nhà”, “*con* đường”, “*cái* ghế”, “*con* ong *cái* kiến” cho đến những từ quen thuộc cổ xưa như “*con* đại *cái* mang” hay “Bổ *Cái* Đại Vương”. Hay như trong tựa sách chữ nôm *Chi Nam Ngọc Âm giải nghĩa* ở thời Trần gồm có hai câu thơ lạ lùng:

“*Soạn làm chữ cái chữ con*

“*San bản lưu thuyền ai được thì thông*”.

Thể tính của chữ “con” là chữ “cái” mà tính thể của chữ “cái” lại là chữ “con” *trong* con có cái và *trong* cái có con, cho nên mới có chữ chung “con cái” và “cái con”. Chữ “trong” nơi “*trong* con có cái” và “*trong* cái có con” không những chỉ có nghĩa thời gian và không gian mà còn có nghĩa sự luân chuyển giao hội nhập nhằng giữa hai cái khác nhau mà vẫn đồng thể tính, vô nhị thể tính.

Cái chữ “trong” của Nguyễn Du trong “trăm năm trong cõi người ta” là một chữ chính yếu nói lên thể tính của nhân tính: tất cả những tính cách như “nội tính”, “nội ngoại tính”, “tự tính”, “nhập tính”,

“xuất tính”, “tại tính”, “trú tính”, “sở trụ tính”, “hiện tính” đều được đặt nơi nền tảng căn tính ở một chữ nôm duy nhất của Nguyễn Du: chữ “trong”.

Tự tính của con người luôn luôn vượt ra bên ngoài (xuất tính), vượt ra bên ngoài ở đằng trước, ở đằng sau, ở trên và ở dưới, ở trong và ở ngoài. Con người chỉ là con người vì là có thể vượt ra đến tận cùng khả tính (cái chết), bị giựt kéo ra đằng sau quá khứ và bị lôi tới tương lai trước mặt, và hiện tại thì bị đẩy tới và kéo lui bởi cái đã lướt trôi qua và cái sắp xuất hiện. Thời gian tính chỉ có tính cách nhảy vọt ra bên ngoài, chỉ vì bản tính của con người là ở bên trong cái đã nhảy vọt bên ngoài ấy ở không gian và nhất là ở thời gian. Tính thể của con người là sáu chữ dính liền nhau “Trăm-năm-trong-cõi-người-ta” mà thể tính chính là cái “ở trong” cái nhân tính, không phải con người ở trong trăm năm và ở trong cõi người ta, mà chính con người là trăm năm, là cõi người ta; hay nói cho tinh mật hơn thì trăm năm ở trong con người, cõi người ta ở trong con người. Vì con người là thời gian và con người khai mở ra không gian. Chính trong lòng người thoát sáng bùng lên tia chớp trí huệ và từ đó đồng thời có thời gian và có không gian, và không gian và thời gian được liên kết dính liền nhau bằng “trung tính” và “hiện tính” của chữ “trong” ở giữa “trăm năm” và “cõi người ta”.

Con người chỉ có khả năng vượt thoát ra bên ngoài bản thể mình vì có khả tính chính yếu là ở trong tự tính của mình. Có đi được vào tận Đàng Trong thì mới có khả năng phục hồi lại Đàng Ngoài, như hình ảnh của người anh hùng lịch sử đồng thời với Nguyễn Du như Tây Sơn Nguyễn Huệ đã đi từ trong ra ngoài, từ Đàng Trong ra đến Đàng Ngoài, từ trong thế lực mãnh liệt của cái sống bên trong “cõi người ta” phóng vượt ra ngoài tới bên trong cái “trăm năm” (mặc dù mới bốn mươi tuổi thì chết), khiến cho “nguyên trăm năm ngộ được vậy vui” trong *Ai Tư vấn* của Ngọc Hân Công Chúa (nhỏ hơn Nguyễn Du đến 5 tuổi) trở thành “trăm năm” của cái chết, của “*phút giây bãi biển nương dâu / cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?*” và của “*nỗi đoạn trường còn sống còn đau*”. Hai tứ thơ đã được đồng vọng lại trong “Đoạn trường tân thanh” và trong bốn câu thơ đầu tiên của *Truyện Kiều* từ “Trăm năm trong cõi người ta” cho đến “*Trải qua một cuộc bể dâu / Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”.

Từ bên trong lòng biển loạn, hỗn loạn và đại loạn đương thời Lê Mạt Sơ Nguyễn và Tây Sơn mà Nguyễn Du đã đi được vào tận bên trong lòng khả tính tương nhập của chữ “trong” nằm giữa “trăm năm” và “cõi người ta”. Từ trong “trăm năm” của lòng thời gian thì nhân đã bước ra ngoài nơi “cõi người ta” của lòng không gian, từ trong lòng không gian của “cõi người ta” thì nhân bước ra ngoài lòng thời gian của “trăm năm”, rồi trước sau thì nhân vẫn liên tục bước đi vào tận bên trong của tất cả cái “trong” của đời người mà ý nghĩa trọn vẹn nhất nằm trong hai chữ “trong lòng”. Chữ “trong” chỉ có ý nghĩa đa diện và toàn diện trong nghĩa “trong lòng”: trong chỉ có nghĩa đầy đủ là ở trong lòng và lòng chỉ có ý nghĩa trọn vẹn là “ở trong”. Tất cả *Truyện Kiều* đều bắt đầu và chấm dứt bằng chữ “lòng”; tất cả Triết Lý Việt Nam là ở đó.

(Trích trong "**Nguyễn Du - Đại Thi Hào Dân Tộc**"
Huongtichbooks sắp xuất bản)

HANH

*Nghé hắt hiu con gió
Đưa qua bờ chiều nghiêng
Ta hắt hiu nỗi nhớ
Mang mang về trăm miền.*

*Vàng hanh bóng nắng qua thềm
Đời trôi viễn xứ cánh chim giang hồ.*

*Trưa hè hanh bóng nắng
Mây động bên chiều xa
Thời gian hanh thâm lặng
Một kiếp người đi qua.*

*Trái lòng cho hết cõi ta
Hanh bao tình tựa lời hoa cỏ nảy.*

*Ngược xuôi ngày tháng rộng
Cát bụi hanh bên đường
Đời hanh trăm năm mộng
Sắc màu hôn bụi sương.*

*Bể dâu xanh bóng vô thường
Cho bao cuộc lữ hanh phương trời hồng.
Dòng đời hanh nỗi đục trong
Ngàn năm đạo nghĩa hanh lòng thế nhân.*

New Orleans, tháng 7, 2014

MẶC PHƯƠNG TỬ



Em là vì sao sáng

Tưởng niệm Thánh Tử Đạo Quách Thị Trang

Mùi súng oan-khiên đã giết rồi,
Hết đời cô gái chớm đời mười.
Cên em viết giữa công trường lớn,
Lóng mắt nương theo bóng Phật-đài

(Kiên Giang)

Nguyễn Hiền



Trang hồi Trang em là vì sao sáng Giữa khung trời mây trắng với trắng
(Tôi với)... em chưa hề quen hay biết Xót xa nhiều khi nhắc đến tên



thanh Rồi một sớm có bao mái đầu xanh Siết tay nhau giục giã Trang lên
Trang Vì đại nghĩa máu em đã hòa thêm Thắm tở....



đường Tôi với....

.....lên trên tà áo trinh nguyên Nhưng hôm nay tung bùng Non



sông đang vui mừng Đâu bóng hình Trang giữa trời thân yêu Những



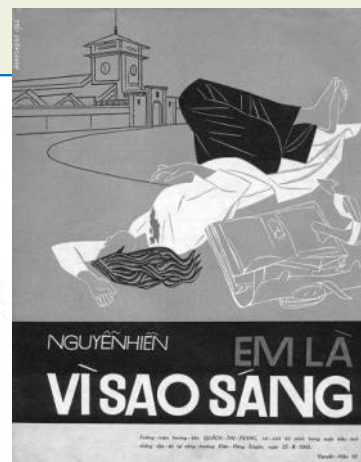
mái tóc chớm vai Sân trường còn đâu nữa Em thơ đùa trong nắng ban



mai Tôi khóc em trong chiều nay mây tím Nén hương lòng xin tưởng nhớ tên



Trang Hình hài mắt nét tinh anh còn đây Giữa muôn tim em còn mãi không phai



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU

615 North Gilbert Road, Irving, TX 75061-6240; Tel. (972) 986-1019

BẢN LÊN TIẾNG

Về Việc Tượng Đài Liệt Nữ Quách Thị Trang tại Sài Gòn Bị Di Dời

Theo tin trang mạng của Báo Giác Ngộ đăng ngày 24 tháng 7 năm 2014 thì chính quyền Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Thành phố HCM đã quyết định di dời tượng đài Danh Tướng Trần Nguyên Hãn và tượng đài Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang trong Công Viên Quách Thị Trang trước Chợ Bến Thành đi nơi khác để xây dựng tuyến đường sắt. Riêng tượng đài Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang thì theo bản tin này cho biết sẽ được đưa vào Viện Bảo Tàng Thành phố HCM.

Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang sinh ngày 04 tháng 01 năm 1948 tại tỉnh Thái Bình, Bắc Việt, là một học sinh Phật tử tham gia cuộc vận động đòi quyền bình đẳng tôn giáo và nhân quyền dưới chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang đã bị cảnh sát của chế độ này bắn chết trước Chợ Bến Thành vào ngày 25 tháng 8 năm 1963. Đứng ngày Tiểu Tướng của Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang vào năm sau (25.8.1964), Tổng Vụ Thanh Niên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã dựng đài tưởng niệm tại đây cho đến ngày nay.

Trước sự kiện trên các GHPGVNTN tại Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc Đại Lợi—Tân Tây Lan, và Canada nhận định rằng:

1/ Sự hy sinh của Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang là cống hiến to lớn đối với công cuộc vận động cho tự do tôn giáo, bình đẳng xã hội, không những để bảo vệ sự tồn tại của Phật Giáo Việt Nam, mà còn góp phần xây đắp nền dân chủ và nhân quyền cho dân tộc.

2/ Tượng đài Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang được an vị tròn 50 năm qua, đã trở thành vùng đất thiêng liêng không thể thay thế, vì nơi ấy có máu xương và sinh mạng của Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang đổ xuống.

3/ Tượng đài Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang từ lâu là chứng tích lịch sử, là biểu tượng thiêng liêng khắc ghi trong tâm khảm của hàng vạn Tăng, Ni và Phật tử nhiều thế hệ không riêng tại Thành phố Sài Gòn mà còn trên cả nước Việt Nam.

Qua những nhận định trên, Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu của bốn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất khẩn thiết

Lên Tiếng:

1/ Khuyến thỉnh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam bày tỏ nguyện vọng của Phật giáo đồ bằng thỉnh nguyện thư gửi đến chính quyền trung ương, thành phố và các cơ quan thẩm quyền liên hệ; biểu thị thái độ phản đối của Phật giáo đồ trước hành động dẹp bỏ hoặc di dời các di tích lịch sử mang tầm vóc quốc gia như tượng đài Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang hiện nay, và có thể sẽ xảy ra đối với các di tích lịch sử khác trong tương lai;

2/ Yêu cầu Nhà Nước CHXHCN Việt Nam nghiêm chỉnh cứu xét việc đặt lại tượng đài Cổ Liệt Nữ Quách Thị Trang tại một nơi công cộng để quần chúng Phật tử được chiêm ngưỡng, nếu không được tái vị chỗ cũ thì cũng phải có một nơi trang trọng xứng đáng với sự hy sinh cao cả của Cổ Liệt Nữ đối với Đạo Pháp và Dân Tộc.



Irving, Texas, Hoa Kỳ, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu

Chánh Văn Phòng,

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ

Hòa Thượng Thích Như Huệ

Hội Chủ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi—
Tân Tây Lan

Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt

Quyền Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu

Hòa Thượng Thích Bốn Đạt

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Canada



TIÊU SỬ PHẬT TỬ QUÁCH THỊ TRANG

Quách Thị Trang 15 tuổi, sinh năm 1948, tại làng Cổ Khúc, quận Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình. Thân phụ Trang là Ông Quách Văn Bội, thân mẫu là Bà Hà Thị Vân. Cả gia đình đều tin theo Phật-giáo.

Trang có 6 anh em: anh cả là Liên, anh thứ là Choát, đến chị Nhung, rồi đến Trang và hai em trai.

Đến năm 1954, sáu anh em Trang cùng mẹ vào nam. Riêng thân phụ Trang bị kẹt ở lại miền Bắc và 3 tháng sau, mẹ con Trang được tin đã tử trần.

Vào Nam, gia đình Trang ở vùng Chí Hòa, sống quần tụ trong niềm hòa thuận và trong nguồn tin chánh pháp. Mẹ Trang thì tảo tần buôn bán, còn anh em Trang thì tiếp tục học hành.

Riêng về Trang đã tỏ ra một đứa con hiếu thuận. Trang luôn luôn nghĩ đến Mẹ và làm vừa lòng mẹ. Còn đối với anh chị và các em, Trang vẫn trên kính dưới nhường.

Từ bé, Trang đã là một Phật tử của gia đình Phật tử Minh Tâm. Ngày ngọn cờ 5 sắc thân yêu bị triệt hạ, Trang bỏ ăn, bỏ học và khóc mãi! Trang nói với chị em: Phật-giáo mà chết thì tôi cũng chết". Và liền sau đó, hằng ngày, Trang đến chùa Xá Lợi, Ấn Quang để nghe các Thầy giảng và nhận các bản tin tức đem phổ biến cho đồng bào. Rồi Trang cũng tuyệt thực, cũng cầu nguyện. Tóm lại, với sức nhỏ bé, có thể làm tất cả những gì được thì Trang đã làm hết cho Phật-giáo. Trang nói: "Nếu có chết vì Đạo thì Trang cũng đành."

Ngày 20.8.1963, các chùa bị tấn công, Tăng Ni và Phật tử đều bị bắt hết, Trang khóc rất nhiều! Trang nghĩ: "Các Thầy đã chết, đã chết hết rồi!" Cơn đau khổ và tuyệt vọng cực độ đã làm cho Trang như mất hồn.

Trước mắt Trang, đất trời như sụp đổ, cùng với sự sụp đổ của những ngôi chùa, những tượng Phật, những bàn hương. Người ta tính tiêu diệt niềm tin Dân tộc! Người ta tính tiêu diệt nước Việt Nam! Vô lý quá rồi, oan ức quá rồi! Trang nhìn một vài bộ mặt điềm nhiên bên đường, mà nghe tức tối trong lòng.

←
*Mô phàn Nữ sinh
Quách Thị Trang,
pháp danh Diệu
Nghiêm, được an tang
tại Chùa Phổ Quang,
Sai-gon.*



Đến ngày 24 thì Trang và Yến nhận được tin cho hay: sáng mai sẽ có một cuộc biểu tình ở chợ Bến Thành, để tranh đấu cho các Thầy. Hai người bạn thấy phấn khởi hẳn lên. Họ thấy giữa sự nguy hiểm của hành động và sự đau khổ của bất lực, thì chọn cái thứ nhất có ý nghĩa hơn, và có lợi ích hơn.

Tối lại, Trang đến nhà Yến vừa khóc vừa mừng chung với Yến. Trang nói: "Ngày mai tui mình đi biểu tình. Nhưng không cho mẹ Trang biết, vì sợ mẹ sẽ ngăn cản. Trang chỉ cho chị Nhung biết thôi".

Suốt đêm ấy, Trang gần như không ngủ. Trang thao thức bên niềm mừng vui là sắp được góp một chút gì cho Đạo thân yêu của Trang.

Sáng ngày 25, Trang dậy thật sớm, ăn mặc xong rồi xin phép mẹ đến nhà bạn chơi và rủ Yến cùng đi. Hai chị em đến nơi hẹn với Yến, rồi cùng nhau đi Taxi đến chợ Bến Thành.

Trong khi đứng chờ đợi, từ cửa hông chợ, một đám người ủa ra như nước chảy. Những người đi đầu cầm biểu ngữ:

*"Hãy giết chúng tôi đi
Vì chúng tôi là con Phật"*

Ba thiếu nữ nghe lòng bùng dậy như sóng cả. Họ nhìn nhau ba cặp mắt sáng ngời, và cầm tay nhau chạy vào hàng ngũ.

Đoàn biểu tình vẫn đi tới, vượt qua khỏi mặt tiền chợ Bến Thành. Trong lúc đó, bóng dáng hung thần của cảnh sát chiến đấu, găm gờ hiện ra chân lối trước mặt họ. Chợt nghe hai tiếng súng nổ, Yến quay lại nhìn: thấy Trang mặc áo ngắn đã ngã gục trên đường nhựa. Bên Trang là một cảnh sát ác ôn, tay cầm súng mới vừa giết người xong. Lúc ấy vào sáng ngày 25.8.1963.

Đây là hình ảnh cuối cùng của Quách Thị Trang đã hy sinh đời mình cho Dân tộc và Đạo pháp. Và hình ảnh đó, trong lòng Dân tộc sẽ còn sống mãi nghìn thu!

(Sa môn THÍCH THIÊN HOA soạn)

Lược trích Báo Hải Triều Âm số 19, ngày 27.8.1964)

“Di dòi” Tượng đài Quách Thị Trang

“Trang hồi Trang, em là vì sao sáng
Giữa khung trời mây trắng với trăng thanh”
Một công trường lưu dấu tích tên em
Nay bị di dòi, Trang ơi em có biết
Năm mươi năm giữa Sài Gòn náo nhiệt
Chợ Bến Thành nhộn nhịp khách lại qua
Mỗi một khi nhìn bức tượng kiêu sa
Lòng thương tiếc một nữ sinh đã chết
Đạn lạnh lùng thấu tim em ngã gục
Máu phun tuôn em nhắm mắt lia đời
Tà áo bay bị rách toát tả tơi
Em bị chết bởi bạo tàn chế độ
Nơi em chết dựng bức tượng nhỏ nhỏ
Để tiếc thương để đánh dấu một thời
Năm mươi năm trang lịch sử khôn nguôi
Nay di dòi có nghĩa là biến mất
Di dòi đi đâu, nào ai có biết
Một góc công viên, hay xô bảo tàng
Dù có trịnh trọng, hay chôn bỏ hoang
Nhưng không phải là nơi em đã chết
Đất mênh mông sao lòng người quá chật
Tượng nhỏ nhoi nào chiếm khoảnh không gian
Phố sá Thành Đô sóng người ngập tràn
Em chỉ một mình mà không chỗ đứng
Em đã chết rồi, em không thể nói
Chế độ xưa bắn em, chết không toàn thân
Chế độ nay dòi em, ra khỏi nơi đây
Chết làm gì có quyền, đó là quyền người sống?
“Trang hồi Trang, Em Là Vì Sao Sáng”
Nay khung trời sẽ xóa mất tên Em
Rồi mai sau biết ai nhớ ai quên
Một cô bé giữa hai trào chế độ
Chế độ nào thì cũng là chế độ
Uy quyền nào thì cũng là quyền uy
Cô bé nữ sinh nào có nghĩa gì
Dấu dấu tích đã đi vào lịch sử
Trang sử chạy với muôn ngàn con chữ
Dòng thời gian luôn cuốn xoáy nổi trôi
Em chết đi cát bụi đã lên ngôi
Nay di dòi ra sao em đâu biết
Nhưng người sống sẽ có người luyện tiếc
Cô bé tên Trang bị bắn chết nơi này
Áo nữ sinh không còn áo trắng bay
Em từ giã mái trường từ ngày em ngã gục
Hồn trong trắng không nhuộm màu vẩn đục



Em chết đi trong lứa tuổi học trò
Mong hòa bình thịnh vượng và ấm no
Cho quê hương dân tộc Việt Nam được sống
“Trang hồi Trang, Em Là Vì Sao Sáng”
Chỗ đất kia sẽ biến mất tên Em
Khung trời kia, Em hãy ngủ trên ngàn
Hãy cứ ngủ như muôn người đã chết
Chết có nghĩa đã trả về trời đất
Đất ở đây là Đất Mẹ Việt Nam
Trời ở đây là Trời của Tiên Rồng
Mãi hòa quyền cùng hồn thiêng sông núi
Còn người sống sẽ băng qua thời thế
Tôi không nghĩ rằng người chết mong tri ân
Nhưng người sống không có quyền được quên
Quên già huyền phù sinh
Nhưng, không có quyền quên lịch sử.

Ngày 20-8-2014

TNT MẶC GIANG

Viết, khi đọc những tin tức xoay quanh việc “di dòi”
Tượng đài Quách Thị Trang.
Chế độ trước, Em bị bắn chết vào tháng 8 năm 1963.
Chế độ sau, cũng cùng thời điểm tháng 8 sau 51 năm,
Em Sẽ Bị Di Dòi.

PHẬT GIÁO YẾU LỢC

Nguyên tác: BUDDHISM IN A NUTSHELL

Tác giả: **NARADA THERA**

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**



(Tác phẩm gồm 11 chương, với các tiêu đề như sau: 1. Đức Phật; 2. Phật Giáo Phải Chẳng Là Một Triết Học? 3. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Tôn Giáo? 4. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Hệ Thống Đạo Đức? 5. Một Vài Đặc Điểm Của Phật Giáo; 6. Nghiệp Báo Hay Luật Nhân Quả; 7. Luân Hồi; 8. Lý Thập Nhị Nhân Duyên; 9. Vô Ngã Hay Không Có Linh Hồn; 10. Niết Bàn; 11. Con Đường Dẫn Đến Niết Bàn. Chương “Đức Phật” đã đăng Chánh Pháp bộ cũ, Số 1 - Ra Mắt, tháng 05.2009. Nay tiếp tục đăng mỗi kỳ, từ Chương 2 cho đến hết)

PHẢI CHẴNG PHẬT GIÁO LÀ MỘT TÔN GIÁO?

Phật Giáo không phải là một tôn giáo theo cái nghĩa mà danh từ này thông thường được hiểu, vì nó không phải là “một hệ thống tín ngưỡng và lễ bái, dựa vào sự trung thành đối với một đấng siêu nhiên”.

Phật Giáo không đòi hỏi người tín đồ tin một cách mù quáng. Ở đây không phải chỉ có tin tưởng suông, nhưng đức tin cần được xây dựng trên sự hiểu biết (lý trí), mà danh từ Pali gọi là Saddha. Người tín đồ tin ở đức Phật cũng giống như bệnh nhân tin vào toa thuốc của bác sĩ, hay người học trò tin nơi thầy giáo. Người Phật tử quy y theo Phật, vì Ngài đã chứng ngộ được Đạo Giải thoát.

Người Phật tử không quy y Phật với hy vọng rằng họ sẽ được cứu rỗi bởi sự thanh tịnh của cá nhân Ngài. Đức Phật không ban cho ai một sự bảo đảm như thế. Quyền lực của đức Phật không thể diệt trừ hết được tội lỗi của kẻ khác. Không ai có thể làm cho người khác thanh tịnh hay niêm ô.

Đức Phật, như bậc Thầy dạy chúng ta, nhưng chính ta trực tiếp chịu trách nhiệm về hành động làm cho ta trong sạch. Mặc dù người Phật tử quy y đức Phật, nhưng họ không chấp nhận một sự hàng phục nào. Họ cũng không hy sinh quyền tự do tư tưởng để trở thành đệ tử của Ngài. Mà họ có thể thực hiện ước muốn tự do và phát triển trí tuệ của họ cho đến trình độ tự mình chứng đắc Phật quả.

Điểm căn bản của Phật giáo là hiểu biết theo lý trí, hay gọi theo danh từ khác, là Samma-Dithi (Chánh Kiến).

Đối với những người đi tìm chân lý, đức Phật đã dạy như sau: “Chớ vội tin vào điều nghe người ta nói lại - (chẳng hạn nghĩ rằng đó là điều chúng ta đã nghe từ lâu). Chớ vội tin vào tập quán - (như cho rằng điều ấy đã được truyền lại từ nhiều thế hệ). Đừng tin vào lời đồn đãi - (như tin đó là điều người ta nói mà không chịu tìm hiểu). Đừng tin bất cứ điều gì vì nó được ghi chép ở kinh sách. Đừng tin vào điều ước thuyết. Đừng tin vào điều suy luận. Đừng tin vào bất cứ điều gì, vì cho rằng nó có lý. Đừng tin vào điều mà mình đã có định kiến từ trước. Cũng đừng nên tin vào điều gì chỉ vì thấy nó có thể chấp nhận được - (như nghĩ rằng người phát ngôn điều ấy là có đạo đức, nên lời nói của họ đáng nghe theo). Cũng

đừng nên tin vào điều gì bởi nghĩ rằng đó là bậc tu sĩ chúng ta kính trọng (cho nên lời nói của họ đáng chấp nhận).

“Nhưng khi các con tự mình hiểu biết rằng - những điều này là bất thiện, những điều này là đáng chê trách, những điều này các vị hiền đức chỉ trích; những điều này, khi hành động và thực hiện, dẫn đến sự hủy diệt và đau khổ - thì hẳn các con không nên làm.

“Khi các con tự mình hiểu biết rằng - những điều này là thiện, những điều này không đáng chê trách, những điều này được bậc thiện tri thức tán dương, những điều này khi hành động và thực hiện, sẽ dẫn đến an vui, hạnh phúc - thì hẳn các con nên làm theo.”

Những lời dạy cao siêu này của đức Phật vẫn còn duy trì được hiệu năng và tinh hoa căn bản của nó. Mặc dù không chấp nhận đức tin mù quáng, và như vậy phải chăng không có sự lễ bái tượng Phật v.v... trong Phật giáo?

Người Phật tử không kính lễ trước pho tượng để mong cầu một sự ban ân vật chất hay tinh thần, nhưng họ nhằm bày tỏ lòng tôn kính đối với đức Phật mà hình ảnh đó tượng trưng.

Một Phật tử hiểu biết, khi dâng hoa và cúng hương trước một hình tượng, họ có ý tưởng như đang đứng trước đức Phật còn sống; do đó, họ nhận được sự truyền cảm tử nhân cách cao cả của Ngài, và hấp thụ sâu xa đức tánh từ bi vô biên nơi đức Phật. Họ cố gắng noi theo đức hạnh cao quý của Ngài.

Cây Bồ Đề (Bodhi) cũng là một biểu tượng của sự Giác Ngộ. Những đối tượng tôn kính bên ngoài này không hẳn tuyệt đối cần thiết, nhưng rất hữu ích vì chúng giúp cho hành giả có được định tâm. Người trí thức (thuần thực) khỏi cần đến các hình tượng đó, vì họ có thể dễ dàng tập trung tư tưởng và hình dung đức Phật.

Vì lợi ích cho chính mình, và tỏ bày lòng tri ân, chúng ta kính lễ đức Phật; nhưng điều đức Phật mong muốn nơi các đệ tử, không phải là sự phục tòng mà chính là việc thực hành nghiêm chỉnh giáo pháp của Ngài. Đức Phật dạy: “Người tôn kính Như Lai nhất, là người thực hành lời dạy của Như Lai đúng nhất.” hay “Người nào nhìn thấy Giáo Pháp (Dhamma) là thấy Như Lai”.

Tuy nhiên, khi đề cập đến các pho tượng, Count Kaiserling ghi nhận: "Tôi thấy ở thế gian này, không có cái gì vĩ đại hơn hình tượng của đức Phật. Đó là hiện thân sự toàn hảo tuyệt đối của tinh thần trong thế giới hữu hình."

Hơn nữa, tưởng nên biết rằng, không có sự lễ bái để thỉnh cầu hay van xin trong Phật Giáo. Dù chúng ta có cầu nguyện nhiều nơi đức Phật, chúng ta vẫn không được cứu giúp. Đức Phật không ban ân huệ gì cho người cầu nguyện. Thay vì tụng kinh cầu nguyện, người Phật tử nên hành thiền để tự kiểm soát mình, giữ tâm thanh tịnh và giác ngộ. Thiền định không phải là việc ngồi yên mơ màng hay giữ tâm hồn trống rỗng. Nó là một sự cố gắng tích cực. Thiền định là liều thuốc cho cả tâm lẫn trí. Đức Phật không những chỉ dạy chúng ta về điều vô ích của sự cầu nguyện mà Ngài cũng chỉ trích sự nô lệ tinh thần. Người Phật tử không nên cầu nguyện để mong được cứu rỗi, mà cần nương tựa ở chính mình để đạt đến tự do (giải thoát).

"Cầu nguyện mang đặc tính của sự giao thiệp riêng tư, mặc cả ích kỷ với Thần linh. Nó nhằm tìm kiếm cho mục đích của những tham vọng thế gian và ngọn lửa ái dục của bản ngã. Thiền định, trái lại, là sự tự cải đổi." (Sri Radhakrishnan)

Không như phần lớn các tôn giáo khác, Phật Giáo không tin có một đấng Thượng Đế toàn năng, phải phục tòng và sợ hãi. Đức Phật phủ nhận một đấng thống trị vũ trụ, toàn trí và hiện hữu khắp nơi. Trong Phật Giáo, cũng không có tính cách thần khai hay thiên sứ. Cho nên, người Phật tử không quy lụy khuất phục trước bất cứ một quyền lực siêu nhiên nào có thể độc quyền thưởng phạt, và không chế vận mạng của họ. Vì Phật tử không tin ở sự thiên khai của thần linh, cho nên Phật Giáo không chủ trương độc quyền chân lý, và không đả kích bất cứ tôn giáo nào khác. Nhưng Phật Giáo thừa nhận năng lực khả hữu vô hạn của con người và dạy rằng con người có thể đạt đến sự giải thoát mọi khổ đau bằng nỗ lực của chính mình mà không cần đến sự giúp đỡ của thần linh hay các tu sĩ thiên định.

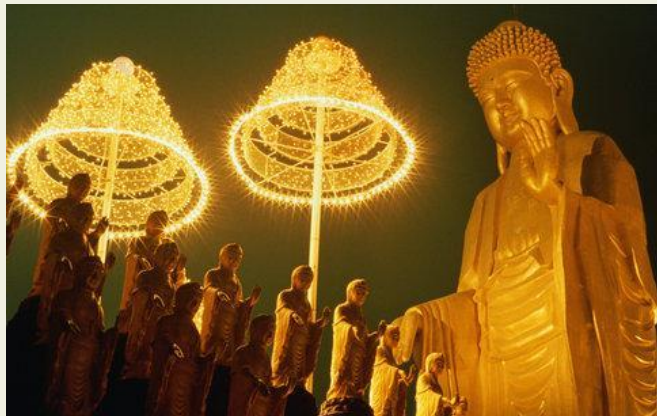
Cho nên, một cách chính xác, không thể gọi Phật Giáo như một tôn giáo, bởi vì nó không phải là một hệ thống tín ngưỡng và lễ bái, cũng không phải là "hành động hay hình thức biểu hiện ra ngoài cho thấy con người chấp nhận sự hiện hữu của một đấng Thượng Đế hay các thần linh có quyền năng định đoạt vận mạng của họ, và họ phải vâng theo, phục vụ và tôn kính".

Nếu tôn giáo là "giáo lý nhìn vào cuộc sống sâu xa hơn sự hời hợt bên ngoài, giáo lý nhìn ngay vào bên trong đời sống chứ không phải chỉ trên bề mặt, giáo lý cung ứng cho con người sự hướng dẫn đạo đức, phù hợp với cái nhìn vào nội tâm ấy, giáo lý giúp con người sự chú ý có thể đương đầu dũng cảm với cuộc sống và trực diện cái chết một cách bình tĩnh" (Bhikkhu Silacara) (1) hay một hệ thống giúp con người giải thoát mọi phiền não của thế gian, thì chắc chắn Phật giáo là tôn giáo của các tôn giáo.

CƯỚC CHÚ:

(1) ĐẠI ĐỨC SILACARA: Tục danh là J.P. Mc Kechnie. Nhà sư tiên phong của Anh quốc. Sinh năm 1871 tại Hull (miền đông nước Anh) rồi ông qua sinh sống tại Hoa Kỳ. Sau đó ông sang tu học tại Rangoon (Miến Điện). Năm 1906, ông xuất gia thọ giới với Thượng Tọa U. Kumara ở chùa Kyundagon. Năm 1925, vì sức khỏe yếu kém, Đại Đức Silacara hoàn tục, trở về Anh Quốc để ẩn tu tại Bury (tây bắc nước

Anh) cho đến ngày ông qua đời năm 1951. Những tác phẩm của Đại Đức gồm có: *Tứ Diệu Đế*, *Bát Chánh Đạo*, và *Cuộc Đời Đức Phật với Tuổi Trẻ v.v...*



IS IT A RELIGION?

It is neither a religion in the sense in which that word is commonly understood, for it is not "a system of faith and worship owing any allegiance to a supernatural being".

Buddhism does not demand blind faith from its adherents. Here mere belief is dethroned and is substituted by confidence based on knowledge, which, in Pali, is known as Saddha. The confidence placed by a follower on the Buddha is like that of a sick person in a noted physician, or a student in his teacher. A Buddhist seeks refuge in the Buddha because it was He who discovered the Path of Deliverance.

A Buddhist does not seek refuge in the Buddha with the hope that he will be saved by His personal purification. The Buddha gives no such guarantee. It is not within the power of a Buddha to wash away the impurities of others. One could neither purify nor defile another.

The Buddha, as Teacher, instructs us, but we ourselves are directly responsible for our purification. Although a Buddhist seeks refuge in the Buddha, he does not make any self-surrender. Nor does a Buddhist sacrifice his freedom of thought by becoming a follower of the Buddha. He can exercise his own free will and develop his knowledge even to the extent of becoming a Buddha himself.

The starting point of Buddhism is reasoning or understanding, or, in other words, Samma-Ditthi.

To the seekers of truth the Buddha says: "Do not accept anything on (mere) hearsay - (i.e. thinking that thus have we heard it from a long time). Do not accept anything by mere tradition - (i.e. thinking that it has thus been handed down through many generations). Do not accept anything on account of mere rumors - (i.e. by believing what others say without any investigation). Do not accept anything just because it accords with your scriptures. Do not accept anything by mere supposition. Do not accept anything by mere inference. Do not accept anything by merely considering the reasons. Do not accept anything merely because it agrees with your preconceived notions. Do not accept anything merely because it seems acceptable - (i.e. thinking that as the speaker seems to be a good person his word should be accepted). Do not accept anything thinking that the ascetic is respected by us (therefore it is

right to accept his word).

"But when you know for yourselves - these things are immoral, these things are blameworthy, these things are censured by the wise, these things, when performed and undertaken, conduce to ruin and sorrow - then indeed do you reject them.

"When you know for yourselves - these things are moral, these things are blameless, these things are praised by the wise, these things, when performed and undertaken, conduce to well-being and happiness - then do you live acting accordingly".

These inspiring words of the Buddha still retain their original force and freshness. Though there is no blind faith, one might argue whether there is no worshipping of images etc. in Buddhism.

Buddhists do not worship an image expecting worldly or spiritual favours, but pay their reverence to what it represents.

An understanding Buddhist, in offering flowers and incense to an image, designedly makes himself feel that he is in the presence of the living Buddha and thereby gains inspiration from His noble personality and breathes deep His boundless compassion. He tries to follow His noble example.

The Bo-tree is also a symbol of Enlightenment. These external objects of reverence are not absolutely necessary, but they are useful as they tend to concentrate one's attention. An intellectual person could dispense with them as he could easily focus his attention and visualize the Buddha.

For our own good, and out of gratitude, we pay such external respect but what the Buddha expects from His disciples is not so much obeisance as the actual observance of His Teachings. The Buddha says - "He honors me best who practices my teaching best". "He who sees the Dhamma sees me".

With regard to images, however, Count Kaiserling remarks - "I see nothing grander in this world than the image of the Buddha. It is an absolutely perfect embodiment of spirituality in the visible domain".

Furthermore, it must be mentioned that there are no petitional or intercessory prayers in Buddhism. However much we may pray to the Buddha we cannot be saved. The Buddha does not grant favors to those who pray to Him. Instead of petitional prayers there is meditation that leads to self-control, purification and enlightenment. Meditation is neither a silent reverie nor keeping the mind blank. It is an active striving. It serves as a tonic both to the heart and the mind. The Buddha not only speaks of the futility of offering prayers but also disparages a slave mentality. A Buddhist should not pray to be saved, but should rely on himself and win his freedom.

"Prayers take the character of private communications, selfish bargaining with God. It seeks for objects of earthly ambitions and inflames the sense of self. Meditation on the other hand is self-change". (Sri Radhakrishna)

In Buddhism there is not, as in most other religions, an almighty God to be obeyed and feared. The Buddha does not believe in a cosmic potentate, omniscient and omnipresent.

In Buddhism there are no divine revelations or divine messengers. A Buddhist is, therefore, not subservient to any higher supernatural power which controls his destinies and which arbitrarily rewards and punishes. Since Buddhists do not believe in revelations of a divine being. Buddhism does not claim



TÔI ĐI

*Tôi đi góp nhặt sầu thương
Điểm tâm cho sạch vẩn vương cuộc đời
Cho lòng rộn nở hoa tươi
Cho môi điểm mộng nụ cười hồn nhiên
Sáng ngời mắt huê giao duyên
Lung linh ánh nguyệt cảm thuyền cõi an
Tiêu giao hát khúc thanh nhàn
Thiền hương thơm ngát huy hoàng thiên thai
Lối về Không lộ thang mây
Đóa sen theo bước gót hài Chân Như
Ưu Đàm trái thảm đón chờ
Trời xanh dệt lấy vẩn thơ Niết Bàn.*

thơ

THẮNG HOAN

the monopoly of truth and does not condemn any other religion. But Buddhism recognizes the infinite possibilities of man and teaches that man can gain deliverance from suffering by his own efforts independent of divine help or mediating priests.

Buddhism cannot, therefore, strictly be called a religion because it is neither a system of faith and worship, not "the outward act of form by which men indicate their recognition of the existence of a God or gods having power over their own destiny to whom obedience, service, and honor are due".

If, by religion, is meant "a teaching which takes a view of life that is more than superficial, a teaching which looks into life and not merely at it, a teaching which furnishes men with a guide to conduct that is in accord with this its in-look, a teaching, which enables those who give it heed to face life with fortitude and death with serenity" (Bhikkhu Silacara) (1), or a system to get rid of the ills of life, then it is certainly a religion of religions.

(1) BHIKKHU SILACARA Whose layname was J.P. Mc Kechnie: Pioneer British Buddhist monk. Born on 1871 in Hull (East England), then emigrated to United States. Later went to Rangoon (Burma). Ordained in 1906 by U. Kumara Thera at Kyundagon temple. In 1925, health broke, he disrobed, returned to United Kingdom and lived at Bury until his death (1951). His publications included *The Four Noble Truths*, *The Noble Eightfold Path* and *Young People's Life of the Buddha* etc.

THIỀN LÃO THIỀN SƯ VÀ KHUYNH HƯỚNG SỐNG CHO MÌNH

Thích nữ An Trí

Dòng đời có không, còn mất, tan hợp làm cho con người lo âu nuôi tiếc, cứ mãi phập phồng cho một ngày mai; nhưng đối với các bậc Thiền sư đắc đạo đã quán triệt các pháp duyên sanh vô ngã, cả một dòng đời hiện hữu thoát ngoài sanh diệt ràng buộc của thời gian và không gian, thì ngày nay, ngày mai, sống hay chết, sanh hay diệt, đều sống với nguyên lý nhất định. Thế nên Thiền Lão Thiền sư đã an nhiên tự tại khi nghe Lý Thái Tông hỏi:

- Hòa thượng ở chùa này bao lâu?
Thiền Lão Thiền sư đáp:

*"Đản tri kim nhật nguyệt
Thùy thức cựu xuân thu".*
(Sống ngày nay biết ngày nay
Còn xuân thu trước ai hay làm gì).
(Thích Mật Thể dịch)

Bằng sự tỉnh giác nhất niệm hiện tiền chẳng cần ngôn ngữ văn tự, ly khai tất cả ý niệm điên đảo thì ngày nay và ngày mai cũng là một, một niệm hiện tiền. Thế nên Mãn Giác Thiền sư cũng biến đời thường thành mùa Xuân vĩnh cửu:

*Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười.
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi.
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua Xuân trước một cành mai.*
(Thích Mật Thể dịch)

Cuộc đời cứ trôi đi để đến nỗi tóc rụng theo sương chẳng biết bao lớp, cuộc thăng trầm vinh nhục đã mấy lần nhấp nhô trên biển cả cuộc đời vì mãi mê chạy quanh bên ngoài mà:

*"Phong trần thất thiếu làm thân khách
Muôn dặm xa quê cuộc viễn trình"*
(Trần Nhân Tông – HT. Thanh Từ dịch)

Mãi hoài đau khổ, quẩn quanh cho đến khi chân chùn gối mỏi mà chẳng tỏ ngộ chân lý. Vì vậy để chỉ rõ chân lý bằng nhất niệm hiện tiền mà Thiền Lão Thiền Sư đã chỉ bày qua câu đáp: *"Sống ngày nay biết ngày nay, còn xuân thu trước ai hay làm gì."* Không cần biết ngày tháng đã qua, hay xuân thu đi lại bao lần, mà hãy trở về, quay đầu lại với một niệm tâm thì có cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai; mà quan trọng là ở chỗ tâm chứng hiển bày, thấu rõ bản lai diện mục của chính mình để quán triệt thật tướng các pháp. Rõ bản lai diện mục của tự tâm thì chúng ta sẽ không bị thời gian Xuân, Thu, hay thăng trầm vinh nhục chi phối.

Nói khác đi, Thiền Lão đã chỉ rõ khuynh hướng sống cho mình là sống bằng tuệ giác vô phân biệt;

với tuệ giác này, người đạt ngộ không còn dính mắc vào các tướng đối đãi như Phật - chúng sanh, thiện - ác, phàm - thánh v.v... Như vậy, người học Phật sẽ mãi mãi an lạc và giải thoát trong hiện hữu của cuộc đời như Trần Nhân Tông đã dạy:

*"Trong nhà sẵn ngọc thôi tìm kiếm,
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền"*

Với tuệ giác vô phân biệt loại bỏ những tư duy, khái niệm, danh tự, ngôn ngữ, nên không còn ràng buộc với tháng ngày như Thiền Lão Thiền sư đã nói:

*"Sống ngày nay biết ngày nay,
Còn xuân thu trước ai hay làm gì."*



NGHE ĐỜI HƯ VÔ

(Gửi M.H.)

*Người về khô mắt lệ sâu
Tâm hồi chánh niệm xanh màu nguyên sơ.
Lời kinh cứu độ dẫn đưa
Nương thuyền bát nhã xa bờ trầm luân.
Áo người thôi lấm bụi trần
Nước cành dương tẩy trắng ngàn tình khô.
Hồi chuông nhịp mõ buông lơ
Ru lòng thanh thản nghe đời hư vô...*

thơ BÙI VĨNH HƯNG

MANG ĐẠI NGUYỆN ĐI VÀO ĐỜI

Điều ngự tử Tin Nghĩa

Trong Phật giáo, có vị Tổ Thiên tông thứ 33 là ngài Huệ Năng. Ngài có một câu nói khí khái và rất là chất phác khi đến đầu sư học đạo với Ngũ Tổ Hoàng Mai.

Bước vào quỳ dưới chân Ngũ Tổ, thì Tổ phán một câu có vẻ gay gắt:

- Ông đến đây để làm gì?

Ngài Huệ Năng thưa :

- Con đến đây để làm Phật.

- Ông ở đâu đến mà nói câu kỳ quá vậy?

- Con ở từ Phương Nam đến.

- Dân phương Nam đen đúa, mọi rợ mà học Phật cái gì?

- Bạch Tổ, con người sinh ra có Nam có Bắc, nhưng Phật Pháp thì không Bắc không Nam.

Tổ biết con người ấy phi thường, không luận bàn nhiều để chứng lý biết thì không hay cho Phật pháp. Tổ liền đuổi xuống nhà trù lo chuyện giã gạo, chấp lao phục dịch.

Ngài Châu Hoảng, là một bậc uyên bác, thông thái Phật lý, cách chúng ta cũng xa lắm; thế nhưng, Ngài cũng phán một câu cho thân phận mình:

- Châu Hoảng này đã là kẻ hạ phàm, lại nhằm đời mật pháp, chỗ xuất thân hẹp hòi hẻo lánh, bề học thức cạn kiệt muôn màng, chẳng thông lý nhiệm, vốn hồ lời sông, bánh vẽ ích chi cho kẻ bụng đói. Đá yền thạch khó đổi mắt người cổ hồ (người thợ nghề buôn). "Châu Hoảng mật pháp hạ phàm" (tức là thân thân mình sinh ra đời mật pháp, sinh báo thân không được tốt, không được gặp Phật).

Ngài bảo sự còn chưa biết thì làm sao biết được lý, nên ngài hồ thẹn nói lên "Vốn hồ lời sông," nghĩa là hồ cho lời nói quá việc làm.

Ngài Châu Hoảng mà như thế, thì chúng ta lại là thế nào đây? Chúng ta, Tăng hay Ni đã mang chiếc hoàng y, mang sứ mạng đi vào đời với "Nhất bát thiên gia phạn, cô thân vạn lý du, kỳ vị sanh tử sự, nhất thể độ nhơn thu" hay tạm xưng là Như lai Sư giả, thì phải ứng xử như thế nào trong muôn một ý nghĩa đó; đừng để cho người thiếu Phật chất và nhất là ngoại đạo nhìn vào gán một danh hiệu "là kẻ danh văn lợi dưỡng" cho riêng mình, thì thật đáng buồn cho Đạo vàng muôn thuở biết bao!

Người viết bài này cũng cố gắng dò dẫm trên con đường đạo ngay thật để bớt đi một phần nào tội lỗi cũng như không phụ chí nguyện lúc đầu phát tâm xuất gia.

Con Người Miền Tây

Tôi được biết Hòa thượng Thích Thiện Long ngay từ giờ phút Thầy hướng dẫn đồ chúng đứng trước Kim quan Cổ Hòa thượng Thích Đức Niệm.

Thầy Thiện Long, hai tay cầm nhang đưa lên ngang trán và phát nguyện:

"Con hậu học Thích Thiện Long và đồ chúng chùa Phật Tổ cúi xin dâng lễ Giác linh ngài. Rất tiếc là con không có phước báo để kê cận, học hỏi với một bậc Xuất trần Thượng sĩ, uyên bác Phật thừa như ngài. Vì con là kẻ quê mùa từ Sa Đéc ra đến xứ văn minh này

muộn màng, cho nên ngày gặp được Ngài lại là ngày Ngài quây gót đăng trình về với Phật."

Tôi theo dõi từ khi Thầy mới bước vào để xin làm lễ cho đến lúc dâng lễ bái xong. Với lời nói mộc mạc, con người vừa khắc khổ, nước da ngăm đen, tay chân sù sì vì lao động theo chốn thiên môn xứ quê mùa trong cảnh nông thôn của miền Tây Việt Nam. Thầy vừa khấn, đôi mắt long lanh để những giọt lệ tự nhiên trào trên hai gò má.

Cuối cùng Thầy phát nguyện:

... "Kính bạch Giác linh Hòa thượng, tuy con không có phước báo thân cận, học hỏi; nhưng con cố nguyện học theo Hòa thượng những gì đã để lại cho Giáo hội, cho hàng đệ tử của ngài tại Phật Học Viện Quốc Tế, mà đặc biệt là Tăng đoàn. Ngài hy sinh như thế nào, suy nghĩ với Tăng đoàn ra sao, con cũng cố làm theo trong muôn một..."

Khi Thầy phát nguyện đến đây, lòng tôi đau nhói và nhận ở nơi Thầy Thiện Long với một tấm lòng cảm phục vô biên. Sau khi lễ xong, tôi liền hỏi nhỏ từng vị biết về Thầy. Lễ chung thất, tôi dành chút thời giờ, mon men tìm về chùa Phật Tổ để làm quen và kết tình đạo bạn từ đạo ấy.

a.- Mùa an cư năm Ất dậu - 2005 tại Phật Đà, San Diego

Những năm trước đó, tuy chư Tăng có an cư nhưng không đông đúc cho lắm, chẳng hạn như tại Tổ đình Từ Đàm Hải ngoại, không đến ba mươi vị, mặc dầu cũng thực hành đầy đủ như luật dạy. Có lẽ thiếu duyên. Và cứ rài rác mãi như thế, cho đến khi chùa Phật Đà có cơ ngơi thuận hợp, đã quy tụ trên 55 vị. Đó là lần an cư đông đúc nhất kể từ khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tại Hoa Kỳ ra đời. Trong mùa an cư này, Thượng tọa Thích Thiện Long, đương kim Tọa chủ chùa Phật Tổ tại Long Beach, thấy tinh thần chư Tăng hòa hiệp, sống đúng như luật dạy, Thượng tọa đã ý thức được điều quan trọng của vấn đề An cư Kết hạ, hoan hỷ đứng ra đánh lễ xin chư Đại Tăng và chư Tăng hiện tiền cho được bảo trợ năm tới (2006). Toàn thể Đại chúng giai đại hoan hỷ và đồng niệm danh hiệu Phật để tụng duyên.

b.- Mùa an cư năm Bính tuất - 2006 tại chùa Phật Tổ, Long Beach

Thượng tọa Thích Thiện Long, Tọa chủ chùa Phật Tổ đã nhiệt tâm, nhiệt tình đứng ra lo trường hạ nối tiếp. Thượng tọa là vị thầy đạo đức, được chư Tôn đức biết đến; vừa đạo đức, vừa hiền hậu lại vừa chất phác nên ai ai cũng thương mến. Ngôi chùa tuy



không cao lớn, đồ sộ nguy nga, nhưng đã quy tụ và dung chứa trên một trăm năm vị về nhập hạ. Thầy lo tròn từ trong ra ngoài, nhất nhất, thầy không sơ thất một điều gì. Thấy vấn đề nào khó xử hay chưa từng gặp đến là thầy lo thừa thỉnh với các bậc trưởng thượng hay những vị đã nhiều kinh nghiệm đứng ra lo Trường hạ, để được học hỏi thêm. Nhờ vậy, mà kết quả còn mãi vang dội cho đến ngày nay. Hy vọng, Thượng tọa còn tiếp tục đẩy mạnh tinh thần này cho những năm kế tiếp:

*.- Không một Trường hạ nào mà Hòa thượng Thiện Long không trực tiếp cúng dường vừa công sức và tài vật như là đem hết đồ chúng trong những ngày đầu hạ sau cuối hạ để nấu nướng cúng dường dẫn hạ.

*.- Không một Đại lễ Phật đàn nào của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ mà Hòa thượng không trực tiếp tham gia và đóng góp.

*.- Những Khóa học Phật pháp Bắc Mỹ được tổ chức tại San Diego mà Hòa thượng Thiện Long đều dự phần đóng góp tích cực.

*.- Trong suốt 19 năm, kể từ khi Hòa thượng Thích Thiện Thanh, Khai sáng chùa Phật Tổ tại Long Beach, Thầy đóng vai tự xem mình như là một "Đệ Tử"; mặc dầu, Thầy Thiện Long và Hòa thượng Thiện Thanh là đồng hàng huynh đệ. Sư phụ của Hòa thượng Thiện Thanh là ngài Hòa thượng Huệ Hòa, sư phụ của thầy Thiện Long là Hòa thượng Huệ Phát. Cả hai ngài đều là đệ tử của Tổ khai sơn chùa Kim Huệ là Hòa thượng Chánh Quả. Theo theo thể gian thường tình là anh em chú bác ruột.

Nói vậy là Hòa thượng Thiện Thanh và Hòa thượng Thiện Long có chung một vị Tổ, đó là Ngài Chánh Quả. Thế nhưng, suốt 19 năm qua, đến ngày húy nhật của Hòa thượng Thiện Thanh, Thầy Thiện Long tổ chức rất long trọng, cung thỉnh Chư tôn Thiện đức tham dự đông đúc, kể cả những bậc Trưởng thượng từ xa.

Thầy Thiện Long đã học được cái đức, cái hạnh của Cổ Hòa thượng Đức Niệm nên hành xử Phật sự đúng mức, nhất là đối với chư Tôn đức và Tăng đoàn. Thầy thường tâm sự, chùa nhỏ, chật hẹp, nhưng mình cố đem cái tâm không phân biệt, không ngăn ngại và hết lòng với Phật pháp, với Tăng đoàn như Cổ Hòa thượng Đức Niệm, thì Phật Tổ sẽ chứng minh và được gia hộ.

Bút giả viết lên lời này để tán dương Hòa thượng Thiện Long đã thừa hành Phật sự với Chư Sơn thật cao đẹp và hài hòa làm sao. Phải thành thật mà nói, Hòa thượng Thiện Long có phước báo từ nhiều đời, nay mới có được một đội ngũ vừa xuất gia, vừa tại gia chung lo Phật sự không mệt mỏi tại chùa Phật Tổ, cũng như đối với các Phật sự và Trường hạ của Giáo hội tổ chức. Đã vậy, lại có một đệ tử đóng vai Giám trai Sư giả Bồ tát, lúc nào cũng vui cười, làm nhiều hơn nói, không hiện một nét nào không vui trên khuôn mặt, đó là thầy Thích Thường Tịnh, đương kim Trụ trì kế thế Sư phụ tại chùa Phật Tổ.

Cầu nguyện cho Hòa thượng sức khỏe được an khang, luôn đóng vai thạch trụ tông lâm trong thời đại pháp nhược ma cường này, để tứ chúng có nơi nương tựa tại địa phương Long Beach và các vùng phụ cận.



30 THÁNG 7

*30 tháng 7, một mình,
Mẹ ra biển động
Tình Cha lên đèn
Bè lau quần quai bờ sinh tử
Oa oa trẻ khóc,
Rạng bình minh*

*30 tháng 7, hạ nồng
Đong đưa giấc ngủ nôỉ hồng, tay cha
Hạt sương đầu cỏ,
Thánh thốt sát-na
Núi sông một thoáng,
Bao la ơn đời.
Công cha, nghĩa mẹ, trùng khơi.
Mưa tuôn lòng suối, chưa vui lại đây.*

*30 tháng 7,
Con lớn từng ngày.
Tuyết sương cha nhận
Đắng cay mẹ gồng.
Bao nhiêu cây,
mới là rừng?
Bao nhiêu đá,
mới là non ngút ngàn?*

*Đi suốt kiếp,
Dẫu vai mang
Hình cha, bóng mẹ chứa chan ân tình
Cũng chưa báo đáp dưỡng sinh
Mà trong gang tấc đã đành chia xa!*

*Mẹ ơi, Mẹ!
Cha ơi, Cha!*

HẠNH CHI
(Ngày đến với Mẹ Cha)

Bảo nhau ngày ấy Vu Lan

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH



M is for the million things she gave me
O means only that she's growing old
T is for the tears she shed to save me
H is for her heart of purest gold
E is for her eyes, with love-light shinning,
R mean right, and right she'll always be,
 Put them all together, they spell "Mother," a word
 that means the world to me. (Howard Johnson)

Vào ngày Mẹ, cách đây mấy năm, cậu con út 17 tuổi đã mua về cho tôi một tấm gương trang trí, có hàng chữ *God could not be everywhere and therefore He made Mothers*, thặng bé ít biểu lộ cử chỉ triu mến với mẹ, cũng có cách để lấy trái tim, nước mắt mẹ ra đến thế, làm tôi nhớ mẹ tôi ở quê nhà, nhớ con trai lớn đang xa bên trời Tây. Cảm ơn con trai nhỏ, cho mẹ những hạt nước mắt ấm vui trong Ngày Của Mẹ.

*Tận cùng hạt lệ mẹ
 là nước mắt con rơi
 tận cùng tiếng cười mẹ
 là nụ cười con vừa mở
 và con ơi
 tận cùng hư vô mẹ
 sẽ một ánh nhìn theo con. trở lại*

"...Vào năm 1858, tại quê nhà của mình ở West Virginia, Anna Reeves là người phụ nữ đầu tiên tổ chức một buổi lễ *Mother's Work Day* (kiểu như là Ngày Nhớ Công của Mẹ), mục đích là để tăng nhận thức của mọi người về vấn đề an toàn vệ sinh. Vào thời kỳ nội chiến, bà đã mở rộng phạm vi *Mother's Work Day* ra nhiều vùng miền hơn, để tăng cường vấn đề an toàn vệ sinh cho cả hai bên tham chiến... Năm 1905, Anna Reeves Jarvis qua đời và con gái của bà, Anna Jarvis,... đã thề trước mộ mẹ rằng cô sẽ tiếp tục cố gắng hoàn thành ước mơ của đời bà là tạo ra một ngày quốc lễ để vinh danh Người Mẹ. Năm 1907, Anna đã tổ chức một chiến dịch gửi tặng

những bông hoa cẩm chướng trắng cho những người tham gia hội họp ở Nhà thờ của mẹ mình ở West Virginia. Năm 1908, nhà thờ đã đồng ý yêu cầu của Anna về việc tổ chức một ngày chủ nhật đặc biệt để vinh danh những người mẹ. Truyền thống này đã được lan rộng ra nhiều nhà thờ của cả 46 bang vào những năm sau đó... Năm 1912..., quê nhà West Virginia của cô đã công nhận một ngày lễ chính thức dành cho mẹ. Hai năm sau, Quốc hội Mỹ đã thông qua một Nghị quyết chung, được ký bởi tổng thống Wilson, dành một ngày Quốc lễ dành cho mẹ. Từ đó trở đi, ngày lễ này đã ngày càng trở thành một ngày lễ lớn được nước Mỹ tổ chức hàng năm vào ngày chủ nhật thứ hai của tháng 5. (hoasaigon.com)

Việt Nam mình không có một ngày riêng cho Mẹ. Nhưng có một mùa, gọi là Vu Lan, rằm tháng 7, còn gọi là Mùa Báo Hiếu, vào dịp này, mọi người đến chùa, gắn một bông hồng đỏ cho những ai còn mẹ, và bông hồng trắng để tưởng nhớ mẹ đã khuất. Tôi nhớ, ở tiền đình chùa An Lạc năm ấy, mẹ mặc áo dài lam, đứng gần cho tôi một bông hồng đỏ, tôi cười rạng vui. Tôi gắn lên áo mẹ một đoá hồng trắng, mắt mẹ rơm lệ.

...mỗi ngày đi qua đang cài cho con một bông hồng... (Đỗ Trung Quân)

Và lúc này, đang mùa hiếu hạnh, tôi nhớ một bài viết của tôi ngày trước, dùng làm lời dẫn trong một CD thơ về Mẹ của nhà thơ Trụ Vũ. Giờ xin ghi lại để tặng mẹ, để được thấy hạt lệ hay khóc của mẹ, mẹ với nước mắt không biết ai rủ ai khóc trước? *Con mong con làm được một điều vui trong triệu điều nhọc nhằn mẹ đã làm, một hạt lệ hạnh phúc trong tỷ giọt nước mắt lo lắng Mẹ đã rơi, vì đàn con. Mẹ ơi. Vậy hãy đọc cùng con nhe Mẹ.*

Bảo nhau Ngày Ấy, Vu Lan... (Tựa CD Thơ Trụ Vũ)

Từ thuở mà hiểu tâm Mục Kiền Liên nhấn lên dây thời gian một nốt nhạc rung động, có một ngày tên gọi Vu Lan. Ngày rằm tháng bảy, kỷ niệm Người xuống ngục A Tỳ cứu mẹ, từ ấy người con Phật lấy ngày này làm cái mốc nhắc nhớ hiếu tâm, một ngày có sắc có hương, hương của tấm lòng báo hiếu, sắc xanh ấm của ánh nhìn xuống yêu thương. Âm thanh của muôn triệu trái tim người con mở ra rộn rã để bày tỏ cũng như đón nhận món quà thiêng liêng: Tình Mẹ.

Thứ trông lên màu xanh của bầu trời, ta thấy có đâu là biên giới? Tình Mẹ đấy.

Thứ nhìn ra biển khơi, ta có biết bao giờ với? Lòng Mẹ đây, ai đã một lần nghe, *Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình...* (Y Vân) để thấy lòng ấm theo tiếng dạt dào vô lượng ấy?

Xin lắng lòng lại mà nghe muôn ngày trong chuỗi thời gian là muôn Vu Lan. Để tâm niệm,



*Trong mỗi trái tim
Của mỗi con người
Có mẹ trong đó*

Hóa sinh đất trời (Trụ Vũ)

Một tấm tình thương không tính được bằng thán ngữ, một tấm tình thương bao la rộng khắp, mỗi mỗi bước ta đi đều chấp lên từ chất chiu tình mẹ, mỗi bệ phóng cho tầm cao của ta đều bật lên từ đôi cánh của lòng mẹ, cái hạnh phúc ấy được thể hiện từng giây từng phút sống động và do đó mà mọi vật hiện hữu, thì làm sao có thể nói rằng vũ trụ là hư vô, mọi sự gặp gỡ, chia xa chỉ là tình cờ? Và thời gian vĩnh viễn, Ngày Của Mẹ.

ta mê mãi trên bàn chân rong ruổi

mắt mẹ già thăm lặng đôi sau lưng (Đỗ Trung Quân)

Mẹ ơi. Chỉ một lời gọi mà trùng trùng giây tơ cảm xúc bật reo trong ta, như trên đường dài nắng bóng ta được cho một ngụm nước mát, như trong cổ quanh bóng đêm có một giấc mơ đẹp cầm tay dắt ta đi, như vòng tay mở rộng đỡ ta khi hụt hẫng khổ đau, như trong bụng nở niềm vui có nụ cười dõi theo âu yếm, vì thế mà biết bao người trong phút giây ngã xuống đã bật lên tiếng gọi "mẹ ơi", như một linh ngữ để nương tựa. Mẹ ơi, sao hai tiếng toàn năng đến thế, phổ độ đến thế!

Vũ trụ tận hơi

Trong nỗi đau đời

Mỗi một tiếng lời

Con gọi: Mẹ ơi! (Trụ Vũ)

Cung bậc rung rung mở tới được vô cùng nơi tiếng gọi ấy là âm thanh đập theo từng nhịp tim hiểu tử. Nó bỗng thành nhạc, thành thơ, chỉ cần nhịp tim ấy reo lên thì trời đất hoà âm, chỉ một hạt lệ trong tréo ấy nhỏ xuống thì nghìn xanh của đại dương rung động.

Con nhìn mãi giọt lệ khô chan chứa

Biển rền vang, núi đồng vọng mệnh mang

Ôi thời gian ôi thời gian

Con ôm mẹ giữa chiều ngân giọng sáo

(Nguyễn Lương Vỹ)

Nói về mẹ là nói đến cái vô cùng, ai có thể tả cái vô cùng? Ai có thể vẽ cái vô cùng? Mọi lời nói về mẹ như thể một tôi bé nhỏ rụt rè đang đối diện với bao la, mỗi giây phút thể hiện tình mẫu tử làm cho vạn vật thấy bình an kỳ diệu, hương cau sau hè quần quýt bên lời ru ả ời của mẹ, có từ bi nào đắm lệ yêu thương và hạnh phúc hơn từ bi tim mẹ, để bước chân con sau bao sóng gió tìm về nương náu?

Mẹ là ngôi chùa nhỏ

Đón con về nương thân

Mẹ là đôi mắt tỏ

Tha cho con lỗi lầm (Nguyễn Đức Cường)

Cái hiện thực ta đang sống cùng, tận chia sẻ, tận thụ hưởng là chính sinh mệnh ta đây, mà cha mẹ, người tạo tác ra, chăm chút cho, rồi trao lại cho nó sinh mệnh của mình, thì thử hỏi không đâu trên cõi ta đang hít thở này lại không có lòng chở che cũng như phó thác của mẹ? Và có phải vì thế đã đánh thức được ở mỗi người sự trân trọng sinh mệnh mình, sinh mệnh người, cùng thấy được sinh mệnh muôn loài lấp lánh...?

Sinh mệnh mẹ đâu còn

Chỉ còn sinh mệnh con

Mẹ chuyển giao sinh mệnh

Tử bi hỷ xả tròn (Trụ Vũ)

Từ nơi không bắt đầu không chấm dứt này, miên man nụ cười và hạt lệ mẹ, từ bóng cò cô đơn ngoài ruộng đồng, từ ánh sao trên trời đêm, từ bóng



NHỚ MẸ

*Những đêm dài heo hút giữa lòng con
Đôi mắt Mẹ hiện về sâu thăm thăm
Chừ tuổi hạc gầy hao theo tuế nguyệt
Sương đêm rơi trong cõi nhớ chập chùng.*

MẶC KHÔNG TỬ

tỷ khư trên đường dài, từ giấc mơ trên cánh biếc ca dao, từ những nỗi oan khiến nơi cõi trầm luân này, đều thấp thoáng bước về của mẹ. Cõi mệnh mỏng của không gian đâu ngoài ánh nhìn của mẹ, chốn vô cùng của thời gian cũng chỉ vừa một nhịp đong đưa dưới bàn tay ru nôi của mẹ.

Con nhìn mãi chiều thu xanh xanh lẫm

Tiếng khóc xanh, xanh đất ẩm trời êm

Như lá nổi như cành non muốt đêm

Mẹ ấp ngực ru con theo dòng sữa

(Nguyễn Lương Vỹ)

Và Mẹ ơi bao nhiêu trời đất Mẹ, thì bấy nhiêu đất trời ấy tâm con hướng về. Và vì Mẹ đã Quán Thế Âm, cho nên Mẹ, đã là một biểu tượng đầy thuyết phục cho một niềm tin mãnh liệt để con yêu thương, kiêu hãnh, nương tựa, sống còn.

Muôn đêm rằm Mẹ để muôn lời thơ trên thế gian này theo đó, sáng trăng.

Mùa Vu Lan, 8. 2012

** Cùng các con Chương Chương Hạnh Kimmy, nơi, trái tim mẹ biết được nhịp ấm áp của tình mẫu tử...*

KHÁI NIỆM VỀ VÔ MINH TRONG PHẬT GIÁO

Hoang Phong

Cứu cánh của Phật giáo là sự Giác Ngộ, phương tiện giúp đạt được Giác Ngộ là Trí Tuệ, và đối nghịch với Trí Tuệ là Vô Minh. Vậy muốn đạt được Giác Ngộ thì phải loại trừ Vô Minh. Vô Minh mang lại khổ đau và Giác ngộ thì mang lại sự Giải Thoát. Trí Tuệ là liều thuốc để hóa giải Vô Minh tức để loại bỏ khổ đau. Chính vì thế mà vô minh là một khái niệm vô cùng quan trọng trong giáo lý nhà Phật bởi lẽ nếu không hiểu được vô minh là gì thì quả thật là khó mà loại bỏ được nó. Vô minh được kinh sách đề cập trong ba trường hợp khác nhau:

- Vô minh là nọc độc thứ nhất trong số ba nọc độc gọi là Tam Độc: đây là sự đần độn hay u mê (moha - si mê); sự thèm khát và bám víu (raga - tham lam) và hận thù (krodha - sân hận). U mê (moha - ignorance - si mê) sẽ đưa đến những hành động ngu đần và sai lầm, mang lại những xúc cảm bản loạn trong tâm thức.

- Vô minh (avidya/avijja) là "nút thắt" hay cái "khoen" đầu tiên trong số mười hai "nút thắt" của chuỗi dài lôi kéo và tương tác gọi là "Thập nhị nhân duyên", trói buộc chúng sinh trong thế giới luân hồi. Cái nút thắt đầu tiên ấy còn được gọi là vô minh nguyên thủy (sahajavidya), tức sự kiện không hiểu biết về Tứ Diệu Đế, về quy luật nguyên nhân hậu quả (nghiệp) và không ý thức được sự hiện hữu trói buộc của chính mình.

- Vô minh mang ý nghĩa của sự lầm lẫn, thiếu sáng suốt (ditthi, wrong views - tà kiến) nghĩa là không nhìn thấy bản chất của mọi vật thể, tức phương thức hiện hữu đích thật của con người và mọi hiện tượng.

Kinh sách, bài giảng, bài viết... về khái niệm vô minh nhiều vô kể, do đó bài viết ngắn này chỉ nhằm nhắc lại một vài định nghĩa chủ yếu và chỉ khai triển thể dạng thứ ba của vô minh tức là sự lầm lẫn và u mê về bản chất của mọi vật thể, đồng thời nêu lên một vài thí dụ cụ thể để chúng ta cùng suy gẫm. Từ "vô minh" nói chung thì tiếng Phạn gọi là Avidya và tiếng Pa-li là Avijja, nghĩa từ chương của chữ này là sự "thiếu hiểu biết", thế nhưng cũng có thể hiểu đây là một sự "nhầm lẫn". "Thiếu hiểu biết" không có nghĩa là thiếu sự hiểu biết mang lại từ sự học hỏi từ chương trong sách vở, hay sự thiếu hiểu biết mang tính cách thông thái của một nhà bác học. Nói một cách đơn giản thì ta có thể hiểu vô minh như là một cách "nhìn sai" hay "hiểu sai". Đối với Phật Giáo thì một học giả uyên bác, một triết gia thông thái, một khoa học gia lỗi lạc hay một chính trị gia khôn ngoan v.v... vẫn có thể là những người "vô minh" và "u mê", vì tuy rằng họ hiểu rành rọt về chuyện này thế nhưng cũng có thể nhìn sai và hiểu sai về một chuyện khác. Không những thế, cái chuyện khác ấy đôi khi lại có một tầm vóc quan trọng hơn nhiều so với những chuyện mà họ biết thật rành rẽ, bởi vì nó có thể liên hệ đến hạnh phúc và tương lai lâu dài của họ và của cả những người khác nữa.

Tóm lại dù đây là một vị giáo sư hay chỉ là một người không có cái may mắn được học hành thì cả

hai cũng đều có thể rơi vào sự lầm lẫn như nhau. Nếu sự lầm lẫn ấy chỉ liên hệ đến những biến cố và sự kiện thường tình trong đời sống thì hậu quả mang lại đôi khi cũng không đến nỗi quá tệ hại. Thế nhưng nếu đây là một cái nhìn lầm lẫn, một sự quán thấy lệch lạc, không nhận biết được bản chất đích thật của chính mình và của mọi sự vật, không quán thấy được ảo giác của mọi hiện tượng đang biến động chung quanh mình và những xung năng trong tâm thức mình, thì hậu quả mang lại sẽ trầm trọng hơn nhiều.

Sự phức tạp của vô minh và sự đa dạng của việc tu tập

Như vậy nếu muốn phá bỏ hay "khắc phục vô minh" để mở rộng sự hiểu biết và tìm thấy trí tuệ thì phải làm thế nào? Việc tu tập quả thật là rắc rối. Con người có quá nhiều xu hướng khác nhau, từ bản chất cơ thể cho đến giáo dục, từ truyền thống cho đến kinh nghiệm cá nhân, từ hoàn cảnh cho đến những định hướng tư lợi, mà tất cả những thứ ấy đều là hậu quả của nghiệp tích lũy từ trước. Quả thật hết sức khó để có thể tìm ra một phương thức chung có tính cách phổ cập, thích ứng cho tất cả mọi người. Vì thế cũng không nên lấy làm lạ là chung quanh ta "mỗi người tu một cách", các tông phái, chi phái thì "nhiều vô kể", và sách giảng thì cũng đủ loại. Thật ra thì đây là các phương cách khác nhau mà Đạo Pháp dùng để thích ứng với sự đa dạng của chúng sinh, hay nói một cách giản dị là để thích ứng với cái vô minh và cái ngã của từng người mà thôi.

Giáo lý nhà Phật cũng không phải là không ý thức được việc đó, vì thế mà Đạo Pháp xem đây đều là những "phương tiện thiện xảo" (upaya) "chấp nhận" cho mỗi người tự tìm lấy một "con đường" thích hợp cho mình, và tất nhiên là cũng phải tôn trọng một số nguyên tắc căn bản nào đó trong Đạo Pháp. Kinh sách cho biết là có tất cả 84.000 "phương tiện thiện xảo", và theo truyền thống văn hóa Ấn độ thì con số này chỉ mang tính cách tượng trưng, có nghĩa là các phương tiện thiện xảo nhiều lắm, đếm không xuể. Vô minh cũng thế, cũng nhiều lắm và đếm không xuể. Mỗi người có một cái vô minh riêng của mình, cũng có thể xem như một thứ "gia tài" riêng, "bì" thừa hưởng từ nghiệp của mình mà ai cũng muốn bảo vệ cái "gia tài" ấy, "bám chặt" vào nó, "hãnh diện" vì nó, "ôm khư khư" lấy nó. Vì thế việc tu tập tất nhiên cũng phải phù hợp với cái vô minh của từng người là như vậy.

Chúng ta hãy thử nhìn vào một thí dụ thực tiễn và cụ thể như sau. Một vị thầy thuyết giảng giáo lý cho một đám đông Phật tử đến chùa. Phật tử ngồi lắng nghe thật yên lặng và thành tâm, vị thầy thì thuyết giảng rất hăng say và cũng rất thành tâm, có lúc hùng hồn, có lúc khôi hài, có khi lại rất trịnh trọng và nghiêm trang, nhằm thu hút sự chú tâm của người nghe. Thế nhưng biết đâu vị thầy cũng chỉ lập đi lập lại những gì mình đã thuộc lòng (!). Trong số Phật tử thì chắc hẳn cũng có người nghe và nghĩ

thầm là "lanh quanh cũng thế, chẳng có gì mới lạ", hoặc nghĩ rằng vị thầy này giảng không "hấp dẫn" bằng vị hôm trước. Trong khi đó thì cũng lại có kẻ đang nghĩ đến việc sắp phải rước con vì sắp đến giờ tan học, mà vị thầy này lại giảng hằng quá mà chẳng biết đến khi nào mới chấm dứt, người khác thì hơi sốt ruột vì còn phải lo việc chợ búa và trăm chuyện phải làm, v.v. và v.v... Rồi thì buổi giảng cũng chấm dứt, thầy trò đều mừng rỡ, cùng nhau chấp tay hồi hướng công đức để cầu xin cho thế giới này được an bình hơn, hạnh phúc hơn... Các Phật tử ra đến cổng thì vừa chen lấn vừa áp tay vào túi quần vì sợ bị... móc túi, người ăn xin thì quá đông nên chẳng biết phải bố thí cho người nào, xe chạy như mắc cửi, phải nhìn trước trông sau để tránh xe... Trong chùa thì vị thầy vừa giảng xong cũng muốn nghỉ ngơi một tí, vì chiều nay lại phải giảng về đề tài này tại một ngôi chùa khác. Mỗi người trở lại với những sinh hoạt thường nhật của mình và cũng có thể không ai nghĩ đến là sau khi nghe giảng thì mình có cải thiện được phần nào cái vốn liếng trí tuệ của mình hay không?

Vô minh quả thật là phức tạp và đa dạng, do đó việc tu tập nếu muốn đạt sự "hữu hiệu" thì cũng đành phải chạy theo sự đa dạng và phức tạp đó. Thế nhưng may mắn thay cứu cánh của Đạo Pháp thì lúc nào cũng chỉ là một: đấy là Trí Tuệ. Dù phải vướng mắc trong bối cảnh hỗn tạp do nghiệp và cơ duyên tạo ra, thế nhưng ta cũng nên luôn cố gắng nhìn xa hơn và sâu hơn trước những biến cố quen thuộc đang xảy ra chung quanh.

Sự chú tâm để quán thấy những thứ ấy càng mạnh, càng thường xuyên và sâu xa, thì trí tuệ của ta cũng theo đó mà ngày càng được phát triển hơn. Tóm lại đấy là cách giúp ta thoát ra những trói buộc thường tình để nhìn xa hơn vào các hiện tượng đang biến động chung quanh và để thấy rõ hơn các xúc cảm và xung năng đang chi phối tâm thức mình hầu giúp mình quán xét, phân tích và tìm hiểu chúng để khám phá ra bản chất đích thật của chúng, nhằm giúp cho mình chọn lấy một thái độ ứng xử thích nghi hơn.

Cách nhìn vào các hiện tượng biến động và bản chất của hiện thực

Cách nhìn như vừa mô tả trên đây gồm có hai khía cạnh hay hai lãnh vực khác nhau: trước hết là cách nhìn vào những hiện tượng đang biến động tức các thể dạng "bên ngoài" hay "ảo giác" của hiện thực, và sau đó là cách nhìn thẳng vào "bản chất đích thật" của hiện thực. Thật ra thì cả hai khía cạnh hay lãnh vực ấy của hiện thực đã được mô tả trong vô số kinh sách và cũng đã được các vị thầy đại diện cho Đạo Pháp thuyết giảng cho chúng ta nghe, thế nhưng chính ta phải tự nhìn thấy nó vì không ai có thể nhìn thấy chúng thay cho ta được. Hai cách nhìn ấy như sau:

- Nhìn vào các hiện tượng biến động của hiện thực

Ta hãy thử tréo chân ngồi xuống, giữ yên lặng và phóng luồng tư tưởng nhìn ra vũ trụ, để hình dung ra địa cầu đang xoay vần chung quanh mặt trời, rồi mặt trời và thái dương hệ thì đang quay cuồng trong thiên hà, và thiên hà lại bắn tung trong vũ trụ... Toàn bộ tất cả những thứ ấy đang chuyển động với một vận tốc khủng khiếp, đấy là cái vận tốc của một vụ nổ lớn trong vũ trụ (Big Bang). Cùng với địa cầu và thiên hà, ta đang bị bắn tung trong không gian... Thế nhưng trước đây vài phút, lúc ta



chưa ngồi xuống để hình dung ra vị trí của mình trong cái khoảng không gian mênh mông đó thì ta vẫn có cảm giác bình yên tự tại, vẫn cảm thấy vững chân trên mặt đất và đường như chẳng có việc gì xảy ra: trên đầu ta là bầu trời cao vời vợi với những đám mây trôi êm ả, dưới chân ta là mặt đất vững vàng, và căn nhà của ta được đóng cửa và xây móng chắc chắn. Tóm lại việc ta cứ "bình chân như vại" mà không quán thấy cái chuyển động khủng khiếp đấy là một thứ vô minh rất dễ nhận ra, thế nhưng chỉ vì cứ phải chạy ngược chạy xuôi cho nên ta không nhận thấy cái vô minh đó của mình mà thôi!

Địa cầu là một hạt cực nhỏ xoáy lộn trong không gian, thế mà ta vẫn cố ngược lên để tìm một cái gì cao cả, và nhìn xuống để ý thức ra sự đọa đày. Ta tự đặt mình vào vị trí trung tâm của vũ trụ để tự nhận diện chính mình. Các vị trí dùng để định hướng như trung tâm, bên phải, bên trái, bên trên, bên dưới... không hề mang một ý nghĩa gì cả, đấy chỉ là những điểm chuẩn hoàn toàn mang tính cách tương đối và quy ước. Thế nhưng đối với ta đã gọi là "trên trời" thì nhất định là phải ở trên đỉnh đầu, ta không thể chấp nhận "trên trời" lại cũng có thể là ở... "dưới chân" ta. Một người ở bắc bán cầu thì "trên trời" sẽ có một hướng đối nghịch lại với cái hướng "trên trời" của một người ở nam bán cầu. Ta ngược "lên trên" để tìm kiếm một đấng tối cao, một chốn thiên đường hạnh phúc hay một cõi cực lạc an bình, bất chấp là cái hạt bé tí gọi là địa cầu đó đang bị xoáy lộn "lên phía trên" hay bị tung "xuống phía dưới" trong vũ trụ này. Đấy là một trong số hàng nghìn cách nhìn giúp cho ta nhận thấy cái vô minh của mình trước những biến động chung quanh.

Nếu tiếp tục thu hẹp tầm nhìn để quay trở lại với những gì đang xảy ra chung quanh ta trong giới hạn của quả địa cầu này thì ta cũng sẽ thấy rằng mọi vật thể và hiện tượng nơi cái hành tinh bé nhỏ này cũng biến động không ngừng, từ con người đến vạn vật, từ văn hóa đến chính trị, từ địa dư đến lịch sử và từ những biến cố cổ xưa đến cận đại. Có những khi mùa màng mưa thuận gió hòa thì cũng có những lần mà thiên tai sát hại hàng trăm nghìn người một lúc. Có những đứa bé sinh ra đời thì lại có những người nằm xuống, và trong số những người nằm xuống thì cũng có những đứa bé còn bú mẹ, có những người già nua đau yếu, và cả những người còn trẻ và khoẻ mạnh... Tất cả những hiện tượng ấy trên bình diện "bên ngoài" hiện ra như có vẻ độc lập, được xác định rõ rệt. Thế nhưng nếu ta hiểu rằng một cơn sóng thần giết hại hơn hai trăm nghìn người phải bắt nguồn từ

một cuộc địa chấn. Động đất xảy ra là phải có các mảng lục địa trôi dạt trên lớp đá nóng bỏng và chảy lỏng nằm bên trong lớp vỏ của địa cầu, các mảng lục địa va chạm vào nhau, chồm lên nhau, bị dồn nén, bị "gãy" để tạo ra động đất. Sở dĩ ta không nhận thấy những chuyển động đó là vì chúng xảy ra quá chậm trong khi cuộc sống của ta thì lại quá dồn dập, xảy ra và chấm dứt như một tia chớp. Ngược về quá khứ xa hơn, ta sẽ thấy rằng những biến cố động đất và sóng thần liên hệ đến địa cầu từ lúc hành tinh này còn là một khối lửa đang nguội dần, có những mảng lục địa đang hình thành và đá lỏng vẫn chưa nguội hẳn...

Khi thấy một đứa bé còn bú, ta có thể hình dung ra một người già yếu và bệnh tật sau này. Khi thấy xác chết của một người trong tuổi, ta có thể hình dung ngược lại hình ảnh một đứa bé khi còn được bế trên tay mẹ. Từ những biến động vật chất của địa cầu cho đến cái chết của một đứa bé còn bú mẹ, hay cái may mắn của một đứa trẻ được lớn lên để rồi trở thành một cụ già, tất cả đều là những biến động liên tục, chẳng chứt và liên đới, tạo ra bởi vô số nguyên nhân. Tóm lại nhận dạng một hình tướng độc lập, tách rời ra khỏi những ràng buộc chẳng chứt và những điều kiện dự phần tác tạo ra nó là một cách nhìn vô minh, tức sai lầm, nông cạn và ngây thơ.

Nếu tiếp tục ngồi yên và thu hẹp tầm nhìn hơn nữa thì biết đâu bắt chợt ta sẽ trông thấy một con kiến đang bò trên mặt tường trước mặt ta, rồi sau đó thì nó bò ngược lên trần nhà. Ta sẽ hiểu rằng ta không làm được như nó, không thể bước thẳng lên bức tường và đi ngược lên trần nhà được bởi vì thân xác của ta quá nặng và sức hút của địa cầu sẽ làm cho ta rơi xuống. Nếu trước đây ta cảm thấy mình là một hạt bụi trong vũ trụ thì giờ đây ta lại cảm thấy mình là một sinh vật khổng lồ, quá kèn càng so với con kiến, ta có nhu cầu nhiều hơn, tham lam hơn, quá sức "nặng nề" và không được nhẹ nhàng như con kiến.

Nếu thay thế bảy tỷ người trên hành tinh này bằng bảy tỉ con kiến thì hành tinh này sẽ trở nên an bình hơn, sẽ không có chiến tranh, không có số khí giới khổng lồ như hiện nay. Nhu cầu của bảy tỉ con kiến cũng sẽ vô nghĩa trước sự tham lam vô độ của con người, và số kiến ấy sẽ không làm cho hành tinh này trở nên ô nhiễm và bị tàn phá như hiện nay, các sinh vật không còn sợ con người ngược đãi và ăn thịt chúng nữa. Tóm lại nếu ta nhìn con người là những sáng tạo thông minh nhất, hoàn hảo nhất trong toàn thể vũ trụ này, hay ít ra là trên hành tinh này, thì đây quả là một cái nhìn vô minh. Người ta có thể cho rằng cách so sánh trên đây mang tính cách tự biện và lạm dụng, điều ấy rất đúng, thế nhưng đây không phải là một lối lý luận nhằm chứng minh một sự thật nào cả mà chỉ là một cách để làm nổi bật sự lệch lạc khi đánh giá về vị thế của con người trong vũ trụ này cũng như về cái nhìn vô minh của họ đối với chính họ và bối cảnh chung quanh.

Tuy nhiên con kiến vẫn còn quá to, vì nếu đưa cánh tay để nhìn gần hơn nữa thì các khoa học gia sẽ cho ta biết là trong mỗi phân vuông trên da của ta có khoảng 200.000 vi sinh vật sinh sống, nhờ vào hơi ẩm, mồ hôi và lớp da chết đào thải làm thực phẩm. Đối với các vi sinh vật ấy thì thân xác ta là cả một vũ trụ vô cùng phức tạp. Khi đưa ra các hình ảnh như trên đây để so sánh thì ta sẽ nhận ra rằng ta vừa là một hạt bụi trong vũ trụ và đồng thời lại cũng là một vũ trụ đối con vi sinh vật trên cánh tay ta, cả hai không có "cái tôi", "cái của tôi" hay "cái ngã" nào cả. Nếu nhìn thấy "cái ngã" của mình và của từng vi sinh vật chia sẻ sự sống chung với mình

và gọi đấy là "tôi", thì đấy chính là một cái nhìn vô minh.

- Nhìn vào bản chất đích thật của hiện thực

Bản chất đích thật của hiện thực là: vô thường (anitya/anicca - không kéo dài), khổ đau (dukkha/dukkha - sự bất toại nguyện) và vô ngã (anatman/anatta - tự-nó-không-hiện-hữu). Vô minh là không nhìn thấy được những đặc tính đó của các vật thể. Vậy một cái nhìn sáng suốt không lầm lẫn là thế nào? Kinh sách cho biết cái nhìn ấy phải như thế này:

"Đây là một vật thể, đây là cách thức mà dựa vào đó thì vật thể hiển hiện ra, đây là sự chấm dứt của nó, và đây là cách làm cho nó phải chấm dứt. Nếu nhìn một vật thể xuyên qua quá trình đó thì ta sẽ thấy rằng mọi vật thể tự nó không có một sự hiện hữu thật sự nào cả, không có một sự độc lập nào cả, mà chúng chỉ là vô thường, bất toại nguyện và vô ngã" (tóm lược dựa vào ý nghĩa của một bản kinh).

Thế nhưng trên thực tế thì chúng ta lại không nhìn thấy bản chất một vật thể đúng như vậy, và điều này khiến cho ta biểu lộ sự yêu quý nó và thèm khát được "có nó", hoặc mong muốn "ghét bỏ nó" để rồi khổ đau khi bị bắt buộc phải nhận chịu sự hiện diện của nó. Nếu đấy không phải là một vật thể mà là một thể dạng hình thành nào đó, thì ta lại muốn được "trở thành như thế" hoặc kinh sợ bị bắt buộc phải "trở thành như thế". Tóm lại vô minh làm phát sinh ra sự thèm khát hay bám víu - tức muốn được chiếm giữ hay ghét bỏ - và ngược lại sự thèm khát hay bám víu ấy lại làm phát sinh ra vô minh. Đây là cặp bài trùng kềm kẹp chúng ta trong vòng luân hồi và khổ đau.

Hãy nêu lên một thí dụ cụ thể khác, chẳng hạn như sự bám víu vào cái ngã hay là năm thứ cấu hợp - ngũ uẩn - tạo ra một cá thể, tức là thân xác (rupa - sắc), giác cảm (vedana - thụ), sự cảm nhận (samjna - tưởng), tác ý (samskara - hành) và tri thức (vijjana - thức). Ngũ uẩn còn được gọi là "năm thứ cấu hợp của sự chiếm hữu". Tại sao lại gọi đấy là những thứ "chiếm hữu"? Bởi vì ta luôn luôn tìm cách nắm bắt và chiếm giữ cái tổng thể gồm năm thứ cấu hợp luôn luôn biến động và đổi thay ấy mà gọi đấy là "cái ta" "cái ngã" (attman/atta) của ta, đấy là "ta". Từ đó phát sinh ra trong tâm thức của mình cái ảo giác về một thực thể mang tên là cái "tôi", và năm thứ cấu hợp ấy là những cái "của tôi", thuộc riêng tôi. Sự nhận định sai lầm đó gọi là vô minh hay là một sự hiểu biết lầm lẫn. Tóm lại vô minh chính là cách nắm bắt hình ảnh tạm thời của năm thứ cấu hợp vô thường để tác tạo ra ảo giác của một "cái tôi" thực sự. Khắc phục được vô minh có nghĩa là không còn tiếp tục nhìn nhận năm thứ cấu hợp ấy là "cái tôi" nữa.

Chúng ta hãy thử nhìn gần hơn nữa vào cái tổng thể gồm năm thứ ngũ uẩn ấy bằng cách chọn uẩn thứ nhất - tức hình tướng - để quán xét xem sao. Khi phóng nhìn vào cấu hợp hình tướng của một cá thể thì ta gán ngay một số đặc tính nào đó cho cái hình tướng ấy, chẳng hạn như to lớn, béo lùn, cao ráo, trắng trẻo, xinh đẹp, thơm tho, hôi hám, duyên dáng, thô kệch, thanh tú, khả ái, dữ tợn, hiền lành... Thật ra đấy chỉ là những biểu lộ "bên ngoài" của hiện thực, và là những ảo giác do vô minh diễn đạt. Thế nhưng nếu ta vẫn cứ nhất quyết cho rằng cái tổng thể ảo giác đang chuyển động ấy là một thực thể vững bền mang một ý nghĩa nào đó, thì tức khắc sự thèm khát hay ghét bỏ sẽ phát sinh.

Nếu đến thật gần hơn nữa để nhìn thẳng vào



chính cái thân xác tương trưng cho các cấu hợp trên đây thì ta sẽ thấy gì? Cái thân xác đó được *Kinh Đại Niệm Xứ (Maha-Satipatthana-Sutta, Trường Bộ Kinh, 22)* mô tả là gồm có:

"Tóc, lông, móng chân, móng tay, răng, da; Thịt, gân, xương, tủy, thận; tim, gan, màng nhầy, thận, phổi;

Ruột, màng treo ruột, bao tử, phần, óc; Mắt, dung dịch tiêu hóa, mù, máu, chất dầu, mỡ;

Nước mắt, mồ hôi, nước miếng, nước nhầy, chất nhờn ở các khớp xương, nước tiểu;

Cái tổng hợp đó có chín lỗ, từ các lỗ ấy các chất dơ dáy và kinh tởm chảy ra không ngừng, chín lỗ ấy là: hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng, lỗ tiểu tiện và hậu môn".

Nếu nhìn vào cấu hợp hình tướng dưới góc cạnh đó thì ta sẽ cảm thấy ít bám víu hơn vào nó bởi vì cách nhìn ấy có vẻ gần với hiện thực hơn, hoặc nói một cách dễ hiểu hơn là tương đối "khách quan" hơn, ít diễn đạt hơn. Tuy nhiên đây vẫn chưa phải là hiện thực tuyệt đối.

Chúng ta hãy thử trở lại với thí dụ nêu lên trên đây về mối liên quan giữa ta, vũ trụ và con vi sinh vật sống bám vào lớp da của ta. Ta là cả một vũ trụ đối với nó, thế nhưng đối với địa cầu thì ta lại chỉ là một hạt bụi, và so sánh với vũ trụ thì cả địa cầu lại cũng chỉ là một hạt bụi nhỏ bé. Tất cả đều là tương đối. Vì mang tính cách tương đối nên con vi sinh vật ấy không có cái ngã, ta không có cái ngã, địa cầu không có cái ngã, mà cả vũ trụ cũng không có cái ngã. Vô ngã là một đặc tính tuyệt đối của hiện thực. Nếu so sánh khái niệm vô ngã và khái niệm tánh không thì chúng ta sẽ hiểu ngay rằng chính vô ngã là tánh không, và tánh không có khả năng chứa đựng từ một sinh vật nhỏ bé cho đến cả vũ trụ này.

Sự thực tuyệt đối vượt lên trên mọi khái niệm quy ước, đối nghịch và nhị nguyên, vượt lên trên cả "cái xấu" và "cái tốt", "cái đúng" và "cái sai"... có nghĩa đây là tất cả mọi tạo dựng của tâm thức. Nếu cái nhìn của ta còn vướng mắc trong sự thực tương đối thì cái nhìn ấy gọi là cái nhìn vô minh, và cái nhìn ấy tất sẽ mang lại khổ đau. Cái xấu hay cái tốt đều mang lại khổ đau, cái xấu mang lại các hậu quả tồi tệ, thế nhưng cái tốt cũng mang lại những khổ đau tương quan với cái tốt. Dầu sao cũng xin mở một dấu ngoặc ở đây để minh chứng là cách diễn đạt ấy không phải là một cách khuyến khích không làm điều thiện, mà chỉ muốn nêu lên là sự "thèm khát" được làm điều tốt cũng là một thứ khổ đau vì chính trong "cái tốt" cũng hàm chứa những khổ đau thật tinh tế và khó nắm bắt cho tất cả mọi người.

Ước mơ được làm công an phường để cải thiện ngày hai bữa cho vợ con hay được làm tổng thống da màu [vàng] quản lý một quốc gia cường thịnh nhất hành tinh này cũng đều là khổ đau. Làm đại diện cho Thượng Đế mà mỗi khi ra đường lại phải chui vào cái lồng kính sủng bần không thủng thì cũng không được thoải mái gì cho lắm. Ta sinh ra con cái, nuôi dưỡng và dạy dỗ chúng, để rồi đến khi lớn khôn thì chúng lại quay ra chế nhạo và khinh thường ta thì làm thế nào mà ta có thể cảm thấy hạnh phúc được. Sáng tạo thì cũng sẽ phải khổ đau với sự sáng tạo của mình là như thế.

Chỉ có sự quán thấy bản chất tuyệt đối của hiện thực, tức một cái nhìn vượt thoát khỏi vô minh mới có thể giúp ta không bám víu vào những biểu hiện ảo giác của hiện thực nữa, tức có nghĩa là hiểu được rằng không có bất cứ một thứ gì hay một vật thể nào đáng để cho ta "có nó" hay "trở thành như thế". Sự hiểu biết ấy chính là sự Giải Thoát.

Kinh *Aggi-Vacchagotta-Sutta (Majjhima-Nikaya, 72, PTS, 483-489)* có ghi lại những lời Đức Phật giải đáp cho câu hỏi của một người tu khổ hạnh là Vacchagotta liên quan đến hình tướng, tức thân xác của Ngài như sau:

"Này Vaccha, không thể hình dung ra hình tướng vật chất của Như Lai vì Như Lai đã rút bỏ nó đi rồi. Nó bị gạt ra một bên, nhổ bỏ tận rễ, khiến nó giống như một gốc cây dừa [đã mất rễ] không còn mọc lại được. Này Vaccha, Như Lai không nhìn và không tự nhận dạng mình xuyên qua cái thể xác bằng hình tướng đó nữa. Chính vì thế, nên cái thể xác hình tướng đó trở nên sâu thẳm, không thăm dò được, mênh mông như đại dương".

Đức Phật dùng cách giải thích tương tự như trên đây để tiếp tục giảng cho Vacchagotta về các cấu hợp khác là: *giác cảm, sự cảm nhận, tác ý và trí thức (consciousness)* của Ngài. Nhằm mục đích rút ngắn nên chúng ta hãy cùng xem câu giảng liên quan đến *tri thức* như sau:

"Này Vaccha, không thể hình dung ra tri thức của Như Lai. Cái tri thức ấy Như Lai đã rút bỏ đi rồi. Nó bị gạt ra một bên, nhổ bỏ tận rễ, khiến nó giống như một gốc cây dừa [đã mất rễ] không còn mọc lại được. Như Lai không nhìn và không tự nhận dạng mình qua cái tri thức đó nữa. Vì thế, nên cái tri thức ấy sâu thẳm, không thăm dò được, mênh mông như đại dương".

Đức Phật không nhận dạng mình xuyên qua năm thứ cấu hợp tức là ngũ uẩn nữa, vì sự lệ thuộc và biến động không ngừng của chúng chỉ có thể tạo ra được ảo giác mà thôi. Xem ảo giác là thật, chính là vô minh. Đức Phật không hề xác nhận mình biến mất hay nhập vào cõi hư vô mà chỉ tự nhận mình là "Như Lai", tức có nghĩa là "Như Thế" (Ainsité/Suchness), "không từ đâu đến cả" và cũng "chẳng đi về đâu cả", mà chỉ là một "Người đạt được cái thể dạng tự nhiên là như thế".

Gạt bỏ mọi ảo giác là để nhìn thấy bản chất trống không của hiện thực, và cái bản chất ấy không phải là hư vô. Gạt bỏ mọi ảo giác cũng không phải là xóa bỏ hiện thực mà đây chỉ là một cách "dừng lại" với hiện thực, một sự đình chỉ (nirodha - cessation) để "hòa mình" với hiện thực. Cái tánh không của hiện thực tương trưng bởi sự đình chỉ thật ra đây ập và "thật sâu thẳm, không thăm dò được, mênh mông như đại dương".

Bures-Sur-Yvette
Hoang Phong

Bên dòng Cổ Chiên tụng bài Kinh Phật

TUỆ NHƯ

Đã hơn 18 năm bước đời phiêu bạt, kể từ mùa an cư kiết hạ 1996 đến nay (2014), vẫn lặng lẽ tháng ngày bên suối đôi, khi lên núi Dinh ở Bà Rịa, lúc đến Tây Ninh nắng cháy, rồi lặng đặng núi rừng Bù Đẳng, Đak' Nông; nay dừng chân nơi Miền Tây sông nước phù sa... mượn câu kinh kệ làm niềm vui với đời thường; lấy cỏ cây, hoa lá, mây trắng lưng trời, chim hót rừng xa, để ước mầm sống thực giữa muôn sắc màu dâu bể, mà người đệ tử Phật, hay bất cứ một ai, cũng cần phải quán chiếu, nhận diện. Vì rằng chỉ có đến mới thấy, và chỉ có đến mới nghe được những gì từ nơi cuộc sống, v.v...

Từ khi huynh đệ mỗi người mỗi ngả du hóa vào đời, như những cánh chim trời vẫn mãi vang tiếng hót cho muôn hoa cỏ và sông núi muôn trùng của quê hương đích thực. Nay được tin nhau, vội vã gọi mời nhau và hẹn nhau ngày tái ngộ.

Cuộc hành trình từ Thành phố Long Xuyên bằng xe Honda đến Sa Đéc, rồi Vĩnh Long để qua Chợ Lách Bến Tre, tuy đoạn đường không xa lắm, không đầy 100km, nhưng phải qua 2 con phà (phà Vàm Cống, Đồng Tháp và phà Đình Khao, Vĩnh Long).

Lâu lắm không có dịp ngang qua Thành phố Vĩnh Long, lần này đến thấy thay đổi khác xưa nhiều. Đường thì mở rộng và thêm những giao lộ mới, khu du lịch Trường An trông rộn rịp, công viên và bờ kè của thành phố dọc theo dòng sông Tiền tạo một dáng vẻ mỹ quan và lồng lộng gió. Đến phường 4 có Văn Thánh Miếu, nơi thờ các danh sĩ văn học yêu nước... Được biết trong khu vực Miền Đông, Tây Nam bộ có 3 Văn Thánh Miếu, như: ở Biên Hòa (Đồng Nai), ở Gia Định (Saigon), và ở Vĩnh Long, cả ba cùng hình thành vào Tiểu khu 19.

Đến vòng xoay, hướng đi Long Hồ, Cần Thơ, và Phà Đình Khao, mà lâu nay nghe người ta thường gọi là bắc Cổ Chiên. Thật ra, trước năm 1975 đã có tên Đình Khao, là một ngôi đình tại xã



Thanh Đức, huyện Long Hồ, nơi đây sau khi quân lính hoàn thành nghĩa vụ cùng tập hợp tại đây để được khao, lâu sau được người quen gọi là Đình Khao. Đình Khao được xây dựng từ thời Gia Long 1817. Còn sông Cổ Chiên là địa danh của một nhánh sông mà tôi thường mơ ước muốn đến để thấy tận mắt đã từ lâu mà chưa có dịp.

Dòng Cổ Chiên là nhánh sông phía Nam của sông Tiền; ngã ba sông là ranh giới của ba tỉnh, như: Vĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre. Từ chân cầu Mỹ Thuận phía Thành phố Vĩnh Long chảy dài 82km theo hướng Tây-Bắc, Đông-Nam rồi đổ xuôi ra biển. Hai bên bờ Cổ Chiên có nhiều cồn, cù lao, như: cù lao Nai, cồn Dung, cồn Lớn... thuộc tỉnh Bến Tre; cù lao Long Hòa, cồn Long Trị, cồn Bàn (Thủy Tiên)... thuộc tỉnh Trà Vinh; cù lao An Bình, cồn Dài... thuộc tỉnh Vĩnh Long.

Địa danh dòng Cổ Chiên có nhiều thuyết, thế nhưng có thuyết cho rằng tên con sông liên quan đến một sự kiện lịch sử khi vào cuối thế kỷ XVIII (1785), lúc quân Nguyễn Anh (vua Gia Long sau này) đại bại trận Rạch Gầm-Xoài Mút, là hai nhánh sông nhỏ của sông Tiền trong khu vực của tỉnh Tiền Giang ngày nay. Tàn quân của Nguyễn Anh tháo chạy theo đường sông xuống phía

Nam, nhưng khi đến đoạn sông này thì bị chiến thuyền của quân Tây Sơn đuổi nà theo, đoàn thuyền quân Nguyễn Anh phải tìm cách thoát nạn nguy chết, nên cố đánh rớt "Trống, Chình" hết xuống đoạn sông này (Trống là Cổ, còn Chình nói trại thành Chiên). Hai chữ Trống Chình ghép thành Cổ Chiên, như ngày nay thành địa danh của dòng sông nói trên.

Phà vượt ra giữa dòng, nhìn thẳng về phía ngã ba sông, thấy một màu xanh đầy sinh lực của cây trái, bởi do sự hội tụ bồi đắp phù sa tự ngàn năm cho quê hương ngàn dặm. Bỗng nhớ đến lời bài ca "Con Sông Quê" do ca sĩ Anh Thơ biểu diễn, có đoạn:

*"...Qua nửa đời phiêu dạt,...
Ơi con sông dạt dào như lòng mẹ,
Chờ che con qua chớp bể mưa nguồn...
Một dòng sông xanh chảy mãi đến
vỏ cùng."*

Lời ca như trầm xuống trong lòng, vì lúc này gợi nhớ đến cuộc đời của mẹ, một tấm lòng chất phác, mộc mạc chân quê, vì con mà mẹ một đời tận tụy, chờ che cho con, dù đã phải trải qua bao chớp bể mưa nguồn, mặc dầu hôm nay con đã quá nửa đời người, và mẹ bây giờ đã hóa ra người thiên cổ, nhưng cũng như những hạt phù sa mãi mãi vẫn bồi đắp cho muôn bến đời bao sắc

màu, nguồn sinh lực muôn trùng, và luôn tươi mát, cho cây đời thêm xanh và xanh đến tận vô cùng...!

Hai bên đường xanh rợp bóng cây, không mấy chốc đã đến cầu Phú Phụng, một cây cầu trông như mới vừa hoàn thành công trình; kế nữa là chợ và Đình Phú Phụng, rồi chùa Quang Minh, xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Quang Minh là một ngôi chùa đã trên 100 năm, dáng vấp vẫn còn thô sơ nép mình dưới tàng đại thụ bồ đề.

Huynh đệ gặp lại đã hơn 18 năm, mừng vui qua đôi điều thăm hỏi. Anh nắng chiều đã rót vàng trên thềm chùa sau một cơn mưa khá to, như để làm bớt đi những ngày oi bức của thời tiết đầu mùa.

Tối nay, vầng trăng ngà mừng tám lung linh chếch nghiêng mái chùa, nghe tiếng chim giang hồ như đang xếp cánh đầu đầy, thỉnh thoảng những ngọn gió lùa qua mang theo những hương hoa cỏ, hương của miệt vườn, và hương của cả những tấm lòng trong cuộc đời, như để hòa vào hương vị bất tuyệt của đạo lý giác ngộ tự ngàn xưa và cho cả ngàn sau muôn trùng diệu lý, chợt nhớ đến lời thi kệ của Ngài Trần Thái Tông:

"Thiên giang hữu thủy, thiên giang nguyệt..."

(Ngàn sông con nước lưu giao

Mênh mang muôn dặm nơi nào không trăng).

Dù có đi đâu, qua muôn rạch trập sông, mỗi bước vào đời ngược xuôi ngàn dặm, vẫn hằng thấp sáng lẽ sống chơn thường giữa bao lớp bể dâu vô thường sanh diệt; nơi nào mà không vầng trăng hiền diệu quê hương, vầng trăng trong sáng tư duy cuộc sống, vầng trăng thanh bình theo từng nhịp thức thời gian, vầng trăng diệu pháp tươi mát huyền diệu muôn trùng luôn hiển lộ; sự bình an nào không tự nơi mình, nó vẫn theo mình trong từng hơi thở, bước đi, dù đang đi giữa cuộc đời không ít bề bộn và lao xao, vẫn thấy và biết rằng:

"Bước những bước thẳng bằng

Trên đường không thẳng bằng"

Nghỉ một đêm trong khuôn viên chùa yên tịnh, sáng mai sẽ có buổi nói chuyện về đạo lý tình người trong cuộc sống với hơn 100 phật tử gần xa đến dự khóa tu cố định hằng tháng tại đạo tràng. Buổi nói chuyện như để tụng lên một bài kinh muôn thuở bình an cho mình và cho cuộc đời:

*"Như giữa đồng rác nhóp
Quặng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người,"*
(PC. 58)

Bến Tre, trung tuần tháng tư 2014



Cù lao trên sông Cổ Chiên—ảnh sưu tầm

Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ngoài khơi
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi...

CHÍN CHỮ CÙ LAO ⁽¹⁾

thơ

*Siêng năng cần mẫn nhọc nhằn
Công ơn Cha Mẹ vĩnh hằng cao sâu
Đẹp thay chín chữ Cù lao:
Sinh ra đau đớn xiết bao nhiêu tình
Cúc thời nâng đỡ hy sinh
Phủ năng chăm sóc vỗ về vuốt ve
Súc thương bú mớm no nê
Trưởng nuôi thể xác, dưỡng mê thân hình
Dục thời dạy dỗ thâm tình
Cô luôn trông ngắm xem nhìn thiết tha
Phục quán quét không rời tay
Phúc lo đầy đủ ấm bông không xa
Sợ người ăn hiếp rầy rà
Giữ con sát cạnh gìn ngay bên mình
Cuộc đời Cha Mẹ hy sinh
Nuôi con khôn lớn hơn mình mới thôi
Công lưng đói khát đến rồi
Vẫn luôn hoan hỷ tô bồi cho con
Dù cho sức lực hao mòn
Cẩn rằng chịu đựng trong lòng bao dung
Làm con hiếu nghĩa chu toàn
Phải lo đền đáp thắm hoàn ân sâu
Cao thâm chín chữ cù lao
Nhắc nhở trả hiếu Vu lan đến mùa
Cùng nhau hội tụ về chùa
Công phu công quả cúng dường Trai Tăng
Để cho Tam Bảo vĩnh hằng
Ích lợi nhân loại an bằng chúng sanh.*

THÍCH VIÊN THÀNH

Mùa Vu Lan Báo Hiếu - Giáp Ngọ - 2014

(1) 9 Chữ Cù Lao (Siêng năng, cần mẫn- nhọc nhằn):

1. Sinh: Cha mẹ đẻ ra; 2. Cúc: Nâng đỡ; 3. Phủ Vỗ về vuốt ve; 4. Súc: Cho ăn bú mớm; 5. Trưởng: Nuôi dưỡng thể xác; 6. Dục: Giáo dưỡng tinh thần; 7. Cô: Trông xem – nhìn ngắm; 8. Phục: Quán quét – săn sóc không rời tay; 9. Phúc: Ấm bông, gìn giữ, lo cho con đầy đủ, sợ con bị ăn hiếp.



TINH TẤN

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Huỳnh Trưởng bốn phương, Tuy cùng một Thầy một Tổ nhưng đệ tử thì muôn vàn khác biệt; thế cho nên cùng ngồi trong một đạo tràng, cùng nghe một vị Thầy thuyết giảng, sự tiếp thu mỗi người đều khác nhau tùy theo căn cơ trình độ và tùy theo cách nghe, cách học... của mỗi người nữa. Ngay thời đức Phật còn tại thế cũng vậy, ngài dạy thì đồng đều nhưng các vị đệ tử của ngài người thì tinh tấn, người lại buông lung, phóng dật, nên kết quả không đồng đều; để rồi Đức Phật cũng chỉ giáo huấn bằng những câu kệ để cảnh tỉnh đệ tử của mình thối.

Cứ mỗi lần có những việc tương tự, chúng ta ngày nay lại được học tập bài Kệ do chính đức Phật nói ra; ví dụ như kệ thứ 29 sau đây:

**Tinh cần sống giữa người còn phóng dật
Tinh táo bên kẻ ngủ gật triển miên
Bỏ sau lưng đám ngựa hèn
Như con tuần mã, bậc hiền phi nhanh.**

Hay như nhà thơ Phạm Thiên Thư dịch bài kệ ấy như sau:

**Tinh tấn giữa buông lung
Tinh thức giữa mê ngủ
Ngựa hồng tung vó mây
Vượt bầy, xa nẻo cũ.**



Nguyên nhân bài kệ này là do 2 vị tỳ kheo đệ tử Phật, vào một mùa an cư kia, được đức Phật giao cho mỗi người một đề tài để quán tưởng. Hai người đi vào rừng để tĩnh tu. Vị tỳ kheo phóng dật dùng phần lớn thì giờ để tán gẫu, rồi nói chuyện thị phi, kéo những vị tỳ kheo trẻ đi chơi trò chuyện với mình rồi đến tối mệt, lăn ra ngủ. Vị tỳ kheo kia vốn là người siêng năng, giữ đúng bốn phận, cốt cách của người xuất gia, đi kinh hành đến gần nửa đêm mới an nghỉ, rồi gần sáng lại thức dậy hành thiền; nhờ tinh cần tu tập như vậy nên chẳng bao lâu, vị này đắc quả A La Hán.

Đến hết mùa an cư, cả hai vị tỳ kheo đều quay về Tịnh Xá Kỳ Viên đảnh lễ đức Phật; đức Phật hỏi: "Trong mùa an cư, các ông đã tu hành như thế nào?"

Vị tỳ kheo lười biếng bạch Phật trước: "Bạch đức Thế Tôn, anh bạn cùng tu với con không được siêng năng cho lắm, thường lãng phí thời gian, nằm lăn ra ngủ."

Đức Phật hỏi lại ông ta: "Thế còn ông thì sao?"

Ông ta đáp: "Con ngồi sưởi ấm đầu hôm, rồi nửa đêm con cũng ngồi yên như thế, không ngủ nghĩ gì cả."

Thật ra, đức Phật đã biết hết vì ngài đã quán thấy rõ rằng mọi sự nên bảo người tỳ kheo lười biếng rằng: "Chính ông mới là người lười biếng, phóng dật, chẳng tu hành tinh tấn lại còn tìm cách nói xấu cho bạn ông, vu oan cho bạn ông là lười biếng và phóng dật. Ông giống như một con ngựa hèn, chậm lụt, làm sao so sánh được với con tuần mã phi nhanh, là người bạn cùng tu với ông đây!" Rồi đức Phật đọc lên bài kệ:

**Tinh tấn giữa phóng dật
Tinh táo bên kẻ ngủ mê
Bỏ sau lưng đám ngựa hèn
Như con tuần mã, bậc hiền phi nhanh.**

Xưa cũng vậy mà nay cũng vậy, những người xấu lại hay nói xấu người khác mà quên rằng muốn hạ uy tín người khác để nâng mình lên là điều không thể được, vì trong khi nói xấu người khác, là chính mình đã tự bôi xấu mình rồi. Đó là tập khí muôn đời của chúng sanh: đồng rác trên đầu mình không thấy nhưng lại thấy một sợi rác trong tóc của người khác!

Thân kính chúc Anh Chị Em Huỳnh trưởng bốn phương luôn tinh tấn tu học và tu tập, thường soi rọi lại mình để xứng đáng là tấm gương sáng cho đàn em noi theo.

Trân trọng,
BBT



MÊ VÀ GIÁC

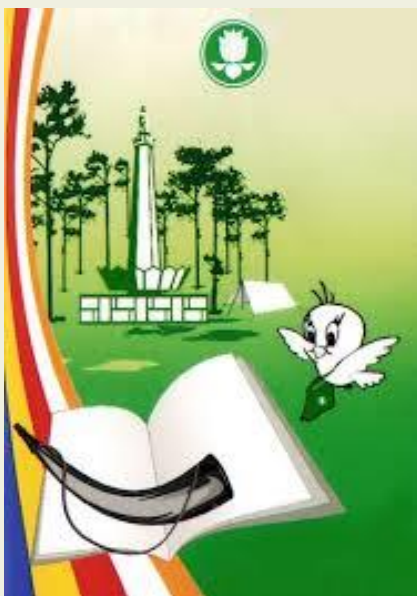
(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Lam Viên,
 Khi vua Tịnh Phạn khi nghe tin thái tử Tất Đạt Đa đã thành đạo, hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni bèn phái nhiều người, nhiều phái đoàn đi cung thỉnh đức Phật về hoàng cung để hoá độ cho hoàng gia. Những người sứ giả đi rồi không trở lại vì họ đến đó nghe Phật thuyết pháp họ thích đi tu hơn là trở về đời sống thế tục! Thế là Tăng đoàn của đức Phật ngày càng đông.

Đức Phật trở về Ca Tỳ La Vệ để thuyết pháp cho những người thân và như chúng ta đã biết, sau đó rất nhiều những hoàng thân quốc thích đều xin đi xuất gia theo Phật... Trong những người đó, có 2 trường hợp đáng kể nhất là trường hợp của Vua Tịnh Phạn và của hoàng tử Nan Đà.

Vua Tịnh Phạn thân hành ra ngoài thành đón đức Phật—người con yêu quý, bao nhiêu năm trời xa cách—và bị đức Phật “chỉnh phục” ngay sau bài pháp đầu tiên. Vua chứng quả Tu Đà Hoàn khi nghe đức Phật đọc bài kệ:

**Tinh tấn ngã đường vàng
 Như xe theo ngựa mạnh
 Chánh đạo luôn thực hành
 Chuyển pháp thừa vạn hạnh**
 (Kinh Pháp cú, kệ 168)



Và khi về đền hoàng cung, đức Phật nói thêm bài kệ nữa; Vua nghe xong liền chứng quả Tư Đà Hàm:

**Bước chân theo chánh đạo
 Thường rủ áo trần sa
 Như khuôn gỗ thơm quý
 Hoan hỷ nụ cười hoa**
 (KPC, kệ 169)

Đến ngày thứ ba, hoàng tử Nan Đà (em cùng cha với thái tử Tất Đạt Đa) muốn được xuất gia “thử” trước khi kết hôn; đức Phật biết tâm niệm của Nan Đà, đến trước nhà Nan Đà để khất thực. Nan Đà đi ra, đức Phật trao bình bát của mình cho Nan Đà; Nan Đà không biết làm sao, đành cầm bình bát đi theo đức Phật về đến tinh xá Trúc Lâm luôn và được đức Phật thu nhận làm tỳ kheo. Sống đời tu hành, Nan Đà lại nhớ những cảnh sống sung sướng ở hoàng cung với kẻ hầu người hạ, lại có cô vợ sắp cưới xinh như hoa đang chờ. Biết được tâm trạng của em, đức Phật dùng thần thông cho Nan Đà được thấy các cõi Trời với đám tiên nữ đẹp tuyệt trần còn hứa hẹn nếu tu tập tốt sẽ được sống với các cô ấy. Nan Đà cố gắng quên hẳn quá khứ, chuyên tu tập để được sống với tiên nữ. Bấy giờ các vị tỳ kheo khác bắt đầu chế nhạo thái độ tu hành của Nan Đà; họ nói với Nan Đà: Ông làm như vậy thì có khác gì người đi làm mướn để mong được trả công? Tu không phải như vậy! Nan Đà cảm thấy rất hổ thẹn nên quyết tâm thay đổi cách nhìn, cách sống của mình bằng cách đi vào một nơi thanh vắng tĩnh mịch, nỗ lực tu tập theo Chánh Pháp và cố gắng hành thiền. Chẳng bao lâu, tôn giả chứng đắc quả vị A la hán—không còn ham muốn những thú vui vật chất trên đời này nữa.

Các vị tỳ kheo khác còn nghi ngờ không biết tôn giả Nan Đà có thực lòng tu chưa, mới đến hỏi Phật. Đức Phật xác nhận Nan Đà hôm nay đã khác xưa rồi: xưa tánh tình phóng túng buông

lung, Nan Đà giống như một ngôi nhà vụng lợp để cho nước mưa giọt vào; hôm nay tính tình đã thuần, giới luật đã giữ gìn cẩn trọng nên Nan Đà đã trở thành một gian nhà khéo lợp, những tham vọng, khát ái không có thể nào chen vào được. Nói rồi đức Phật đọc 2 bài kệ:

**Mái cỏ lợp dày, thưa
 Nhà đột mây dòng mưa
 Không luôn sửa tâm ý
 Mê vọng dấy chẳng ngờ!**
 (KPC, số 13)

**Mái lợp đều rạ thơm
 Mưa nào qua một giọt
 Người luôn điều ngự Tâm
 Mê vọng nào thấm lọt**
 (KPC, số 14)

Thưa Anh Chị Em,
 “Mê” và “Giác” xa nhau như hai bờ đại dương mà cũng gần nhau trong gang tấc. Đức Phật dùng hình ảnh mái nhà bị đột thật là quá thâm thúy, đúng là đề tài cho ACE chúng ta suy gẫm. Cùng một việc làm nhưng với tâm niệm khác nhau, thì kết quả cách xa nhau ngàn dặm, như Nan Đà tu để được sở hữu các nàng Tiên và Nan Đà tu để xa rời tham ái chấp thủ là 2 tâm thái xác định 2 con người hoàn toàn khác nhau vậy.

Thân kính chúc Anh Chị Em tâm vững chí bền, luôn giữ chánh niệm, luôn chế ngự tâm, thanh lọc tâm ý, để xứng đáng là tấm gương sáng của đàn em chúng ta.

Nhân mùa Vu Lan—Mùa Báo hiếu của người con Phật, NAL xin tâm thành kính chúc ACE Áo Lam khắp nơi một mùa Vu Lan an lạc và giải thoát.

Kính mến dâng lời chúc mừng ngày Tự tứ của chư Tôn Đức Tăng Ni—quý vị đã tăng thêm hạ lạp. Kính mến chúc quý ngài một mùa Vu Lan hoan hỷ, đầy đủ sức khỏe để mãi mãi là những bóng cây che mát GDPT chúng con.

Trân trọng,
NAL



Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

NGÃ MẠN

Thưa Anh Chị Em Lam Viên bốn phương,
Trong ACE chúng ta có một số người mắc một chứng bệnh rất nặng mà không tự biết, đó là "bệnh... ngã mạn."

Ngã mạn là kiêu căng, ngạo mạn, tự cao, tự đại v.v... tự cho mình đúng nhất, hay nhất, không cần biết mình có được đa số quần chúng cho là phải hay không.

Không chỉ Phật pháp dạy chúng ta phải diệt trừ tánh xấu này mà trong nhân gian cũng không ai ưa những người kiêu ngạo, ngã mạn. Mặc dù những người kiêu ngạo, ngã mạn là những người có cái gì đó trên trung bình, hơn người ta một chút, ví dụ học giỏi, nhiều bằng cấp, kiếm được nhiều tiền, có sắc đẹp, có quyền thế v.v... và v.v... Họ có thể được nghe những lời tán dương, bợ đỡ, những tiếng vỗ tay của một "nhúm" nhỏ khán/thính giả, độc giả, bạn bè, đàn em v.v... nhưng nhất định không thể có được tình thương, sự yêu mến chân tình của mọi người chung quanh.

Người huynh trưởng GDPT mà mắc bệnh ngã mạn thì đã mất hết một nửa phẩm chất huynh trưởng của mình rồi.

Có một câu chuyện nhân gian nói về tánh kiêu mạn không chỉ bị ghét bỏ trong loài người mà cả loài vật (súc sanh) cũng muốn xa lánh, không ưa được những con chim/con thú ngã mạn.

Chuyện kể rằng, trong một khu rừng ở phương Đông, một bác chim Cú Mèo kia trú ngụ trên một cây to, gần tổ của con chim Cu Cườm. Trong khi Cu Cườm bé nhỏ được mọi người thương mến thì bác chim Cú Mèo bị mọi người xa lánh thấy rõ. Phiền não và chán đời quá, bác Cú Mèo "dọn nhà" qua phương Tây. Trước khi đi, bác ghé nhà Cu Cườm tạm sự: "Ta phải đi qua phương Tây thôi chú em à! Ở đây thiên hạ kỳ thị quá!" Cu Cườm nhỏ nhẹ nói: "Bác muốn dọn đi thì tùy bác thôi nhưng tôi nói cho bác biết để coi thứ có đúng không nha! Qua phương Tây người ta cũng không welcome bác đâu!" Cú Mèo tròn mắt hỏi lại: "Ua, tại sao chú em nói kỳ vậy?" Cu Cườm e dè nói: "Tại vì tiếng kêu của bác khó chịu quá, ai nghe cũng không ưa! Vì vậy, muốn được sống hòa hợp với mọi người, chính Bác phải thay đổi tiếng kêu chứ không phải là thay đổi chỗ ở." Cú Mèo vẫn không tin, cứ qua phương Tây. Quả thật, mới ở phương Tây được vài ngày, Cú Mèo phải "khăn gói lên đường" trở lại phương Đông!

Cũng vậy, chúng ta muốn được hòa hợp với đại chúng, với mọi người thì phải thay đổi thái độ của mình, thái độ mà đức Phật đã dạy, mọi người đều biết, đâu là "chánh" đâu là "tà" không phải to miệng, lớn tiếng, dùng từ thô lỗ cộc cằn, dùng những phương tiện hiện đại ở những quốc độ mà không ai biết đến mình để khoe tốt về mình, nói xấu người khác... (tâm ngã mạn biểu hiện dưới hình thức khác) thì nhất định cuối cùng cũng phải dọn về trú xứ với những người quen biết mình nhiều năm tháng...

Chỉ có thực hành Phật Pháp mới đem lại lợi ích và an lạc cho bản thân và cho cộng đồng mà thôi.

Bất cứ nơi nào chúng ta có mặt, Phật Pháp phải được hiện hữu trong đời sống hằng ngày, đó mới chính là nguồn an ủi và sự trợ giúp đặc lực nhất khi chúng ta gặp khó khăn, thất bại... Còn nếu ngược lại, sống bằng tâm ngã mạn, miệng nói Phật Pháp mà tâm đi ngược lời Phật dạy—vào Chùa thì tụng Kinh niệm Phật mà rời khỏi Chùa thì làm nhiều việc ác, v.v... như vậy thì dù ở đâu, phiền não và đau khổ nhất định sẽ theo sau!

Thân kính chúc anh chị em chúng ta luôn tinh thức để có thể thành tâm thực hành Phật Pháp, giữ gìn Luật GDPT và gắn bó với Nội Quy, Quy Chế của chúng ta; đó là phương pháp tốt nhất để đối trị Tâm ngã mạn.

Trân trọng,
BBT



TIÊN BIỆT MẸ

(Viết thay chị CTC, TD, QT, và TT.)

*Nhẹ nhàng thong thả Mẹ đi
Mây qua biển lớn tử ly vô thường
Mẹ đi trăm nhớ ngàn thương
Mồ coi hiu hắt tựa nương nơi nào?
Mẹ lung linh tựa ngàn sao...*

NGẬM NGÙI THƯƠNG MẸ

*Mẹ về cõi Phật tây phương
Chúng con coi cút trăm đường long đong
Mẹ từ bi cõi vô song
Chúng con tiếp nối cõi lòng Mẹ yêu!*

GÀN NHAU XA CÁCH

*Một hơi
một kiếp
đến đi
Trần gian thống khổ ruột rà sá chi
Ừ thôi mộng đẹp phân ly
Lệ châu sương sớm lâm li khóc cười.*

thơ

BẠCH XUÂN PHÊ

PHẬT GIÁO VÀO ĐẠI HỌC MỸ

Trần Khải



Photo courtesy of Cotton Productions

Tôn giáo và nhà trường trên nguyên tắc là tách rời nhau. Nơi đây, chỉ muốn nói về trường công. Cũng y hệt như các cơ quan công lập, như tòa án, hay cơ quan công quyền. Tôn giáo là sang chỗ khác.

Điều đó cũng dễ hiểu. Vì nếu cơ quan công quyền nào có chút gì thiên vị một tôn giáo nào, rồi các tôn giáo khác (cả chục tôn giáo khác)... không lẽ không được bình đẳng hay sao.

Do vậy, khi có một ngôi chùa Phật giáo trong khuôn viên một đại học công lập Hoa Kỳ... đó sẽ là chuyện lạ.

Bởi vì, đại học Mỹ là diễn đàn mở rộng, cởi mở với tất cả mọi tôn giáo.

Thí dụ, đại học CSU Long Beach đã từng đón Đức Đạt Lai Lạt Ma tới thuyết giảng cho cộng đồng Việt (và Mỹ và mọi sắc dân), và có người dịch sang tiếng Việt.

Thí dụ, cũng đại học CSU Long Beach đã từng là nơi tổ chức Đại Hội Giới Trẻ Công Giáo.

Vâng, đó là thuê hội trường đại học.

Nhưng đại học Mỹ cũng là nơi cởi mở tới mức làm nhiều người nhui mày, nhăn mặt.

Điển hình là, đại học công lập University of Michigan tại Dearborn đã mời một vị Giám mục tới đọc diễn văn năm 2011. Vị Giám mục Anh giáo (Episcopal Church of the U.S) này tên là Gene Robinson, và là người đồng tính công khai.

Nghĩa là, đại học công lập mời một tu sĩ thuyết trình, và vị này đồng tính công khai.

Nhưng đó là diễn văn, là thuyết trình, là hội thảo... rồi diễn giả sẽ rời trường, trả lại khuôn viên trường cho các cặp mắt kính dày cộm.

Còn, khi một đại học công lập cho ngôi chùa Phật giáo hiện diện, ngôi chùa này đâu có bước ra sau khi "thuyết pháp không lời" được.

Đại học University of Texas tại El Paso (UTEP) dự định làm lễ mừng 100 năm thành lập, và do vậy là phải làm đẹp, và một phần làm đẹp sẽ có hiện diện trong khuôn viên một ngôi chùa Phật giáo theo kiến trúc Bhutan.

Ngôi chùa được tặng cho UTEP bởi người dân Bhutan sau khi được xây xong để mừng Lễ Hội Đời Sống Dân Gian Smithsonian (the Smithsonian Folklife Festival) tổ chức ở thủ đô Washington D.C. năm 2008. Sau đó, ngôi chùa được chở về El Paso (Texas) và cất trong nhà kho đại học cho tới khi quyền tiền đủ để đưa ra đặt trong khuôn viên trường.

Kiến trúc kiểu Bhutan của ngôi chùa dĩ nhiên là tuyệt đẹp. Cũng không gọi là tuyên truyền giảng đạo được, vì tự thân ngôi chùa không đọc diễn văn nào cả.

Thế nhưng, bạn có thể nhớ rằng, trong khuôn viên tòa án Mỹ, những bia đá khắc 10 điều răn của Thiên Chúa Giáo đã bị gỡ đi. Và ngay ở một ngọn

đồi, nơi đất công San Diego, nơi cây thập tự Thiên Chúa Giáo dựng từ năm 1913 (cây thập tự hiện nay, dựng năm 1954; còn 2 cây thập tự trên cùng ngọn đồi đã bị gỡ, là dựng năm 1913 và 1934) khi gần trăm tuổi đột nhiên gãy tranh cãi, và vào tháng 12-2013, Chánh án Larry Burns ra phán lệnh rằng đó là đất công, nên phải gỡ cây thập tự, nhưng cho hoãn lệnh gỡ để chính quyền địa phương nộp đơn khiếu kiện. Tới bây giờ, 2014, đơn khiếu kiện chưa thấy, nên mọi người đã mặc nhiên tạm thời để yên đó, vì luật bảo gỡ nhưng giấy tờ hành chánh còn nằm trong học tủ.

Vấn đề là, đại học UTEP đặt ngôi chùa Bhutan ngay giữa quảng trường mới Centennial Plaza.

Thực ra, trường UTEP đã nhiều lần "cấp tiến" quá cỡ. Các lá cờ của dân tộc Bhutan dùng để cầu nguyện giảng viên trong bảo tàng viện nghệ thuật, một bàn thờ kiểu Bhutan để trong thư viện và vào tháng 11-2012, UTEP đón nghệ sĩ Losang Samten (và là cựu tu sĩ Phật giáo) tới làm việc 4 tuần lễ trong Bhutan Cybercafe đặt trong tòa nhà UTEP Union East để thực hiện một mandala bằng cát cho nghi lễ Kalachakra, một nghi lễ tôn giáo theo nghi thức Phật Giáo Tây Tạng.

Chứa hết, lúc đó nghệ sĩ Losang Samten còn hướng dẫn người tới xem về cách ngồi thiền.

Cũng là một vấn đề tranh cãi: hầu hết các đại học Mỹ hiện nay dạy phương pháp Thiền Chánh Niệm (Mindfulness Meditation), xem như đây là một khoa học thể dục. Nhưng đại học Mỹ hầu hết vẫn cấm các buổi tụ họp cầu nguyện tới Thiên Chúa, vì rui mây anh Hồi Giáo cũng cầu nguyện Đấng Allah là có thể gây thánh chiến trong sân trường. Còn ngồi thiền thì chỉ là hòa bình... vì không cầu nguyện gì hết.

Hồi năm 2011, khi trả lời phỏng vấn của KVIA.com, Phó Giám Đốc về Pháp Lý của UTEP là Ricardo Aduato nói, chuyện UTEP quan hệ với Bhutan chỉ là chuyện văn hóa, không phải chuyện tôn giáo.

Nghĩa là, ngôi chùa Bhutan ở sân đại học UTEP là chuyện văn hóa. Người ta có thể chất vấn tới California: cây thánh giá ở San Diego không có tính văn hóa, mà chỉ thuần về tôn giáo?

So sánh như thế cũng không thích nghi, vì ai cũng biết, các giáo sư đại học Mỹ rất là bướng, và họ nhìn thấy những gì mà người đời thường không thấy nổi.

Aduato cũng nói trong cuộc phỏng vấn đó, rằng: "Không ai mời gọi (sinh viên và nhân viên) làm cái gì khác hơn là nhìn ngắm kiến trúc [ngôi chùa]."

Câu chuyện này đang gây tranh cãi ở UTEP... Và lẫn ranh giữa văn hóa với tôn giáo rất là mong manh vậy.

CỘI GỐC SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN

Thích Quảng Bình

Thật ra người tu không phải ham tu là tu được, mà đòi hỏi phải thâm nhập Phật pháp cho sâu, sau đó ứng dụng tu mới đạt kết quả tốt. Nếu chỉ biết tu mà không hiểu Phật pháp, đó là một thiếu sót lớn, có thể dẫn đến nguy hại. Bởi người không hiểu Phật pháp dễ đi lệch lạc, rơi vào tà đạo lúc nào không hay. Vì vậy đối với Tăng Ni cũng như Phật tử, hiểu Phật pháp là mấu chốt trọng yếu trên đường tu.

Chúng ta tu ai cũng muốn giải thoát sanh tử, thế nên trước hết cần phải biết nguyên do nào chúng ta bị trầm luân trong sanh tử. Biết gốc trầm luân sanh tử rồi mới biết nhân giải thoát. Vì thế ở đây tôi nêu lên hai vấn đề gốc sanh tử và gốc giải thoát, để chúng ta biết cái nào hiểm nguy thì tránh, cái nào cao siêu lợi ích thì hành. Trong kinh Phật dạy đầy đủ tất cả đường lối tu trì, nhưng vì chúng ta không đủ duyên nên không nghe, không nhận được.

Trước tiên nói về có và không hay khen và chê, xin dẫn kinh Trường A-hàm.

Một hôm đức Phật trên đường về Tinh xá Trúc Lâm, có hai thầy trò ngoại đạo theo sau. Ông thầy tìm đủ cách chỉ trích chê bai đức Phật, ngược lại người trò dùng mọi lời lẽ tốt đẹp tán thán khen ngợi Như Lai. Vì thế chư Tỷ-kheo bực bội không vui, về tới Tinh xá các thầy liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tại sao đối với đức Phật mà ông thầy thì chê, người trò lại khen, như vậy ai đúng?

Đức Phật trả lời:

- Các người đừng nói ai đúng, nếu nghĩ khen là đúng, chê là đúng thì các người sẽ bị phiền não. Nếu nói khen đúng thì người được khen sinh tâm ngạo mạn. Nếu nói chê đúng thì người bị chê sẽ sanh ra bực bội. Như vậy đừng để khen chê làm cho tâm mình sanh phiền não.

Phật tử đối với việc khen và chê thế nào? Chúng ta được khen có vui không, bị chê có buồn không? Ta nên nhớ chắc gì người khen là thực khen, nhiều khi họ khen xã giao cho được lòng mình. Hoặc nhiều khi người ta ghét nên chê cho mình bực bội, như vậy chê cũng không đúng. Thành ra khen chê không có lẽ thật. Như vậy nghe khen vui, nghe chê buồn là mình sáng suốt hay không sáng suốt? Chắc chắn là không sáng suốt rồi.

Bây giờ làm sao người ta khen mình đừng vội

mừng, người ta chê mình đừng vội giận mà phải xét lại mình? Điều này hết sức nhỏ nhưng chúng ta phải cẩn thận đừng bị lừa. Phật nói có những điều người ta khen Thế Tôn nhưng cái khen đó chỉ là hình thức bề ngoài, không có gì quan trọng. Còn một điều quan trọng hơn, đáng để khen hơn của một vị Tỷ-kheo là khi mắt đối với sắc, tâm không dính, không nhiễm, biết rõ ràng mà không bị nó cột trói. Đây là điều đáng khen mà thế gian không biết, chỉ có những đệ tử chứng A-la-hán mới khen những điều đó.

Khi tai ta nghe tiếng, biết rõ ràng tiếng khen tiếng chê mà tâm không dính, không bị cột trói. Khi mũi ngửi mùi biết rõ thơm hôi nhưng cũng không dính mắc... cho đến lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp trần không dính không mắc một thứ nào hết mới đáng được khen ngợi, nhưng người đời lại không biết. Chỉ có những vị A-la-hán mới biết khen ngợi như thế thôi.

Người thế gian thường khen những hình thức giả tạm bên ngoài, còn cái thực là đối với sáu trần biết rõ ràng mà không dính không nhiễm thì không khen. Ví dụ quý Phật tử thấy chư Tăng Ni tu, người nào ra đường nghiêm trang tề chỉnh, đi ngó

dưới đất, không ngó qua ngó lại, hoặc thấy thầy cô nào ăn mặc rách rưới sơ sài... quý vị khen thầy cô đó tu rất nghiêm chỉnh đăm bạc. Còn những thầy cô được người đem biếu tặng vật gì đẹp mắt nhưng không ham, không nhận, quý vị làm sao biết mà khen? Như vậy chúng ta chỉ thấy hình thức bên ngoài, còn tâm niệm trong sáng không dính không mắc bên trong người đời ít ai thấy được.

Người tu hình thức tuy rất nghiêm trang nhưng nội tâm còn dính mắc thì vẫn không thể giải thoát như thường. Còn người tuy hình thức tầm thường nhưng mọi dính mắc đều không cột trói được, người đó tự nhiên được giải thoát. Cho nên chúng ta phải biết rõ trọng tâm khen chê không phải ở hình thức mà ở tâm niệm của mỗi người. Ai đã thoát được, đã tháo gỡ được những cột trói của dục lạc thế gian, đó là người đáng khen. Còn hình thức bên ngoài nghiêm trang nhưng đựng đầu dính đó thì chưa đáng khen.

Bây giờ tôi dẫn trong kinh Tạp A-hàm, có một bài kinh kể lại câu chuyện thế này. Hồi Phật còn tại thế, ngài Phú-lâu-na đến bạch Phật rằng:



- Bạch Thế Tôn, con muốn tìm nơi vắng vẻ chuyên tu cho chóng được Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn vì con giảng nói chỗ tâm yếu, để con chóng vào Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

- Muốn đạt được chỗ tâm yếu đó không gì hơn là mắt thấy sắc đừng bị sắc trói cột, đừng dính với sắc. Tai nghe tiếng đừng để tiếng lôi cuốn, đừng dính nhiễm với tiếng. Mũi ngửi mùi đừng bị mùi cột trói, đừng dính mắc với mùi. Lưỡi nếm đừng bị vị trói buộc, đừng dính mắc với vị. Thân xúc chạm dù cho êm ái nhẹ nhàng vui thích hay thô nhám khó chịu cũng không bị dính cột trói, đừng dính mắc với xúc. Ý duyên với pháp trần không bị pháp trần lôi dẫn, không dính mắc với pháp trần. Nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không dính mắc với sáu trần, đó là nhân đến Niết-bàn.

Nghe Phật dạy như vậy rồi, ngài Phú-lâu-na đành lễ từ giả Thế Tôn, xin tìm một chỗ vắng vẻ tu. Đức Phật hỏi Ngài định đi đâu, Ngài thưa định sang một nước ở phương Tây để tu. Đức Phật nói:

- Ta nghe dân xứ ấy hung dữ lắm, ông qua đó họ làm khó, làm sao tu được?

Ngài Phú-lâu-na bạch:

- Bạch Thế Tôn, nếu người ta khó dễ với con, con vẫn can đảm tinh tấn tu.

Phật hỏi:

- Giả sử như họ chửi mắng ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ chửi mắng con là vẫn còn hiền vì chưa đánh đập con.

- Giả sử họ dùng tay chân đánh ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng tay chân đánh con là vẫn còn hiền vì chưa dùng dao gậy đánh con.

- Giả sử họ dùng tới dao gậy đánh ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng dao gậy đánh con là vẫn còn hiền vì chưa giết con.

- Giả sử họ giết ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ giết con thì càng tốt vì họ giải quyết sớm dứt con thân ô uế này. Con cảm ơn họ nhiều hơn.

Bấy giờ Phật bảo:

- Nếu ông được như vậy thì nên qua đó tu.

Ngài Phú-lâu-na với pháp Phật dạy và ý chí sắt đá đã qua xứ ấy tu, chỉ ba tháng thôi liền chứng quả A-la-hán.

Chúng ta thấy muốn được quả A-la-hán dễ hay khó? Tu ba tháng mà chứng A-la-hán thì quá dễ phải không? Nhưng muốn như vậy, phải làm được hai việc. Thứ nhất bị người ta đánh đập chửi mắng, nhẫn đến giết mình cũng không giận. Chưa được như vậy e khó vào Niết-bàn. Vì còn giận là còn phiền não, còn phiền não làm sao được Niết-bàn? Nên điều thứ nhất là trước mọi thử thách như chửi mắng, đánh đập cho tới bị giết mình cũng không buồn không giận, tâm không thối chuyển mới có thể vào Niết-bàn một cách mau chóng. Thứ hai là mắt, tai, mũi, lưỡi đối với sáu trần không dính không mắc.

Chúng ta còn dính mắc nhiều quá, thấy cái gì đẹp trở mắt nhìn hoài không chán. Nghe ai nói gì đụng chạm tới mình thì quau lên liền, không tha được. Như vậy mắt thấy sắc dính sắc, tai nghe tiếng dính tiếng, mũi ngửi mùi dính mùi, lưỡi nếm vị dính vị... dính đủ hết. Bởi dính nên tu không đến được Niết-bàn, nếu đừng dính thì được Niết-bàn dễ chớ đâu có khó. Ta thử nghĩ đối trước tất cả hoàn cảnh khó khăn, bị đánh đập hay chèn ép mà mình không



phiền không giận, như vậy tâm an lành biết mấy, sự tu có gì phiền não đâu.

Sở dĩ chúng ta hay phiền não là tại sao? Vì bị chê một chút liền nổi giận, giận hai ba ngày chớ không phải giận một buổi. Giận hai ba ngày tức là hai ba ngày hết tu. Đó là duyên nghịch. Còn gặp duyên thuận như thấy người đẹp vật đẹp tâm sanh ưa thích, hưởng theo đó mãi cũng hết tu. Vì thế cả ngày tâm cứ chạy theo những trần cảnh bên ngoài, không chút yên ổn. Tối giờ tụng kinh niệm Phật cũng không yên. Tay cầm quyển kinh miệng đọc mà lắt nhớt chuyện này chuyện nọ, chớ không chịu nhớ kinh. Đó là thói quen luôn đuổi theo và dính mắc với sáu trần của chúng ta, vì vậy bị trói buộc mãi không có ngày thoát ra.

Qua hai câu chuyện trên, chúng ta thấy thật ra đạo không xa, nhưng vì mình đắm nhiễm quá thành ra cách xa. Giả sử bây giờ có ai mắng chửi mình, ta vẫn lặng thinh không buồn không giận, đó là dở hay là hay? Chắc không phải dở rồi. Ngược lại, nếu người ta chửi mình một, mình chửi lại hai ba thì hay hay dở? Mới nhìn thấy như hơn, nhưng hơn cái hung dữ của thế gian, còn thua về mặt đạo đức. Vì đứng trên đạo đức càng tranh hơn tranh thua thì càng mất đạo đức. Đã là người tu chúng ta phải chú trọng đạo đức sao cho mỗi ngày mỗi tăng tiến hơn, tập khí thế gian mỗi ngày mỗi giảm bớt đi. Như vậy mới xứng gọi là Phật tử chứ.

Chúng sanh luôn bị ba thứ độc tham sân si sai sử. Nghe người ta nói câu gì trái tai thì chú độc sân nổi lên, thức mình phải ăn thua với người ta. Ta làm dữ với thiên hạ, thắng được thiên hạ tức là đã thua và đầu hàng chú sân rồi. Ngược lại khi nghe một câu nói trái tai, chú sân vừa muốn thúc mình làm dữ, ta liền dẹp chú, không nghe chú, bắt chú nép phục mình, đó là ta đã thắng được chú độc sân rồi. Phật dạy người tu là người tự thắng mình. Thắng một vạn quân không bằng thắng mình, thắng mình là chiến công oanh liệt nhất.

Phật tử vào chùa thường thấy tấm biển to ghi bốn chữ "Đại hùng bảo điện", đó là lời tán thán đức Phật là đấng đại hùng đại lực. Ngài đại hùng chỗ nào, đại lực chỗ nào? Đại hùng vì Ngài thắng được Ngài, đại lực vì Ngài thắng được tất cả ma quân. Còn chúng ta bây giờ hùng với người ngoài mà thua với chính mình nên không thể gọi là đại hùng đại lực. Người tu phải tự chiến thắng được mình, mới thật là đại hùng đại lực, mới có thể thành tựu Phật quả.

Vì thế nhà Phật dạy chúng ta tu là phải nhìn cho kỹ, thấy cho rõ mình như thế nào đối với sáu



trần, có dính có nhiễm không? Nếu dính nhiễm thì phải gỡ bỏ. Chừng nào không còn dính, không còn nhiễm nữa mới thật là người biết đi trên con đường giải thoát.

Trở lại vấn đề cái gì là gốc dẫn chúng ta đi trong trầm luân sanh tử và cái gì là gốc dẫn chúng ta tới Niết-bàn giải thoát? Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ về việc này. Một hôm ngài A-nan bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, cái gì là cội gốc của sanh tử, cái gì là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn?". Ngay lúc đó đức Phật không trả lời. Lát sau bỗng đứng nghe trên hư không mười phương chư Phật đều đồng thanh trả lời rằng: "Này A-nan, cội gốc của sanh tử là sáu căn của ông, cội gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông".

Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đó là cội gốc của trầm luân sanh tử và cũng là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn. Tại sao? Chúng ta sử dụng sáu căn thế nào để được thoát ly sanh tử, hoặc chìm trong trầm luân sanh tử. Như tôi đã kể, mắt đuổi theo sắc dính với sắc nên bị nó dẫn dắt, lôi kéo. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị cũng như thế. Ví dụ lưỡi nếm những thức ăn ngon ta thấy thích, thức ăn không ngon ta thấy bực. Do đó thay vì ăn để sống, chúng ta lại ăn để phiền não. Bởi đâu có bữa cơm nào cũng vừa với lưỡi hết. Nếu vừa ý thích thì ta thèm ăn thêm tức là tham. Nếu không vừa ý thích ta bực dọc tức là sân, đó là phiền não. Mà phiền não là cội gốc dẫn đi trong trầm luân sanh tử.

Nếu xét kỹ trọng tâm ngon dở ở tại chỗ nào? Tại bao tử. Bao tử trống thiếu thì đem vô cái gì cũng ngon hết, còn bao tử đầy thì của quý cũng thành không ngon. Như vậy cái ngon dở đâu có giá trị thật, nhưng vì ta quên chỉ nhớ sự đòi hỏi của cái lưỡi thôi, thành ra chạy theo nó mãi. Lỗ mũi, con mắt, lỗ tai... cũng như vậy. Rồi thỏa mãn thân nữa, cả đời làm không dư xu nào hết cũng vì những sự đòi hỏi này. Nhiều người than khổ quá, đi làm hoài không được nghỉ. Ai dày dạn mình mà khổ như vậy? Có phải mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nó hành không?

Thế nên người biết tu sống vừa phải, đừng lệ thuộc vào những thứ ấy tự nhiên được an nhàn. Ăn để mà sống thì ăn cái gì cũng được, miễn no bụng thôi. Mặc để che thân thì mặc gì cũng được, miễn lạnh lặn là tốt rồi. Thân này dù xấu đẹp gì vài mươi năm cũng phải chết, như vậy chẳng lẽ ta thỏa mãn để rồi chết sao? Muốn mà không được thì đau khổ, chứ có lợi ích chi. Thân này không thật, hạnh phúc cũng không thật, chúng ta làm mê tưởng là thật nên phải chịu trôi lăn trong trầm luân sanh tử mãi.

Đối với người biết tu thì sáu căn đối với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không dính không nhiễm, đó là cội gốc Bồ-đề Niết-bàn. Sắc là

hình sắc đẹp xấu, thanh là những âm thanh hay dở, hương là mùi thơm hôi, vị là những vị ngon dở, xúc là những cảm giác xúc chạm của cơ thể, pháp là những bóng dáng trong nội tâm hiện ra. Khi sáu căn đối với sáu trần có dính có nhiễm thì đi trong sanh tử. Khi sáu căn đối với sáu trần không dính không nhiễm là Bồ-đề Niết-bàn.

Ví như có người thích uống rượu. Ban đầu uống một cốc chơi, lần lần uống hai cốc ba cốc, thời gian năm tháng bảy tháng sanh ghiền. Hồi đầu uống chơi nên còn tự do, muốn uống thì uống, không muốn thì thôi. Nhưng khi ghiền rồi, không có rượu phải chạy ra quán mua rượu về uống. Cái gì dẫn họ chạy? Cái ghiền rượu. Mà ghiền là tập nhiều lần thành thói quen nên ghiền. Đã ghiền thì phải lệ thuộc vào nó, do đó bị nó dẫn đi, mất hết tự do. Chính mình tạo rồi mình mất tự do, nếu không tạo thì đâu có mất.

Tự do tức là nhân của giải thoát, còn bị các trần dẫn đi là gốc của trầm luân, chớ có gì lạ đâu. Chúng ta tự kiểm lại mình xem ta đang chuẩn bị đi lên hay bị lôi xuống. Bị lôi xuống là khổ, còn giải thoát đi lên thì an nhàn. Nếu bị những sở thích lôi kéo, không làm chủ được là biết mình bị lôi xuống. Nếu những gì thế gian thích mà mình vẫn không bị dính không bị mắc, đó là đi lên. Cho nên sự tu của mình không phải đi hỏi người này người kia. Tôi thường bị nhiều Phật tử hỏi: "Thưa Thầy, Thầy xem giùm con có căn tu không?" Tôi trả lời: "Ai cũng có căn tu hết, chỉ muốn tu hoặc không muốn tu thôi." Tại sao ai cũng có căn tu? Bởi Phật nói ai cũng có tánh Phật, tức là có căn tu. Người chịu tu thì tu được, người không chịu tu thì tu không được, chớ đừng hỏi có hay không có.

Quý Phật tử thử xét trong tâm mình có bao giờ hoàn toàn nghĩ xấu hay hoàn toàn nghĩ tốt không? Có khi nghĩ tốt, có khi nghĩ xấu. Như vậy nơi tâm chúng ta có đủ thiện ác. Bây giờ tu là làm sao? Bỏ ác, giữ thiện, chỉ vậy thôi. Có thiện sẵn là có căn rồi, còn hỏi ai chi nữa? Cho nên chúng ta tu là loại trừ điều dữ, nuôi dưỡng điều lành cho tăng trưởng. Như vậy ai cũng có căn hết. Có lắm vị đi coi ngày coi tháng coi tuổi thử xem mình tu được hay không? Nhiều vị xuất gia hay vào chùa cũng phải lựa ngày lành tháng tốt mới đi, tôi cho như vậy là quá kỹ. Với tôi ngày nào đi tu cũng là ngày tốt, còn ngày nào đi ăn trộm cũng là ngày xấu hết.

Như vậy ai cũng có đủ sáu căn tức là có đủ cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn và cội gốc của trầm luân sanh tử. Chỉ đừng để sáu căn nhiễm dính với sáu trần là giải thoát, ngược lại là trầm luân, chớ không gì lạ. Chúng ta xét thật kỹ mới thấy sự tu của mình không phải ở trên mây xanh, mà nó ngay nơi con người chân thật của chính mình. Bây giờ có người nào không ăn chay, không tụng kinh nhưng thấy sắc đẹp không tham, nghe tiếng hay không nhiễm, khen không mừng, chê không giận là người đó có tu. Còn người ăn chay tụng kinh nhưng thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi... cái gì cũng dính cũng nhiễm là chưa biết tu. Nên tu là khéo gỡ đừng cột đừng dính mắc.

Người tu là người gỡ bớt sự dính nhiễm của sáu căn, người không biết tu chẳng những không gỡ mà còn tập thêm, đã nhiễm càng nhiễm thêm. Vì vậy khổ hoại từ đời này sang đời khác. Đó là tôi giải thích rõ vì sao sáu căn là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn, sáu căn cũng là gốc của trầm luân sanh tử.

Trong kinh Kim Cang, ngài Tu-bồ-đề xin Phật dạy làm thế nào hàng phục tâm và an trụ tâm để tiến lên quả vị Bồ-đề? Ở đây, tôi chỉ nói phần an trụ.

Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, nghĩa là không nên dính mắc nơi sắc sanh tâm Bồ-đề, không nên dính mắc nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm Bồ-đề, nên không dính mắc mà sanh tâm Bồ-đề. Nghe câu này Lục Tổ Huệ Năng đại ngộ, còn chúng ta không ngộ gì hết. Tại sao? Vì muốn tâm an trụ để được giác ngộ thì đối với sáu trần tâm đừng dính mắc. Chúng ta còn dính mắc nên tâm không an, không an làm sao giác ngộ giải thoát được.



Ví dụ tay tôi nắm cái ly thì dính mắc ở cái ly nên không thể nắm được cái khác. Vì vậy còn bám vào một vật gì là mắc kẹt vào vật đó. Nếu trên bàn có năm ba thứ nhưng tay tôi không nắm thứ nào hết nên rành rang không dính mắc. Nhờ không dính hẳn vào một vật nên tôi có thể cầm vật nào cũng được. Không bám nên không dính mắc, đó là vô sở trụ. Chỗ không dính mắc ấy là tâm Bồ-đề.

Tôi thường ví dụ như người vác cục đá to leo núi, việc này rất khó. Vì đá nặng mà trèo dốc cao nữa nên rất khó đi. Bây giờ có người khuyên kẻ đó bỏ cục đá xuống, như vậy khó hay dễ? Bỏ xuống khòe ru phải không? Cũng thế, chúng ta đang dính đang nhiễm, Phật bảo mình buông đi, đừng dính nhiễm nữa, như vậy dễ hay khó? Thế mà chúng ta lại than khó! Tại sao buông xuống nhẹ mà lại khó? Nghe khen, nghe chê buông bỏ hết cho khòe, dễ quá, tại sao mình không chịu buông? Thật lạ lùng.

Ví dụ như người ghiền rượu, mỗi ngày phải tốn tiền đi quán bao nhiêu lần, khổ hay sướng? Khổ. Bây giờ biểu bỏ rượu đi, đừng uống nữa khỏi tốn tiền, hết khổ nhưng họ nói bỏ rượu khó quá. Tại sao khó? Tại vì đeo mang quen rồi, buông ra thấy khó. Nếu chúng ta can đảm buông một cái thì dễ thôi, lỗi là tại mình không gan. Bởi vậy người tu đòi hỏi phải có ý chí, phải gan dạ.

Tất cả các nghiệp thiện cũng như nghiệp ác đều do chính mình là chủ nhân tạo nên. Ta đã tạo cho mình khổ thì cũng chính ta làm cho mình hết khổ, chớ đâu có ai thế được. Gan một chút bỏ hết đi thì hết khổ; không chịu gan rồi cứ kêu khổ hoài. Rõ ràng ta không đủ can đảm làm những việc lợi ích cho bản thân mình, thì mong gì giúp ích cho ai? Vì thế không nói tu từ đâu, mà chính nơi sáu căn của mình biết gỡ bỏ, tự nhiên chúng ta yên lành tự tại.

Sở dĩ ta niệm Phật, tụng kinh, tọa thiền mà tâm vẫn bất an là tại vì nhớ sắc, nhớ thanh. Như buổi chiều có ai nói một câu nặng, mình trả lời chưa vừa ý; lát sau ngồi thiền hay niệm Phật không yên. Cứ tìm câu đối đáp cho xứng với câu nói hồi chiều. Rõ ràng tâm mình không an là tại vì dính sắc trần, thanh trần bên ngoài. Bây giờ đến giờ tu thì gác qua một bên, không nhớ nghĩ chi hết, tự nhiên tâm an. Cho nên Phật dạy chỉ tâm không dính mắc với sáu trần là an trụ. An trụ được tâm đó mới tiến tới Bồ-đề, giải thoát.

Phật tử cứ sợ không biết sau khi chết mình đi đâu nên tìm hết thầy này đến thầy khác để hỏi. Sao

không tự hỏi mình? Bình thường thương người này giận người kia, trong tâm hiện lên hình ảnh những kẻ ấy hoài thì khi chết sẽ bị chúng dẫn đi thôi. Nếu tâm còn oán thù hờn giận thì oán thù hờn giận sẽ dẫn mình đi gặp nhau để trả thù. Chúng ta có mâu thuẫn mà không biết. Mình ghét ai không muốn gặp thì lẽ ra buông luôn đừng nhớ người đó, đừng này không muốn gặp mà cứ nhớ hoài. Nhớ gương mặt sao dễ ghét, giọng nói cũng khó

ưa... ôm ấp trong lòng hoài. Như vậy khi gần nhắm mắt những hình ảnh đó sống trở lại khiến cho gặp nhau ở đời sau nữa. Đó là mâu thuẫn.

Chúng ta tu mà chất chứa buồn phiền thù hận hoài thì khi nhắm mắt sẽ bất an. Đó là đi theo đường khổ. Cho nên chỉ cần nhìn lại lòng mình trong hiện tại là biết chết sẽ về đâu, gặp ai, khỏi cần hỏi thầy cô nào hết. Chúng ta biết tu rồi gỡ bỏ bớt, đừng thêm giận nhau chi. Buồn giận nhiều có đi tới đâu? Phút cuối cùng ai rồi cũng phải chết, mang giận hờn theo chi cho khổ. Vì vậy Phật dạy người tu phải xả, vui vẻ bỏ hết để được an vui khi sống cũng như lúc chết. Nên nhớ ngày mai chúng ta tiến lên hay lùi xuống đều tùy tâm niệm trong hiện tại.

Nhiều người nói quý thầy tu xả được, chớ chúng tôi đâu có xả nổi. Trong sách nhà Phật có nói câu này: “Tăng hận bất cách túc”, nghĩa là tăng giận không được quá một đêm. Phật thông cảm cho quý thầy còn phạm tăng cũng giận, nhưng không quá một đêm. Vậy quý Phật tử giận chừng bao lâu? Năm mười năm chưa quên. Đối với người tu đạo lực còn yếu, gặp cảnh trái nghịch cũng bực bội, nhưng một chút thôi rồi bỏ đi, không được ôm ấp lâu. Người không biết tu khi gặp cảnh trái nghịch giận hoài không quên.

Như vậy chỉ cần nhìn lại mình, ta biết sự tu tiến nhiều ít. Hồi chưa biết tu ai làm gì trái ý, mình giận mười năm. Bây giờ biết tu, ai làm trái ý, mình giận chừng ba năm là đã có tiến bộ. Đến khi khá hơn chút nữa, ai làm gì trái ý, mình giận chừng ba bốn ngày thôi. Bao giờ giận chỉ một đêm thôi là làm tăng được rồi đó. Cuối cùng gặp thuận nghịch chi mình cũng cười, không giận ai hết, đó là chúng ta bắt đầu tiến lên bước giải thoát.

Lục Tổ Huệ Năng khi nghe câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,” chẳng những Ngài không dính mắc sáu trần mà còn thấy ngay nơi thân này có tâm thể thanh tịnh, nên Ngài liền thốt lên: Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, đâu ngờ tâm mình vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tâm mình trùm khắp tất cả v.v... Chúng ta do ý niệm dấy động chạy theo sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên dính mắc sáu trần. Thế mà ta lại còn cho ý niệm đó là tâm mình nữa. Tâm tôi nhớ hình sắc, tâm tôi nhớ âm thanh v.v... Cứ thế liên miên hết niệm này khởi tới niệm kia đuổi theo bóng dáng sáu trần nên bất an. Nhưng hỏi lại tâm đó có thật không? Nhớ cái này nhớ cái nọ, lát sau mất hết, như vậy nó đâu có thật. Bây giờ nếu chúng ta dừng lại, không đuổi theo sáu trần nữa thì được an ngay.

Khi nhận tâm niệm dính với sáu trần là tâm

mình, ta thấy tâm ấy sanh diệt liên tục. Còn nếu những tâm niệm đó lắng xuống hết, không còn dính bóng dáng nào nữa, lúc đó tâm mình ra sao? Thế thành trùm trấp, nên không sanh diệt từng chấp từng chấp như trước. Hiểu thấu và ứng dụng được như thế là ta giải thoát rồi. Học kinh nhiều mà không ứng dụng được thì có lợi ích gì? Chúng ta học kinh Phật để tu, chứ không phải để tụng cho Phật nghe. Mình không chịu ứng dụng tu, cứ tối tụng lại cho Phật nghe, thử hỏi có phụ lòng Phật không? Ví như cô giáo dạy học trò khi ra đường gặp các cụ già phải giở nón chào, chấp tay cúi đầu, thưa dạ đàng hoàng. Con bé đó thuộc lòng lời dạy trên, nhưng khi ra đường gặp các cụ nó không thêm giở nón chào, không chấp tay cúi đầu. Tới lúc vô trường nó lại đọc thuộc lòng cho cô giáo nghe. Thử hỏi nếu cô giáo biết được chuyện này có khen không?

Chúng ta cũng vậy, như trong kinh Bát-nhã Phật dạy "Quán tự tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách". Nghĩa là Bồ-tát Quán tự tại khi thực hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, Ngài soi thấy năm uẩn không thật liên qua tất cả khổ nạn. Quý thầy cô của mình cứ đọc thuộc lòng cho Phật nghe như thế mà không chịu hành thâm, nên rồi khổ nạn tới liền miên phải không. Phật biết chắc Ngài cũng buồn lắm. Bởi Phật dạy là muốn chúng ta thực hành để hết khổ, chứ không phải đem lời Phật dạy ra đọc hoài mà không chịu tu. Cho nên người học đạo thực hành một câu Phật dạy quý bằng hòn ngọc vô giá ở thế gian. Vì vậy tôi thường nhắc nhở chư Tăng Ni cũng như quý Phật tử, chúng ta đọc kinh nhưng phải ứng dụng tu, chứ không nên đọc suông.

Chúng ta tu phải ráng làm sao đừng để dính với sáu trần là được giải thoát, ngược lại cứ dính mắc sáu trần hoài thì trầm luân không có ngày ra khỏi. Như vậy sáu căn là nhân giải thoát nếu chúng ta không dính với sáu trần, hoặc sáu căn là nhân trầm luân sanh tử nếu dính với sáu trần. Nên biết tu ngay nơi sáu căn, chớ không ở đâu khác. Quyền định đoạt được giải thoát hay trầm luân là của chúng ta. Chính mình can đảm, chủ động để được giải thoát, cũng chính mình chủ động để trầm luân trong sanh tử, không thể trách móc kêu than ai hết. Như vậy đạo Phật tôn trọng quyền tự do tuyệt đối, không ai bắt ta trầm luân, cũng không ai nâng ta lên giải thoát. Hiểu như thế rồi, chúng ta không được quyền đổ thừa tại trời hay tại ai làm cho mình khổ, mà phải biết rõ là tại mình.

Đó là ý nghĩa thâm trầm và sâu xa của đạo Phật về cội gốc sanh tử và cội gốc Niết-bàn. Mong tất cả nghe hiểu và ứng dụng tu đạt được kết quả viên mãn.

Thích Quảng Bình





THÔNG BÁO:

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ V (2015)

SẼ ĐƯỢC TỔ CHỨC tại TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL

500 HOTEL CIRCLE NORTH, SAN DIEGO, CA 92108

TỪ NGÀY 06 ĐẾN 10 THÁNG 8 NĂM 2015



Đừng bao giờ em hỏi

TOẠI KHANH



Một ngày, có đám khách xa lữ tàu ngẫu nhiên lạc bước đến thảo am lão thiền sư, một người đã lâu quên mất chuyện thù tạc với đời. Thấy ông có vẻ kiêu lời nhưng không đến nỗi người trệ khẩu, đám khách giết thời gian bằng mấy câu vấn đạo.

Khi được hỏi vì sao hiền thánh xưa giờ có vẻ không tha thiết chuyện sử dụng thần thông phép màu như nường mây cưỡi gió về hưởng nhàn ở những chốn bồng lai tiên cảnh trên núi tuyết hay biển xa, mà cứ một đời ẩn cư những thâm xứ quạnh hiu xa vắng, lão thiền sư nheo mắt nhìn người hỏi:

- Chính thiên nhân và huệ nhân đã khiến thánh nhân như vậy đây. Ngồi yên mà thấy hết mọi sự, và biết có đến tận nơi thì cũng không thấy thêm được cái gì ngoài những bóng nắng ảo hóa, thế bao nhiêu phép màu gì đó có còn là chuyện hứng thú nữa không?

Một cư sĩ tóc trắng về người tân học nói mấy câu tỏ ý nghi ngờ chuyện thánh nhân không thích gì. Ông nói sống ở đời không thích ghét gì hết thì như cây không có nhựa sống. Lão thiền sư cứ có dịp thì lại cười hề hề:

- Ngay đến kẻ phàm phu chi cần biết vài chuyện ruồi bu cũng đủ khiến người ta hết thích này nọ, cần gì phải thánh mà ông tin với không tin.

Chẳng hạn biết chắc lúc nào mình sẽ chết, những chuyện buồn vui gì sẽ xảy đến ngày sau, hay thiên hạ đang nghĩ gì về mình... Người biết được chừng đó thôi thì có cho làm ngọc hoàng cũng không vui nổi, nói gì là thích. Ông nói rất đúng, thánh nhân giống hết cội cây không còn nhựa sống, phải vậy các ngài mới có thể viên tịch Niết bàn. Nhưng nói vậy không có nghĩa là thánh nhân sống hắt hiu căn cõi như một kẻ muốn tự tử. Không còn ham thích gì nhưng các ngài cũng chẳng bất mãn thứ chi. Mọi sự tùy duyên,

không hy cầu cũng không trốn chạy, thánh nhân sống bằng niềm thanh thân của một người làm xong việc nằm chờ giấc ngủ đến. Đơn giản vậy thôi.

Một người khách nãy giờ ngồi im lặng một góc bồng hăng giọng hỏi một câu thiết khó nghe:

- Tui bây giờ vẫn còn tin Phật, nhưng chỉ muốn quy y Nhị Bảo, không kể Tăng Bảo được không? Tăng ni thời này bó tay luôn!

Lão thiền sư cười to như không thể dẫn lại:

- Có cười đâu mà đòi ly dị. Tăng bảo trong Tam bảo chính là Pháp bảo được thể hiện qua con người. Người không có Pháp bảo thì sao gọi là Tăng Bảo. Đối tượng mà ông bắt mắt vốn không có trong Tam Bảo.

Một người khách ngồi cạnh nghe vậy hỏi thêm:

- Xin hỏi nếu không nhìn mặt những tăng ni đó thì ai sẽ dạy đạo cho chúng con?

Lão thiền sư khoát tay:

- Nếu họ bê bối mà có cái để dạy ông thì chỉ nên nghe họ mà đừng nhìn họ. Nếu họ trong sạch mà dốt nát thì ta nên nhìn họ mà không cần nghe. Nếu tăng ni không có gì để ta nghe hay nhìn thì ông mất thời gian làm gì với thứ lỗ thầy lỗ thợ đó. Vả chăng, Phật Pháp là di sản của Phật để lại cho người cầu đạo, không dành riêng cho tăng ni nào hết. Minh bại liệt hay sao mà đến gia tài của bố để lại cũng phải nhờ người khác làm trung gian ban bố.

Cái mà tăng ni thời này có hơn cư sĩ chỉ là thời gian rảnh rãnh, họ có điều kiện tham cứu hơn. Nếu cư sĩ biết dành thời gian tự học nhiều hơn thì tăng ni chỉ là địa chỉ tham khảo!

Câu chuyện mỗi lúc một sâu và xa hơn, một cậu cư sĩ trẻ tuổi nhìn thiền sư rồi hỏi:

- Xin hỏi người đi chùa ngày một đông và chùa chiền ngày một trống lẹ sao có người lại bảo

thời này là đời mạt pháp?

Lão thiền sư bật cười:

- Tinh thần chánh pháp không thể tính trên số người đi chùa hay số đo chiều cao, chiều rộng của chùa tháp. Hãy chọn bữa một vài người trong biển người đi chùa rồi hỏi họ lý do đến chùa, hay hỏi tăng ni tiết mục nào quan trọng nhất trong các buổi lễ đông đảo, lúc đó ông sẽ thấy chánh pháp chỉ là một khái niệm xa xỉ và viễn tưởng.

Thử hỏi ai là người phải chịu trách nhiệm cho sự tình này? Câu trả lời có lẽ phải là cả hai phía tăng ni và cư sĩ. Nói rất ráo thì tăng hay tục đều là khách trầm luân như nhau, cư sĩ có lòng cầu giải thoát thì không thể tự cho mình cái quyền để người trong cái gọi là đạo nghiệp tu hành. Mai kia trên giường chết mọi người đều phải một bóng lên đường vào cuộc đi mù mịt của kiếp tử sinh. Nhưng hiếm người cư sĩ thấy ra lẽ này. Vì sao lại thế chứ?

Bởi từ lâu ngày họ đã được hưởng dẫn kín đáo rằng cứ có nhiều tiền thì có thể nhờ người khác hộ niệm, khỏi phải tu học gì hết. Trường hợp thứ ba còn thậm hơn: Cúng dường mạnh tay để quảng cáo bản thân, tính ra rẻ tiền mà hiệu quả hơn việc lên báo, lên đài. Đại khái đời mạt pháp là thời điểm mà hầu hết tăng ni và cư sĩ đều thích mở nhà hàng nhưng thức ăn toàn là đồ hộp, chỉ việc khai ra hâm nóng rồi đặt lên bàn cho khách. Đó không là mạt pháp thì còn chờ lúc nào nữa.

Khách lại hỏi thêm:

- Dám hỏi thiền sư một vài dấu hiệu đặc trưng của đời mạt pháp để chúng con biết mà thêm tinh tấn?

Thiền sư nhắm mắt một lát rồi nhìn xuống trả lời:

- Đại khái tăng ni không muốn giỏi nhưng thích được khen giỏi, khoái sống như phàm nhưng lại muốn được xem là thánh, coi chùa quan trọng hơn Phật. Về phía cư sĩ, hiếm người đến với tăng ni để học đạo giải thoát.

Thường người đến chùa chỉ nằm trong vài ba trường hợp: Do hoàn cảnh mà quên biết tăng ni rồi lui tới như bè bạn, lâu ngày tự nhiên có được nhãn hiệu Phật tử, hoặc xem tăng ni như trung gian giúp họ liên lạc với một cõi trên nào đó để van xin khẩn khứa.

Những hướng dẫn sơ sài thiếu trách nhiệm của tăng ni không đáng cho cư sĩ cúng tụng tận tụy để hồi đáp. Một người bệnh không có lý do gì phải một đời thờ phụng lang băm. Cái họ cần phải là thuốc hay, thầy giỏi. Một quan hệ thầy trò dựa trên niềm tin mù quáng kiểu đó dễ khiến đệ tử thành ra nô lệ hơn là học trò của thầy, một kiểu nô lệ chung thân không có tiền công và cái họ nhận được chỉ là một xấp vàng mã!

Có câu chuyện đáng buồn này ta đọc được ở đâu đó lâu lắm rồi, mà mỗi lần nhớ lại cứ nghe ngậm ngùi mà ray rức khôn nguôi.

Có đôi vợ chồng nhà kia nghèo khổ cơ cực lắm, công lưng làm lụng mà vẫn không đủ ăn, đã vậy mỗi ngày còn phải dành ra ít tiền xương máu để trả dần một món nợ lớn mà họ đã vay từ nhiều năm trước. Nhằm sống ở quê nhà không xong, họ dắt díu nhau biệt xứ đi làm thuê ở một chốn xa. Ngày trả xong món nợ kia cũng là lúc họ đã bạc tóc, thân tàn ma dại, người quen ngày nào gặp lại đỡ mà nhận ra họ là ai. Vậy mà trời xuôi đất khiên, một ngày kia, giữa chốn xứ lạ quê người, hai vợ chồng nghèo kia gặp lại đúng người chủ nợ năm nào. Đó là một người bạn cũ giàu có và tốt bụng.

Người bạn nhà giàu sống sờ nhìn cặp vợ chồng nghèo trong bộ dạng tả tơi ốm đói:

- Sao lại ra nông nỗi này chứ, hai người đi đâu mười mấy năm nay, rồi giờ sống ra sao mà ngó thảm quá thế này?

Hai vợ chồng nghèo nhìn nhau rồi lại nhìn cô bạn giàu có, họ ngập ngừng ngượng nghịu một hồi rồi cô vợ nhìn vào mắt người đối diện:

- Bờ có nhớ chuyện mười mấy năm trước đã cho tui mượn sợi chuỗi ngọc để đi dự tiệc không?

Cô bạn gật đầu:

- Nhớ chứ, vì hình như sau đó không lâu thì bạn bè kháo nhau là hai người đã mất tích, không ai liên lạc được.

Người thiếu phụ nghèo khổ khó khăn lắm mới có thể nói tiếp:

- Sau đêm đó tui này làm

Điều Ngự tử TÍN NGHĨA

Tự Thán

*Cảnh đời đau khổ lắm tang thương,
Huynh đệ hại nhau lắm đoạn trường,
Nhìn cảnh phân chia lòng tan tác,
Thấy đời bạc bẽo lệ sâu tuôn
Một thân hai nợ, lòng cam chịu, (1)
Bảy nổi ba chìm, phận long đong. (2)
Ai hiểu cho chăng lòng ta nhỉ!
Quê hương, Đạo pháp vẫn vương lòng.*

Vu Lan 2558 – 2014

(1) Đạo pháp và Quê hương,
(2) Tân phiêu bạt ở xứ người.



thơ

mất chuỗi ngọc, đến tận giờ cũng không biết nó đã rơi mất ở đâu hay bị ai lấy trộm, nói ra sợ bỏ không tin rồi nghĩ quấy.

Cô bạn nhà giàu nóng ruột:

- Rồi sao nữa hả?

Anh chồng của người thiếu phụ nói thay vợ:

- Tui tôi cầm cố hết nhà cửa, bán luôn miếng đất hương hỏa rồi mượn thêm chỗ này chỗ kia để có tiền tìm mua một xâu chuỗi ngọc giống hệt của bà để đền lại. Rồi từ đó bỏ xứ đi luôn. Mãi đến gần đây mới trả xong món tiền nợ năm đó. Giờ ra đường thấy ai đeo chuỗi ngọc giống vậy cũng sợ điếng hồn không dám nhìn nữa.

Cô bạn giàu có nghe đến đó thì đưa hai tay ôm đầu kêu trời:

- Uy trời đất, xâu chuỗi tôi cho hai người mượn năm đó là đồ giả, đeo cho vui vậy thôi. Từ lúc mấy người đem trả lại đến nay tôi có bao giờ đụng đến nó nữa đâu. Trời ơi là trời, vậy là tiêu mất một đời của ông bà chỉ vì cái món đồ quý đó.

Cả ba người đều khóc, và cả ta nữa, lần đầu đọc được câu chuyện đó cũng nghe xót xa không chịu nổi.

Nhưng câu chuyện đó không phải hư cấu đâu, nó có thật và xảy ra từng ngày trên hành tinh này khi từng bữa trong thiên hạ vẫn có biết bao người phải trả một cái giá thiệt đắt cho những

thứ hàng hoá không đáng để họ chạm tay. Đó là những sản phẩm chính trị, tôn giáo, xã hội... được tạo ra từ những động lực như gian trá, ích kỷ, dốt nát, vô cảm, tắc trách mà cái nào cũng độc hết, cái nào cũng để lại những tác hại là hút cạn sinh lực hay khiến người ta hoang phí kiếp nhân sinh một cách oan uổng tức tưởi.

Lão thiền sư đột nhiên tro tay lên chiếc đồng hồ trên vách:

- Bốn lắm rồi, hồi này ai nói có chuyến tàu lúc 15, rửa mặt uống nước rồi tà tà đi là vừa. Đi mà trả cho xong mấy món nợ đời!

Ông cười hiền khô, rồi đứng dậy vói lấy tay nài, nói mà không nhìn ai trong đám khách:

- Ta có việc phải vào làng, am gần ga, biết đâu lại có dịp mấy người lỡ chuyến tàu mà ghé đây gặp lại.

Dáng người gầy gò của nhà sư già nhanh chóng chìm khuất trong đám lau trắng. Nâng chiều bóng vàng rực như lửa, có chút gió ở đâu thổi về mang theo cái mùi ngai ngái của một trại bò nào đó. Tiếng còi tàu lửa vang lên từ cuối chân trời. Đám khách rời am và có người vừa đi vừa ngoái đầu nhìn lại đôi lau. Thảo am của nhà sư già không còn ở đó nữa. Nó khuất tầm nhìn của họ hay là nó chưa từng tồn tại...

Toại Khanh

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

MOTHER'S LOVE

Her love is like
an island in life's ocean,
vast and wide

A peaceful, quiet shelter
From the wind, the rain, the tide.
'Tis bound on the North by Hope,
By Patience on the West,
By tender Counsel on the South
And on the East by Rest.

Above it like a beacon light
Shine Faith, and Truth, and Prayer;
And thro' the changing scenes of life
I find a haven there.

Anonymous

TÌNH MẸ

Tình yêu của Mẹ tuyệt vời
Như hòn đảo giữa biển đời mênh mông
Biển bao la, rộng muôn trùng.
Đảo là nơi trú vô cùng bình an
Lại thêm yên tĩnh vô vàn
Tránh mưa, tránh gió, tránh cơn thủy triều.
Chở che phương Bắc đảo yêu
Đó là Hy Vọng điểm kiêu vô biên,
Phương Tây Nhẫn Nhục lâu bền,
Phương Nam là những Lời Khuyên dịu dàng
Phương Đông che chở kỹ càng
Chính là Nơi Nghỉ an toàn lắm thay.
Ở trên hòn đảo quý này
Như đèn pha chiếu rọi đầy trước sau
Là Niềm Tin rất nhiệm mầu
Là điều Chân Thật, là câu Nguyện Cầu
Và qua đời sống dài lâu
Trái bao tình cảnh dãi dầu đổi thay
Ta tìm ra được trong đây
Một nơi nương náu tràn đầy thương yêu.

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(chuyên ngữ)

LÒNG HIẾU CHIM OANH VŨ

Thuở xưa ở dãy Tuyết Sơn
Có chim oanh vũ dễ thương, hiền hòa
Vì cha mẹ bị mù lòa
Một mình chim phải bay ra khu rừng
Kiếm tìm trái chín thơm lừng
Mang về cung kính cúng dường mẹ cha.
Cách rừng cũng chẳng bao xa
Có ông điền chủ thật là tốt thay
Ruộng vừa cấy lúa năm nay
Ông bèn phát nguyện: "Lúa này trở bông
Khi nào lúa tốt đầy đồng
Ai cần lương thực vui lòng lấy ăn!".
Một hôm oanh vũ bay ngang
Thấy bao nhiêu lúa óng vàng đẹp tươi
Chim bèn dừng cánh tìm mồi
Tha nhiều lúa tốt về mời mẹ cha,
Vừa khi điền chủ đi qua
Tưởng chim phá hoại, ông ta phiền lòng
Sai người giăng lưới trên đồng
Bắt chim oanh vũ bỏ lồng treo chơi.
Chim bèn nhỏ nhẹ đôi lời:
"Sao ông lại nỡ giam tôi thế này?
Ông thường bố thí hàng ngày
Cho nên tôi mới ngừng đây kiếm mồi!".
Ông điền chủ: "Kiếm cho ai
Mà sao lui tới tha hoài lúa ta?".
Chim thưa: "Tôi có mẹ cha
Cả hai đều bị mù lòa tối tăm
Bay đi kiếm sống khó khăn
Mình tôi phải lấy phần ăn ba người!".
Nghe ra điền chủ tươi cười
Thả chim và nói: "Xin mời từ nay
An tâm ghé lại ruộng này
Cứ dùng thóc lúa ta đây không buồn!".
Khen thay súc vật, chim muông
Mà lòng hiếu thảo còn hơn nhiều người
Đã sinh ra giữa đất trời
"Hiếu cùng cha mẹ" nhớ lời gắm hoa.
Con chim oanh vũ chính là
Tiền thân Đức Phật Thích Ca một thời,
Còn điền chủ tốt tuyệt vời
Là Xá Lợi Phất người đời kính yêu.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẾN VỚI PHẬT?

Đào Văn Bình

Kinh Phật không nói về chân lý, đúng-sai, yêu thương – hận thù hai mặt. Cho nên Phật không làm quan tòa để phán xử ai. Muốn biết đúng-sai, có tội hay không có tội xin tới tòa án, luật sư, đừng tới Chùa, đừng hỏi Phật.

Ngoài ra Đức Phật cũng không độc quyền về Chân Lý. Bởi vì Chân Lý từ sự vật đi lên. Khi mà “thị chư pháp không tướng” (1) tức thực tướng của muôn vật (vạn pháp) là Không thì Chân Lý cũng chỉ là hư ảo. Do đó, nếu bạn cứ nằng nặc cho rằng điều mà bạn đang tin là Chân Lý thì xin bạn đừng tìm đến Phật kéo uống công.

Phật không phải là một ông thần tạo ra trái đất rồi hủy diệt nó vì phần nộ. Trái đất và vũ trụ này tự vận hành bởi quy luật Thành-Trụ-Hoại-Diệt mà không một quyền năng nào có thể ngăn cản nổi. Một tỷ năm nữa Ngày Tận Thế sẽ đến và đến một cách từ từ. Tất cả đều chết hết, chẳng ai cứu được ai. Chẳng ai có thể chết thế cho ai. Đó là sự thật rất “chân thật”. Cho nên đến với Phật là đến với lòng thành thật. Khi mình chưa thấy sự thành thật là cần thiết: Thành thật với mình và với người thì...cũng chưa nên vội đến với Phật.

Phật cũng không phải là một ông thần, bà thần giáng thế hoặc cha mẹ của thần để ban phúc giáng họa khi nhân loại thờ phượng ngài không đúng cách hoặc làm phật ý ngài vì thế mà nhân gian đã nói và sử sách đã ghi “Hiền như Bụt” cho nên không có gì phải sợ hãi Phật. Vì Phật “hiền như Bụt” cho nên hãy đến với Phật như tấm lòng của con đến với cha mẹ.

Vì Phật là ung dung tự tại do đó trong thế giới chúng đấng của thiên sư không có gì bí mật mà chỉ là những gì đơn sơ như hoa nở, suối reo, chim bay, cá lội, trẻ thơ nhớ mẹ, đói ăn khát uống... thật nhẹ nhàng và an lành.

Những cảm nghiệm đó không này nở từ những lâu đài tráng lệ, từ những bữa tiệc linh đình, từ nơi quyền thế, từ những trung tâm tài chánh của thế giới, từ những trung tâm quyền lực, từ kế hoạch, âm mưu bần tính, từ kinh đô ánh sáng, từ những lễ nghi huyền bí hay những ngôn từ huyền hoặc, hoa mỹ, sấm truyền vu vơ.

Nó là những cảm nghiệm tinh khôi nhất thoát đi từ vũng lầy khổ đau của kiếp người. Đạo Phật vốn đi lên từ Khổ Đế (2) rồi thăng hoa lên từ Khổ đế vượt thoát khỏi thân phận cay đắng, nghiệt ngã của kiếp người... từ đó nhìn thấy cuộc đời này có một chút ý nghĩa.

Do đó trong cuộc sống, người nào chưa từng nếm một chút mùi vị của khổ đau; chưa từng thấy ngoài thế giới vật chất; cuộc sống này còn bao hàm một niềm hoài vọng thiết tha về một cái gì đó vượt lên trên những tương tranh, đố kỵ, tỵ hiềm, những thành công hay thất bại, phú quý tựa như phù vân; những người như thế không thể hiểu Đạo Phật.

Ngoài ra, những ai tự trói buộc mình vào một tín điều, niềm tin, những cấm kỵ nào đó mà không



thể thoát ra được – thì cũng không thể hiểu được Phật bởi vì Đạo Phật vượt lên trên mọi ràng buộc câu thúc – nhất là câu thúc về trí tuệ.

Khi bạn nghèo mà bạn không thấy tủi nhục, ray rứt vì nghèo – mà cần mẫn vươn lên trong đạo đức, tuân thủ luật pháp quốc gia và ...lúc nào cũng hy vọng. Hiểu được như thế là bạn đã thấy Phật. Xưa kia Đức Phật còn nghèo hơn bạn rất nhiều. Tới bữa trưa ôm bình bát vào thành xin ăn, bữa đói bữa no. Thí chủ cho gì ăn nấy. Áo chỉ ba bộ và là loại áo tầm thường nhất của xã hội lúc bấy giờ, chân đi đất... mà Phật lại trở thành con người vĩ đại nhất hành tinh này. Do đó nghèo không phải là bước đường cùng của con người. Vậy thì đến với Phật là đến với niềm hy vọng.

Khi bạn là người trí thức mà bạn không coi thường người thất học hay người ít học mà tìm cách để giúp họ cũng được học hành như chính mình... như thế là bạn đã đến với Phật. Bởi vì chư Phật lúc nào cũng muốn chúng sinh khai mở trí tuệ rộng lớn như biển cả. Do đó, những ai trong đời do kém may mắn mà không được học hành đến nơi đến chốn, nên đến với Phật, nên đi lễ Phật. Với sự giúp đỡ của chùa, thiện tri thức, chư tăng ni, chắc chắn bạn sẽ tự tin, phá bỏ mặc cảm... rồi từ từ tiến lên, giới giang như người ta. Xin nhớ rằng đến với Phật là để mở mang trí tuệ chứ không phải để cầu xin. Nếu có cầu xin thì xin” “Thầu rõ kinh tạng, trí tuệ như biển”. Và cũng xin nhớ cho không có thứ phước đức nào lớn cho bằng sự thông thái của trí tuệ. Một đất nước toàn là những nhà thông thái sẽ thống ngự hành tinh này. Một đất nước toàn là những người ngu dốt

sẽ tự giết nhau mà hủy diệt – hủy diệt cuộc sống, hủy diệt môi trường, hủy diệt tài sản quốc gia và hủy diệt tình người. Tham lam quá độ bằng cách vơ vét của cải và hưởng thụ là sự u mê lớn nhất của trí tuệ.

Chúng ta chưa có can đảm lớn như Phật từ bỏ ngôi vị đông cung thái tử, như Phật Hoàng Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng. Nhưng khi bạn giàu mà giảm bớt lòng tham, chia sẻ một phần nhỏ của cải để giúp người nghèo khó – tức là bạn đã nhìn thấy Phật. Đến với Phật là đến với lòng Từ Bi và Chia Xẻ.

Bạn ơi,

Hãy gội rửa tâm hồn mình để trở về tâm hồn của một bé thơ – chưa bị nhiễm ô bởi bất cứ một ý niệm, thành kiến, ranh giới, tín niệm hay một hệ thống giá trị giới hạn nào.

Hãy để cho đời lương gạt mình để giúp cho đời có một chút ảo tưởng chiến thắng. Hãy chấp nhận mình là một kẻ thua thiệt để giữ cho đời sống đạo vị khỏi bị hoen ố.

Hãy giúp đỡ người nghèo khó, trợ cấp cho người cô quả cô độc, trẻ mồ côi, người lâm vòng tù tội và hãy yêu mến cuộc sống của muôn loài...

Hãy xây đắp lòng Từ Bi, Hi Xả và Đức Hiếu Sinh trước khi bàn chuyện Phật.

Hãy thấp đuốc trí tuệ để lên đường tìm Phật.

Đừng chạy lòng vòng hết chỗ này chỗ kia để tìm kiếm Phật. Hãy ngồi xuống, lặng yên “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh” (3) sẽ thấy một ông Phật nằm ngay trong con người mình. Khi “hoa khai” tức hoa trí tuệ đã nở và “kiến Phật” rồi thì “ông Phật” đó đời kiếp kiếp ở trong thần thức và không bao giờ còn quy phục tà ma ngoại đạo nữa, giống như “quặng vàng đã trở thành vàng ròng thì không bao giờ trở lại thành quặng.” (4)

Bạn ơi,

Muốn đến với Phật thì xin bạn:

Hãy im lặng và suy nghĩ.

Hãy suy nghĩ cho đến khi không còn gì để suy nghĩ nữa.

Hãy im lặng để lắng nghe nhịp đập của trái tim mình.

Hãy ngắm nhìn một bông hoa nở.

Hãy nở một nụ cười và trút bỏ muộn phiền.

Hãy thông thả bước vào thế giới của xả bỏ.

Hãy để đầu óc trống rỗng, thân thể thư thái, nhẹ nhàng để bước vào Thiên.

Đây là những điều kiện để đến với Phật.

Sau hết xin nhớ cho đến với Phật là đến với sự an lành, thanh tịnh, sáng suốt và thi vị.

- 1) Bát Nhã Tâm Kinh (The Wisdom Sutra)
- 2) Tứ Diệu Đế : Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế mà Tây Phương dịch là “Four Noble Truths”
- 3) Tổ Đạt Ma, “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”
- 4) Kinh Viên Giác



ĐÔI KHI

*Đôi khi đời đau khổ
Tập thơ nhẹ và cười
Nếu không làm như thế
Chỉ thiệt mình mình thôi*

*Đôi khi người gian dối
Hãy buông xả bao dung
Làm sao ta biết được
Mình sẽ không sai làm?*

*Đôi khi lòng trống trải
Vì chẳng hiểu lý do
Ta lên chùa lễ Phật
Biết buồn là hư vô*

*Đôi khi mình ta khóc
Bởi những điều gian truân
Cúi thấp mình nhìn xuống
Bao nghịch cảnh hồng trần?*

*Đời sẽ không bit lối
Cho người và cho ta
Như dây cung nịt lại
Mũi tên càng bay xa.*

Chùa Thiên Trúc, Calif., 26/07/2014

thơ HÀN LONG AN

LY TƯỚNG

Duyên Học Lê Thái Ất



Đây là một khái niệm căn bản trong giáo lý đạo Phật, coi như chìa khóa cửa của căn nhà kín cổng cao tường mở ra cho chủ nhân là hành giả bắt đầu cất bước trên con đường Giải Thoát. Kinh Kim Cang phẩm 14 Ly tướng Tịch diệt có câu: *Ly nhất thiết chư tướng, tức danh chư Phật*. Diễn nghĩa: Xa lìa hết thảy mọi tướng, ngay lúc đó có thể xứng đáng gọi là chư Phật. Khi xa lìa hết thảy mọi tướng, không nắm giữ trong tâm thức một tướng nào, hành giả mới có được cái tâm gọi là *Tâm Vô Chấp, Tâm Vô Nhiễm, Tâm Thanh Tịnh, Tâm Không*... Trong kinh Kim Cang gọi là *Tâm Vô Sở Trụ*, có nghĩa Tâm không có chỗ bám tựa. Khi đó, Tâm của hành giả không còn là Tâm Vô Minh, Tâm Si Mê của kẻ phàm phu dung tục, vì đã chuyển thành *Tâm Giác Ngộ, Tâm Bồ Đề*: Tâm của hành giả xa lìa hết thảy pháp tướng của vạn hữu, thực chứng hội nhập vào chư pháp giới Chân Như.

TƯỚNG và TÁNH là hai thuật ngữ nói tắt của **Pháp tướng** và **Pháp tánh**, người tìm hiểu đạo Phật cần nhận biết rõ ràng rành rẽ trong khi lý giải cũng như hành trì.

I. PHÁP TƯỚNG VÀ PHÁP TÁNH

Trong Phật học, từ ngữ PHÁP diễn tả nội dung của *Dharma* tiếng Sanskrit, *Dhamma* tiếng Pali, phiên âm là Đạt-ma hay Đàm-ma. Đây là một khái niệm có nội dung rất rộng mang nhiều nghĩa:

- Quy luật bao trùm toàn thể vũ trụ như Lý Nhân Quả, lý Duyên Sinh, lý Vô Ngã, lý Vô Thường...
- Quy tắc hướng dẫn nhân sinh như Giáo pháp của Đức Phật, Chánh pháp, Pháp bảo, quy y Pháp...
- Giới luật trong đời sống tu hành như pháp môn, pháp luận, pháp quy...
- Sự hiển lộ của thể tánh, mọi hiện tượng, mọi sự vật, mọi thực thể...
- Nội dung tâm thức, tức đối tượng của mọi quán chiếu, tưởng niệm, suy tư...
- Những thành phần tạo dựng nên thể giới hiện hữu, tức pháp giới.

Nói tổng quát, theo Phật học đại từ điển của Đinh Phúc Bảo, **PHÁP là tất cả những gì có đặc điểm riêng biệt, khiến cho người nhận thức không lầm với cái khác, có những khuôn khổ riêng có khả năng làm phát sinh trong đầu óc người nhận thức có khái niệm về nó**. Đây là định nghĩa cổ điển diễn nghĩa từ chữ Hán: *Nhậm tri tư tánh quĩ sinh vật giải*. Nói cách khác, PHÁP là đối tượng của khái niệm, tất cả những gì tạo nên ấn tượng cho giác quan hay nhận thức, do đó con người mới có khái niệm về cái đó. Cái gọi là *cái đó* bao gồm tất cả những thực thể vật chất hay tinh thần, hữu hình hay vô hình, những vật thể hay hiện tượng trong vũ trụ hay những sự kiện trong sinh hoạt hàng ngày hay trạng thái tâm lý của con người trong cuộc sống.

Pháp được cảm thọ nhận thức qua hai lăng kính PHÁP TƯỚNG và PHÁP TÁNH, gọi tắt là TƯỚNG và TÁNH.

* TƯỚNG

Tướng là tiếng đơn, tiếng ghép đôi thường dùng là *Sắc tướng, Hình tướng, Giả tướng, Hư tướng*. Đó là sắc thái, hình dạng, trạng thái của một vật thể, một sự kiện hiển lộ ra ngoài, gây nên ấn tượng cho con người nhận thấy. Tướng là cái biểu tượng ra ngoài, bên trong là bản tánh, thực chất. Ca dao có câu:

*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.*

Nước sơn, dung nhan vóc dáng con người gọi là *Tướng*. Chất của gỗ, tính nết con người là *Tánh*.

* TÁNH

Tánh hay **Tính** là tiếng đơn, tiếng ghép đôi thường dùng là *Thể tánh, Bản tánh, Chân tánh*. Từ ngữ này có nhiều nghĩa tùy theo từng trường hợp ứng dụng:

- *Cái cốt tủy, gốc rễ chính yếu ẩn tàng ở trong như căn tánh, đức tánh, tánh khí...*

- Bản thể, thực chất như tự tánh, tánh mạng, tánh tham dục...

- Nguyên lý bất biến, không đổi rời, không hoại diệt như Phật tánh, Như Lai tánh, Thiện tánh...

- Điểm đặc thù của từng loại như tánh chăm chỉ, tánh lười biếng, tánh hay nói hay cười...

Trong Phật học, hai thuật ngữ *Tướng* và *Tánh* thường dùng khi có ý đối nhau như Sự đối với Lý, pháp Hữu Vi đối với pháp Vô Vi, Giả đối với Thực, Vọng đối với Chân ...

* PHÂN BIỆT TƯỚNG VỚI TÁNH

Về mặt lý giải sự phân biệt Tướng với Tánh không quá khó khăn, về mặt hành trì sự phân biệt không dễ dàng trong thực tế cuộc sống. Cổ nhân có câu *Họa hổ họa bì nan họa cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm*. Diễn nghĩa: Vẽ con hổ chỉ vẽ được bộ da mà khó vẽ được bộ xương, biết người chỉ biết được mặt mà không biết được lòng.

Trường hợp *pháp* là một vật hữu hình, một sự kiện cụ thể sự phân biệt tướng và tánh dễ nhận thấy rõ ràng, thường được dùng làm ẩn dụ để suy ra trường hợp pháp vô hình, trừu tượng:

- Bóng chim bay hay mặt trăng sáng nhìn thấy trên mặt nước hồ trong lặng là *tướng*, con chim hay mặt trăng ở trên trời mới là *tánh*. Tướng bao giờ cũng là giả tạm, tánh bao giờ cũng là chân thực. Người vô minh có tà kiến nhận thức sai lầm mới đi bắt chim hay tìm trăng ở dưới nước. Người thức tỉnh có chánh kiến nhận thức đúng sự thật không ai làm

điều đó. Đây là một ẩn dụ về *tà kiến*, trong thực tế không có ai đi bắt chim hay tìm trăng ở dưới nước.

-Truyện ngụ ngôn năm người thầy bói mù sờ voi trong Kinh Phật được lưu truyền rộng rãi trong dân gian đã chỉ dạy một bài học quý giá, đó là sự mê muội về **biên kiến, thiên kiến** chỉ cho mình là đúng còn người khác là không đúng: Người thứ nhất sờ cái vòi bảo con voi như con đĩa thật to, người thứ nhì sờ cái ngà bảo con voi như que củi, người thứ ba sờ cái tai bảo con voi như cái quạt, người thứ tư sờ cái đuôi bảo con voi như cái chổi, người thứ năm sờ cái chân bảo con voi như gốc cây. Năm người tranh cãi nhau, ai cũng bảo chỉ có mình nói đúng vì chính giác quan tức tay mình sờ thấy. Đến khi nhờ người sáng mắt dắt cho sờ đủ cả năm bộ phận của con voi, năm người thầy bói mù mới nhận thức ra đầy đủ hình tướng con voi, thừa nhận sự thiên kiến của cá nhân mình đã không nhận thức ra toàn vẹn sự thật là thể xác con voi. Đây cũng là mê lầm của sự **chấp kiến, chấp pháp** nhưng không phải là tà kiến như ẩn dụ chim bay hay mặt trăng vì không phải hoàn toàn sai. Đây là *biên kiến hay thiên kiến chỉ chấp thủ có một phần sự thật* rồi tưởng là đã nhận thức trọn vẹn toàn phần sự thật. Trong thực tế cuộc sống hàng ngày, đây là trường hợp mê muội rất nhiều người mắc phải mà không hay, tự nói thiên lệch thiếu sót một cách chủ quan mà không biết.

- Nước có ba hình thể, lỏng như nước ở sông biển, hơi như mây bay và dẫn như khối băng sơn. Con mắt người thường nhận thấy rõ ràng ba vật thể có hình thể khác nhau, Phật học gọi là ba *pháp tướng*. Con mắt nhà khoa học nhận thấy cả ba trường hợp có ba hình thể khác nhau chỉ là một thực chất gồm có hy-drô và ôc-xy theo công thức 2H+O tức một nguồn gốc, Phật học gọi là *pháp tánh*. Tướng thường có nhiều hình thể, dạng thái khác nhau và luôn luôn thay đổi chuyển hóa theo lý Vô Thường: Nước lỏng gặp khí nóng bốc thành hơi, gặp khí lạnh đông lại thành băng; mây gặp khí lạnh đọng lại thành nước mưa; khối băng gặp khí nóng tan thành nước lỏng... Tánh luôn luôn thường hằng vĩnh cửu theo lý Chân Như bất biến hay lý Nhất Như bất sanh bất diệt: Dù ở Tướng nào, Tánh của nước vẫn như nhau gồm có hy-drô và ôc-xy. Ba tướng khác nhau của nước là lỏng, hơi và dẫn là *Sự Thật tương đối*, Phật học gọi là **Giả Đế**, một tánh duy nhất của nước là hợp chất hy-drô và ôc-xy là *Sự Thật tuyệt đối*, Phật học gọi là **Chân Đế**. Khí nóng hay khí lạnh là Duyên của nước, nói đầy đủ là Cảnh

Duyên, ý nói môi trường ngoại cảnh hay Trợ Duyên khi dụng ý nói đến vai trò phụ của Duyên, không phải là yếu tố căn bản làm nên Tánh. Lý Vô Thường được dẫn giải như sau: Khi Duyên giữ y nguyên không thay đổi thì cả Tướng và Tánh vẫn y nguyên, khi Duyên thay đổi thì Tướng thay đổi theo trong khi Tánh vẫn y nguyên không hề thay đổi.

Ứng dụng vào con người thay cho nước, *Tướng* của con người có rất nhiều hình dạng thay đổi: Về mặt sinh lý có sinh, lão, bệnh, tử. Về mặt kinh tế xã hội có thành công và thất bại, phát triển và suy vong. Về mặt tâm lý có vui buồn, sướng khổ, yêu ghét, nhớ thương hay hận thù... Về mặt đạo đức có xấu tốt, gian manh thật thà, bội bạc thủy chung... Còn *Tánh*, con người chỉ có một duy nhất: Đó là Nhân tánh làm người ai cũng có như nhau một cách bình đẳng đồng đều. Đây là tánh bẩm sinh thường gọi là tánh Trời phú cho, tánh này vốn Chân Thiện, ai giữ được là người tốt, ai không giữ được trở thành người xấu. Trong Tam Tự Kinh có câu:

*Nhân chi sơ
Tánh bản thiện,
Cấu bất giáo
Tánh nãi thiên.*

Diễn nghĩa: Lúc mới sanh ra, Tánh con người ai cũng thiện, có bản chất tốt lành. Nếu không được dạy dỗ, Tánh đó liền dờ đi mất, ý nói Tánh bẩm sinh vốn tốt lành sẽ trở nên tánh xấu.

Lưu truyền trong dân gian, ca dao có câu nhận xét về giá trị thực sự ở con người:

*Hơn nhau cái áo cái quần,
Bóc ra mình trần ai cũng như ai.*

Ở đây áo quần là *Tướng*, là Cảnh Duyên đóng vai trò hình thức hư giả phụ thuộc bề ngoài như danh vọng tài sản, quyền thế, địa vị xã hội ... Mình trần là *Tánh* chỉ giá trị nội tại thực sự của bản chất con người, chỉ Tánh bẩm sinh vốn thiện ai cũng có đồng đều như nhau. Phật học gọi Tánh bản thiện là *Chân tánh, Phật tánh, Như lai tánh, Pháp tánh Như Lai* ... Trong thực tế, về mặt văn hoá xã hội có danh xưng là *Nhân tánh* chỉ bản tánh con người đang sống trong thực tại, nghĩa là đại đa số thành phần con người đang sống trong tập thể cộng đồng xã hội giữ Tánh Thiện bẩm sinh không còn được nguyên vẹn tốt lành như bẩm sinh mà đã dễ chuyển hóa suy hao ít nhiều. Số rất ít còn lại gồm hai loại: Thứ nhất thuộc phần giữ được hoàn toàn trọn vẹn, giữ được viên mãn Chân tánh vốn tốt lành, thứ hai thuộc thành phần đã chuyển hóa hoàn toàn tánh bẩm sinh từ Thiện trở nên Ác. Giữ được trọn vẹn Chân tánh là thiện nhân có trí huệ giác ngộ; đánh mất Nhân tánh, không còn tánh người là kẻ phạm tội ác sống theo vô minh dục vọng và sẽ chuyển kiếp đọa làm súc sanh, không được làm người. Do đó, tu Phật là tu Tâm, giữ cho trọn vẹn Chân tánh bẩm sinh bằng cách hành trì pháp môn Ly tướng, xa lìa tất cả mọi tướng. Không để mọi Giả tướng mê hoặc lừa gạt mình.

- Hai thanh sắt ở đường rầy xe lửa trông xa thì chúng sẽ gặp nhau ở điểm chân trời, trong thực tế chúng là hai đường song song không bao giờ gặp nhau. Nhìn mặt biển yên lặng người đi tắm thấy mặt biển phẳng nằm ngang như mặt tờ giấy để trên mặt bàn, khoa học không gian chụp hình trái đất thấy mặt biển cong giống như mặt đất liền bọc xung quanh trái đất hình khối cầu như vỏ trái cam bọc kín



ruột trái cam. *Tướng* là hình hai thanh sắt đường xe lửa gặp nhau, *Tánh* là chúng không bao giờ gặp nhau vì chúng song song với nhau. *Tướng* của mặt biển là mặt phẳng nằm ngang, *Tánh* của mặt biển là cong bọc lấy khối cầu.

Trường hợp dẫn chúng này về hình học phẳng và hình học không gian quy kết cho bài học quán chiếu như sau: *Tướng* chỉ là Sự Thật tương đối, là Giả Đế nên có tên gọi rõ ràng là GIẢ TƯỚNG. *Tánh* mới là Sự Thật tuyệt đối, là Chân Đế nên có một tên gọi rõ ràng là CHÂN TÁNH. *Ý thức và giác quan của con người chỉ có khả năng tiếp nhận được Tướng của vạn pháp, chỉ có Trí huệ của người mới đủ khả năng nhận ra được Tánh của vạn pháp.* Trong cuộc sống hàng ngày, người Vô Minh chỉ tiếp nhận được Tướng, người Giác Ngộ mới có đủ Trí huệ nhận ra Tánh.

- Cùng một con dao, người thợ rừng coi đó là phương tiện chặt cây và phòng thần chống lại thú dữ, kẻ đạo tặc coi là phương tiện uy hiếp nạn nhân để đòi tiền khào của, nạn nhân lại coi đó là phương tiện đe dọa mạng sống của mình. *Tự con dao không hề chứa sẵn vọng niệm vọng thức nào như chặt cây, uy hiếp, đe dọa mạng sống.* Những vọng niệm vọng thức này có sẵn trong tâm thức của ba nhân vật nói trên. Đó là những *giả tướng hư vọng* không có thực chất, tích lũy huân tập trong tâm thức từ lâu của ba nhân vật khác nhau trong hiện kiếp và nhiều tiền kiếp, hội với duyên Vô Minh của mỗi người tạo nên nghiệp chướng làm cho chúng sanh trôi nổi trong biển khổ thế gian. Trường hợp dẫn chúng này cho thấy Ly Tướng là pháp môn thiết yếu giúp cho hành giả giải thoát mọi nghiệp chướng ở thế gian.

- Cùng là một con tôm, lúc còn tươi sống có màu xanh, ăn thấy tanh; lúc chín có màu đỏ, ăn thấy thơm ngon; lúc để quá lâu có màu xin và mùi thiu, không ăn được. Đó là **pháp tướng cụ thể hữu hình** tức con tôm. Nhìn thấy tôm tươi nghĩ đến dân chài lưới, nhìn thấy tôm chín nghĩ đến bữa ăn ngon, nhìn thấy tôm thiu nghĩ đến vi trùng bệnh tật. Những ý nghĩ này là **pháp tướng trừu tượng vô hình**. Trường hợp con tôm, pháp tánh là vật tánh, sống dưới nước, dùng làm thực phẩm cho con người. Sự phân biệt pháp tướng trừu tượng vô hình tức hiện tượng tâm lý với pháp tánh có phần tinh vi tế nhị như sau: *Tướng thuộc đối thể của nhận thức đồng thời cũng thuộc chủ thể đóng vai nhận thức. Trong khi đó Tánh bao giờ cũng chỉ ở đối thể của nhận thức.* Người sơ tâm dễ nhầm lẫn ở điểm này.

- Cùng một đối thể của nhận thức là người phụ nữ để ngực trần hay mặc áo quá hở hang đứng trước ba nhân vật khác nhau: Một em bé đang khát sữa nhìn thấy mẹ để ngực trần liền sanh tâm niệm đòi bú. Một người phái nam hào sắc liền sanh tà tâm bất chánh. Một nghệ sĩ như nhà điêu khắc hay họa sĩ liền nghĩ đến người mẫu cho tác phẩm có giá trị nghệ thuật. Ở đây trường hợp người phụ nữ để ngực trần khác với trường hợp con dao và con tôm: Con



dao vô tri giác, con tôm không có phần ứng gì đối với con người đóng vai chủ thể nhận thức trong khi người phụ nữ là linh vật có cảm tánh nên có phần ứng như âu yếm bông con cho bú, cảm thấy e thẹn trước con mắt người khác phái có tà tâm, cảm thấy hãnh diện đóng vai người mẫu tạo nên tác phẩm nghệ thuật. Sự phân biệt Tướng và Tánh có phần tinh vi phức tạp hơn: Tánh ở người phụ nữ khi đóng vai đối thể nhận thức trước mắt của ba

nhân vật khác nhau chỉ là *Một giống nhau*, đó là Nhân tánh phái nữ, không mang sẵn những ý niệm âu yếm bông con cho bú, e thẹn trước con mắt người khác phái hay giá trị của tác phẩm nghệ thuật. Thái độ để ngực trần là một hình sắc làm cho người phụ nữ *đóng thêm vai trò pháp tướng trừu tượng vô hình*, tạo nên cảm ứng tâm linh ở ba nhân vật nhận thức khác nhau. Trước cùng một đối thể của nhận thức vừa là Tánh vừa là Tướng, ba nhân vật chủ thể của nhận thức có ba phản ứng tâm lý khác nhau, tức ba pháp tướng trừu tượng khác nhau.

- Một trường hợp đặc biệt để phân biệt rõ ràng *Tướng* và *Tánh* trong lịch sử Phật học: Lục Tổ Huệ Năng (638-713), Tổ thứ 6 của Thiền tông Trung Hoa, một môn đệ của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Trước Huệ Năng, Thiền tông Trung Hoa mang sắc thái Ấn Độ, do đó Huệ Năng được coi như Sơ Tổ khai sáng ra Thiền tông Trung Hoa. Huệ Năng đã ngộ đạo khi nghe thấy một vị tăng tụng kinh Kim Cang đến câu *Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*. Diễn nghĩa: Hãy để cho tâm mình không bám dựa vào một thứ gì thì sẽ tự khởi sanh Tâm Giác Ngộ, ý nói giữ cho Tâm Vô Nhiễm thì Giác Ngộ. Cùng là tiếng tụng kinh, Huệ Năng nghe thì ngộ đạo, kẻ phàm phu vọng tâm có nghe tụng đến bao nhiêu lần cũng không đạt đến sự ngộ đạo. Lý do: *Tuy có nghe tụng kinh, Huệ Năng không chấp vào âm thanh lời kinh mà chỉ thọ nhận pháp tánh của câu kinh*, nghĩa là không thọ nhận lời kinh mà chỉ thọ nhận ý kinh. Âm, thanh lời kinh là hình thức, pháp tướng câu kinh. Ý kinh diễn tả nội dung điều Phật dạy là pháp tánh câu kinh. *Nghe lời để chỉ nhận ý, nhận ý rồi thì rời bỏ lời, đó là Ly Tướng để Nhập Tánh.*

- Một Phật tử lễ Phật là tạo đủ Tam Nghiệp: Thân nghiệp là chấp tay cúi đầu vái lạy, Phật học gọi là Thân lễ; khẩu nghiệp là miệng niệm kinh hay niệm chú, Phật học gọi là Khẩu lễ; ý nghiệp là tâm quán tưởng đến Pháp thân Như Lai, tỏ lòng kính mộ và tri ân, Phật học gọi là Tâm lễ. *Pháp tướng là Thân lễ và Khẩu lễ, Pháp tánh là Tâm lễ.* Nếu lễ Phật mà chỉ câu chấp chăm chú vào Thân lễ và Khẩu lễ thì chưa phải là người đã phát nguyện quy Phật vì lý do đã chấp vào Giả tướng lễ Phật, chưa thực chứng được Chân tánh lễ Phật.

Trong tất cả những trường hợp vừa kể dẫn chúng sự phân biệt TƯỚNG và TÁNH, quy kết lại đưa đến một nhận xét căn bản, thiết yếu, không thể

thiếu được trên con đường Giải Thoát: Trong vạn pháp, bất cứ pháp nào cũng có Tướng và Tánh luôn luôn liên hệ *tương duyên tương nhiếp* dính mắc vào nhau, không tách rời riêng lẻ ra được. Không có Tướng đứng một mình, không có Tánh đứng một mình, do đó gọi là HAI. Tuy nhiên, Tướng và Tánh tương duyên tương nhiếp để tạo thành một PHÁP duy nhất, do đó gọi là MỘT. Tóm lại, **tuy Hai mà Một, tuy Một mà Hai**. Đó là lý Nhất Như, còn gọi là Lý Bất Nhị. Đó là Thắng Đế, là Chân Lý Tuyệt Đối trong Phật học.

II. CHẤP TƯỚNG, ĐOẠN TƯỚNG, LY TƯỚNG VÀ VÔ TƯỚNG

Sự phân biệt Tướng và Tánh dù trình bày tỉ mỉ rành rẽ đến đâu cũng thuộc về phần kiến giải. Hành giả cần am tường về mặt hành trì pháp môn Ly Tướng mới đạt tới được cứu cánh Giải Thoát. Hành trình từ Vô Minh Vọng Thức đến Trí Huệ Giải Thoát lần lượt chỉ dẫn từng bước như sau: Chấp Tướng, Đoạn Tướng, Ly Tướng và Vô Tướng.

*CHẤP TƯỚNG

Chấp là cầm cho chắc, nắm cho chặt, giữ khư khư không để lọt khỏi tay, nói đầy đủ là Chấp thủ (cầm lấy rồi nắm giữ lấy), Chấp trước (cầm lấy rồi vướng mắc, không biết tùy nghi ứng dụng). Sự trở ngại do sự chấp trước gây nên làm cho mê mờ thiên lệch gọi là **Chấp chướng**. Có hai thứ chấp chướng:

- **Ngã chấp**, nói đầy đủ là *Ngã chấp phiền não chướng* có nghĩa sự trở ngại gây nên buồn khổ do nhận thức sai lầm: Vạn pháp vốn tự tánh là Không lại tin chắc chắn là Có.

- **Pháp chấp**, nói đầy đủ là *Pháp chấp sở tri chướng* có nghĩa sự trở ngại gây nên mê muội do sự ngộ nhận: Vạn pháp đều vốn do nhân duyên hội lại mà khởi sanh nên luôn luôn chuyển hóa thoạt có thoạt không, lúc hiện thực lúc hư ảo lại tin chắc chắn là trường tồn vĩnh cửu.

Vạn pháp tự tánh vốn là Không, vạn pháp có giả tướng hư ảo tạm thời, đó là Chân Đế. Người Vô Minh chấp tướng lại tin chắc chắn vạn pháp có tự tánh là Có và do đó tin là pháp tướng thường hằng vĩnh cửu, bất biến. Chính đó là cội nguồn Tham, Sân, Si của con người khi thọ nghiệp thế gian.

* ĐOẠN TƯỚNG

Đoạn là cắt đứt, không còn tiếp nối nữa. *Đoạn tướng là thái độ đối nghịch với Chấp tướng*. Thay vì cầm nắm lấy là thái độ Chấp tướng, thái độ Đoạn tướng là cắt đứt, không để cho pháp tướng tiếp xúc với cảm quan trong sinh hoạt hàng ngày. Một ví dụ dẫn giải như sau: Tâm thức con người coi như căn nhà có chủ nhân đang ở. Vạn pháp coi như khách đến chơi. Chủ nhân tiếp nhận để khách vào trong nhà thăm hỏi, nhận thức rõ ràng người khách chỉ tạm thời có mặt trong nhà mình một thời gian nào đó rồi sẽ từ biệt ra về. Đó là trường hợp chủ nhân có nhận thức sáng suốt: Sự có mặt của người khách

trong nhà mình là **GIẢ TƯỚNG** tạm thời, người khách đến chơi không có **CHÂN TÁNH** chủ nhà. Trường hợp chủ nhân có nhận thức sai lầm coi người khách là chủ nhà, như vậy là **CHẤP TƯỚNG** nghĩa là để khách vào trong nhà rồi tin chắc khách ở luôn tại nhà mình, giữ luôn người khách không cho ra về. Trái lại, trường hợp **ĐOẠN TƯỚNG** là trường hợp chủ nhân đóng chặt cửa, không để bóng dáng người khách xuất hiện trong nhà mình, coi như không hề có người khách nào muốn đến nhà mình. Phật học gọi **Chấp Tướng là Chấp CÓ, Đoạn Tướng là Chấp KHÔNG**, cả hai đều là *biên kiến*, có nhận thức thiên lệch, không đúng với Sự thực khách quan. Có khách là có người đóng vai khách, không phải có người đóng vai chủ, có thêm một chủ nhân nữa, nhưng cũng không phải là không có người khách nào muốn vào nhà chủ nhân. Tóm lại, Đoạn tướng là thái độ *không tướng*, chủ trương theo khuynh hướng tiến tới cảnh giới Hư Vô, cuộc sống con người không là cái gì cả.

Trong lịch sử Phật giáo, Đoạn tướng là một phương pháp tu tập rất độc đáo của một số dân tộc thiểu số tại Tây Tạng. Phương pháp này gọi là *Đoạn Giáo*, cũng gọi là *Hy Giải Giáo* truyền sang từ phía Nam Ấn Độ hồi đầu thế kỷ 12. Giáo lý gồm có hai phần thiên quân:

- Thừa nhận ma quỷ là có thật và mời gọi chúng đến.

- Chúng phát sanh ra tự tâm của hành giả, chúng không có tự tánh.

Ngày nay giáo môn chủ trương Đoạn tướng này chỉ còn rất ít tín đồ ở Tây Tạng tin theo.

* LY TƯỚNG

Ly là rời bỏ, xa lìa, buông rơi như thường nói *ly biệt, ly gián, thoát ly, viễn ly*. Trong Phật học có từ ghép đôi *xa ly*, có nghĩa đối nghịch với chấp thủ, chấp trước, nói gọn là **LY** đối nghịch với **Chấp**. **LY TƯỚNG** là rời xa, lìa bỏ, thoát khỏi mọi sự ràng buộc vướng mắc của tất cả các Tướng bên ngoài cũng như bên trong tâm thức. Tướng bên ngoài là Lục Trần gồm có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và Pháp. Tướng bên trong gồm tất cả các Tâm Pháp, tức các Tâm Sở cũng gọi là Tâm Vương. Nói cách khác, Ly Tướng là trong tâm thức không có sự phân biệt *ngã tướng* (tướng tự chính mình), *nhân tướng* (tướng người), *chúng sanh tướng* (tướng chúng sanh) và *thọ giả tướng* (tướng thọ mạng). **Ly Tướng** cũng gọi là **Ly Pháp, Vô Tướng, Phi Tướng**. Ly Tướng đối nghịch với Chấp Tướng như sau:

- Ly Tướng là chân thực, Tịch diệt Niết Bàn; Chấp Tướng là Hư vọng, sanh tử luân hồi.

- Ly Tướng là Vô vi; Chấp Tướng là Hữu Vi.

Bậc Bồ-tát tu Lục độ ba-la-mật (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ), tự mình rời khỏi tất cả các tướng một cách Vô Vi. Ly Tướng là bậc thứ nhì trong Tam Giải Thoát Môn:

- **Giải Thoát Tướng** là thực chứng Không Môn, nhận ra sanh tử luân hồi có tự tánh vốn Không.

- **Ly Tướng** là thực chứng Vô Tướng Môn,



không còn chấp cảnh Tịch thú Niết Bàn.

- **Diệt Tướng** là thực chứng Vô Tác Môn, phi hữu phi vô, chẳng phải Có mà cũng chẳng phải Không, theo Trung đạo: Tác mà Vô Tác, Vi mà Vô Vi.

Theo từ ngữ, *Chấp* là cầm lấy rồi giữ luôn, nắm cho chắc không bỏ ra. *Đoạn* là từ chối nhất quyết không cầm. *Ly* là có cầm lấy rồi sau mới buông ra, không hề cầm lấy thì không gọi là *Ly* được.

Trở lại ví dụ dẫn giải chủ nhân căn nhà với người khách đến nhà, sự phân biệt như sau:

- *Chấp Tướng* là thái độ mời khách vào nhà rồi coi khách như chủ nhà một cách mê muội sai lầm.

- *Đoạn Tướng* là thái độ đóng chặt cửa không để khách vào nhà một cách cực đoan quá khích.

- *Ly Tướng* là thái độ mời khách vào nhà thủ tục giao dịch, xong rồi khi tiễn khách ra về chủ nhân coi như không có ai tới nhà mình, căn nhà không hề có khách bước vào, ý nói tâm thức chủ nhân trở lại thanh tịnh như trước khi có khách vào trong nhà thủ tục xã giao.

Dẫn giải theo Phật học: Chủ nhân là *Tâm*, người khách là *Cảnh*, sự gặp nhau là *Duyên*. Pháp môn Ly Tướng dạy: **Khi Duyên hội thì ta kết, khi Duyên tán thì ta liễu, ta không bao giờ Phan Duyên**. Diễn nghĩa: Khi Duyên đến thì ta kết, khi Duyên đi thì ta thôi (chấm dứt), ta không bao giờ vướng mắc vào Cảnh Duyên.

* **VÔ TƯỚNG**

Vô là *Không, Không có*. Hiểu tường tận, từ ngữ này có sáu nghĩa:

- *Rất ráo là không, không có cái gì cả. Ví dụ: Vô ngã, vô thủy vô chung...*

- Tùy lúc mà không có, lúc khác thì là có. Ví dụ: Vô ý, vô tình...

- Có ít, không đủ mức độ cần thiết. Ví dụ: Vô mưu vô trí...

- Không thọ lãnh điều gì đáng lẽ phải nhận thấy. Ví dụ: Vô si, vô tâm (không biết hổ thẹn khi làm điều xấu)...

- Có thọ lãnh điều gì sai quấy nên coi như không. Ví dụ: Vô kế hoạch, vô định hướng...

- Có nghĩa đối nghịch, ngược lại. Ví dụ ; Vô minh (không sáng suốt, nghĩa là mê muội), vô lậu (không có gì rò rỉ, thiếu sót nghĩa là rất ráo hoàn hảo)...

Tâm Vô Tướng cũng gọi là *Tâm Vô*, có nghĩa như *Tâm Vô Sở Trụ, Tâm Vô Nhiễm, Tâm Tịch Diệt*... Đó là Tâm thức không trụ vào một cảnh nào, một pháp nào. Đó là Tâm Bình đẳng, không phân biệt, không lúc nào xao động, lúc nào cũng An Nhiên Tự Tại.

Trở lại ví dụ chủ nhân căn nhà và người khách đến nhà, đối chiếu với ba trường hợp đã nói về Chấp Tướng, Đoạn Tướng và Ly Tướng, ở đây trường hợp *Vô Tướng* được dẫn giải như sau: Tâm của chủ nhân đã thoát khỏi Tam giới đủ cả Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Đây là *Tâm Vô Phân Biệt*, không còn đối đãi, không còn ý niệm về chủ nhân và người khách đến nhà. Đây cũng gọi là *Tâm Bình Thường*, thanh tịnh thênh thang như Thái Hư với thái độ An Nhiên Tự Tại, nghĩa là chủ nhân vẫn tiếp nhận giao dịch với người khách đến nhà như mọi trường hợp bình thường ở thế gian nhưng *Tâm đã Vô Tướng, Vô Nhiễm*, không có một pháp nào làm xao động.

Pháp Bảo đàn kinh của Lục Tổ Huệ Năng, phẩm tư Định Huệ có câu:

Này Thiện trí thức, pháp môn của ta từ xưa tới



nay lấy Vô Niệm làm Tông, lấy Vô Tướng làm Thể, lấy Vô Trụ làm Gốc. Vô Tướng là nơi Tướng mà là khỏi Tướng... Lìa khỏi Tướng thì Pháp thể trở nên thanh tịnh...

Kinh Kim Cang phẩm năm Như Lý Thực Kiến, diễn nghĩa: Thấy Sự Thực đúng như Lễ Thật có câu: Đức Phật bảo ông Tu Bồ Đề *Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng; nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai*. Diễn nghĩa: Bất cứ điều gì hể có hình tướng đều là giả dối; nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, như vậy mới gọi được là có thấy Như Lai.

Cũng Kinh Kim Cang, phẩm 26 Pháp thân phi tướng, Đức Thế Tôn có nói bài kệ dạy người phát tâm cầu đạo:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo
Diễn nghĩa:*

Nếu căn cứ vào sắc tướng hình tượng của ta do mắt nhìn thấy hay trong óc tưởng tượng ra rồi tin rằng như thế là đã thấy gặp được ta,

Hay căn cứ vào âm thanh lời cầu nguyện do miệng mình thốt ra rồi tin rằng như thế là đủ để ta nghe thấy lời cầu nguyện,

Chính người đó đã theo tà đạo.

Và không thể nào thấy được Như Lai tức Pháp thân hay Pháp tánh Như Lai, nghĩa là Đức Như Lai chân thật. Lý do: Người đó chỉ thấy Tướng mà không thấy Tánh của Phật.

Vô Tướng cũng còn gọi là Diệt Tướng với nghĩa Tịch Diệt, không có Tướng nào trong Tâm thức, tương đương như Vô Dư Niết Bàn.

Một dẫn chứng cụ thể về Vô Tướng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, một tấm gương sáng ngời ánh Đạo quang lưu lại cho Phật tử hậu thế soi chung. Đó là trường hợp vua Trần Nhân Tông (1258-1358), Sơ Tổ thiền phái Trúc Lâm có Tông chỉ Nhập thế Hành đạo. Trong suốt cuộc đời, nhà vua đã hiển lộ sự thực chứng Vô Tướng và Ly Tướng, hòa nhập vào cuộc sống thế gian trong mọi tình thế cảnh ngộ khác nhau, tùy duyên diệu ứng trong việc hoằng pháp độ sanh:

- Vốn sẵn thiên căn thâm hậu, Thái tử Trần Khâm năm 16 tuổi đã quên mình là Thái tử tương lai sẽ lên ngôi Hoàng đế nối nghiệp nhà Trần, xin phép vua cha là Trần Thánh Tông cho xuất gia nhưng đã không được chấp thuận. Trần Khâm đóng vai Thái tử ở thế gian mà đã Ly Tướng Thái tử.

- Lên ngôi năm 20 tuổi, vua thứ ba đời nhà Trần



ở cương vị hoàng đế vua Trần Nhân Tông đã coi việc trị quốc an dân là thọ nghiệp thế gian. Người con Phật tên Trần Khâm đã tùy duyên hóa độ, thương dân như con đẻ nên ở ngôi vua mà Vô Tướng, trong Tâm không có Tướng làm vua. Quốc dân cảm nhận thấy đức Từ bi trong tình cha con ấy nên đã tôn xưng gọi là Vua Bồ Tát, Vua Phật.

- Năm 27 tuổi, vua Trần Nhân Tông đích thân cầm quân ứng chiến nơi trận tiền, đồng lao cộng khổ với quân lính đánh đuổi quân Mông Cổ đem binh hùng tướng mạnh sang mưu toan xâm chiếm đất nước của tổ tiên. Khi chiến thắng, giặc đã thua chạy không có lệnh truy kích tận diệt, không cầm tù hàng binh lại cấp cho lương thực trở về nước. Ở cương vị làm vua làm tướng chiến thắng quân ngoại xâm, nhà vua trong Tâm đã Vô tướng, không có Tướng người chiến thắng và Tướng quân thù.

- Ở cương vị Thiền sư Sơ Tổ thiền phái Trúc Lâm, vua Trần Nhân Tông chú trọng đến việc giáo hóa quốc dân, bài trừ mê tín dị đoan để tẩy sạch vô minh trong tâm thức toàn dân. Bài phú Cư Trần Lạc Đạo đã biểu lộ rõ ràng tông chỉ Nhập thế, sống an vui theo Chánh đạo. Ngay trong Tâm vị Thiền sư Sơ Tổ cũng thấy dấu ấn Vô Tướng, làm Thiền sư mà không có Tướng thiên định nữa. Bài phú Cư Trần Lạc Đạo có câu:

Đối Cảnh Vô Tâm mạc vấn Thiền!

Diễn nghĩa: Đối với mọi Cảnh Duyên giữ Tâm Vô Tướng thì há còn học hỏi thiên định làm gì, ý nói không còn cần thiết nữa.

KẾT LUẬN

Ly Tướng là pháp môn thiền quán khi hành trì Chánh Pháp tiến tới cứu cánh là Giải Thoát khỏi Luân Hồi, chứng nhập Tịch Diệt Niết Bàn. Hành giả cần nhất tâm tín nguyện:

- **Không Chấp Tướng** để thoát khỏi Dục giới và Sắc giới.

- **Không Đoạn Tướng** để thoát khỏi Vô Sắc giới, thoát khỏi thái độ quá khích Chấp Không, lạc vào Không Tướng.

- **Hành trì Ly Tướng**, coi đó là Tông chỉ, là Pháp dụng ở nơi Tướng mà lìa khỏi Tướng.

- **Thực chứng Vô Tướng**, coi đó là Pháp thể Chân Như, đây mới là cứu cánh Giải Thoát, chứng nhập Vô Dư Niết Bàn: Niệm mà Vô Niệm, Tu mà Vô Tu, Tác mà Vô Tác, Hóa độ chúng sanh mà không có sự chúng sanh được độ.

DUYÊN HẠC LÊ THÁI ẤT

thơ YÊN CHI

GỌI NẮNG CUỐI HẠ

*em về gọi nắng
thấp ngày cuối hạ
rừng chưa thay lá
ngõ vàng chiều thu*

*ru trên ngàn năm
mắt sương muôn thuở
vết thời gian lẩn
ngang tình tan vỡ*

*nhìn nhau xa lạ
đời bám rong rêu
từ tâm buông trả
sốt một lần yêu*

*chân theo tìm về
nhạc vàng thêu nắng
thoảng chút heo may
địu hương sủ trắng*

*xao xác dáng ngày
chùng trên lối quen
tóc thơm gầy nắng
tình nhớ hay quên*

*trái bóng mây hồng
lưng chiều áo hoa
gọi nắng cuối hạ
nhường gót thu qua...*



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÁNH TRUNG THU CHAY



NƯỚC ĐƯỜNG: (nấu trước ít nhất 2 tuần. Để dành càng lâu làm bánh càng ngon).

Vật liệu:

- 800 gr đường + 200 gr mạch nha
 - 2 muỗng café nước tro tàu + 3 muỗng café nước lạnh
 - 1 trái chanh to vắt lấy nước
- 1 kg nước lạnh

Cách làm:

Lấy cái nồi cho đường và nước vô quậy cho thật tan, bắc lên nấu lửa lớn. Khi sôi mới bắt đầu tính giờ, được 15 phút thì cho nước trái chanh vô xong nấu thêm 15 phút nữa, cho nước tro tàu hòa chung với nước lạnh vô. Nấu thêm 7 phút nữa thì tắt bếp để cho thật nguội; đem cân nếu còn 1 kg 300 gr hay 1kg 400 gr là ok rồi đó. Xong rồi lấy cái hủ rửa cho sạch, phơi cho khô ráo cho nước đường này vô cất, để càng lâu bánh càng ngon.

Mà nhớ nha, nấu nước đường thì đừng có quậy chỉ vớt bọt dơ thôi nha. Nếu nước đường để tủ lạnh thì phải để ra ngoài cho thật hết lạnh mới làm bánh.

VỎ BÁNH:

Vật liệu:

- 400 gr bột mì (all purposes) + 200 gr bột cake flour.
- 2 muỗng café nước tro tàu.
- 3 muỗng café rượu MAI QUẾ LỘ (option)
- 100 gr sunflower
- 400 gr nước đường thẳng
- 1 muỗng canh mạch nha.

Cách làm:

Lấy 2 thứ bột trộn chung lại, tạo thành cái trứng. Cho nước đường thẳng + nước tro tàu + rượu mai quế lộ và 1 muỗng canh mạch nha vào trộn chung, xong rồi mới cho vào bột nhồi từ từ, thấy hơi dính tay thì cho dầu ăn. Nhồi đến khi nào không còn dính tay nữa thì đem đi ủ, đậy khăn ẩm ủ từ 30 tới 45 phút.

Nếu khuôn 200 gr thì vỏ nhân là 150 gr, lấy bột cân 50 gr bột đã ủ rây bột áo xuống bàn cán mỏng và bao nhân lại (nên bỏ bột thừa khi bao nhân) và xoa dầu bên ngoài bột rồi nhân vào khuôn lấy ra, và nhớ lấy tăm xăm lên bánh vài lỗ nhỏ cho khi nướng, nó thoát hơi ra.

Tùy lò của mỗi nhà mà đem nướng. Lò nên vặn lửa trước 10 phút. Vặn 300 độ. Cho khay bánh vô nướng chừng 15 phút thì đem bánh ra, xịt nước ấm lên mỗi cái bánh, để khô ráo nước, phết nước màu lên và nướng lần thứ 2 khoảng 10 phút, bánh hơi vàng là ok (nhớ là phải canh bánh nha không thôi bị khét).

Lấy bánh ra phết nhẹ một lớp dầu mè trên mặt bánh làm cho bánh mượt mà, để thật nguội. Bao bánh lại. Thường thì vài ngày sau bánh sẽ có màu đẹp và ngon hơn.

NƯỚC MÀU PHẾT LÊN BÁNH CHAY:

- 1 muỗng canh nước đường thẳng để nhồi bột
 - 3 muỗng café dầu mè
 - 4 giọt màu trứng (Egg food color)
- 2 muỗng café nước ấm

Hòa tan nước đường + nước ấm + màu trứng + dầu mè cho đều.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

NGƯỜI CƯ SĨ HẢI NGOẠI TRƯỚC THỜI ĐẠI MỚI

Mật Nghiêm ĐẶNG NGUYỄN PHÁ

I. Cái Nhìn Cập Nhật

Nhân loại đang bước vào Thế kỷ 21, đồng thời cũng vào đầu Thiên niên kỷ thứ 3 theo Tây lịch, dù rằng theo Phật lịch thì đã qua quá nửa ngàn năm thứ ba rồi. Đứng trước thời đại mới, người cư sĩ phải có "cái nhìn" cho hợp thời và đứng đắn về nhân sinh và vũ trụ để tu hành và sống đạo. Đó là tinh thần "Khế lý, khế cơ" của đạo Phật. "Khế lý" là hợp với cơ duyên, với môi trường sống, với xã hội và nhân sinh. "Khế lý" là hợp với lẽ thật, hợp với lẽ sống, với quy luật vận hành của vũ trụ v. v. . .

Trái đất của chúng ta cho đến nay đã trải qua rất nhiều nền văn minh hiện còn lưu dấu, giờ đây đang ở vào thời kỳ của nền văn minh khoa học vật chất. Thời đại khoa học bắt đầu từ Thế kỷ 17 tiến triển trong 300 năm trở nên phong phú và rực rỡ vào Thế kỷ 20. Đây là thời đại mà tất cả chúng ta đều thấy và đang hưởng thụ với máy bay, xe hơi, truyền hình, điện thoại, computer v.v... khoa học càng phát triển thì thời gian dường như thâu ngắn lại và không gian có vẻ như thu hẹp lại. Trong khi đó thì các tôn giáo đều bị khoa học vấn nạn nhất là về mặt vũ trụ quan. Mới đây vào giữa tháng 2-2003 đài CNN loan tin về việc các khoa học gia của trung tâm NASA đã công bố về tuổi của vũ trụ này là 13.7 tỷ năm nhờ vào hình ảnh do tàu vũ trụ không người lái có tên tắt là WMAP (Wilkinson Microwave Anisotropy Probe) cung cấp. Khi các khoa học gia công bố như vậy thì mặc nhiên phủ nhận về tuổi của vũ trụ trong kinh Cựu ước đến nay khoảng gần Bảy ngàn năm của Do thái giáo, Thiên chúa giáo và Hồi giáo. Các khoa học gia phải công nhận thuyết vũ trụ của Phật giáo với Thành, Trụ, Hoại, Không tương tự như thuyết "Big Bang" mới được tìm ra năm 1929 bởi Edwin Hubble và thuyết "Hằng sa thế giới" của Phật giáo được khoa học công nhận với sự tìm ra hằng tỷ Thiên hà chứ không phải chỉ có Thiên đàng, Hòa ngục và Thế gian này. Đó là về Vũ trụ còn với Nhân sinh thì "Thuyết lượng tử và bản đồ Gene" chứng tỏ "Thuyết Tánh không và Duyên sanh" của Phật giáo đúng với khoa học.

Điều tôi vừa trình bày trên là cái nhìn về Vũ trụ và Nhân sinh của Khoa học ngày nay tương đồng với Phật giáo. Từ cơ sở đó nếu người Phật tử hiểu được thì đây là cơ hội để khoa học và Đạo Phật cùng bắt tay nhau phụng sự nhân loại và Thế kỷ 21 này là của Phật giáo và Khoa học.

II. Sự Phát Triển Của Phật Giáo Việt Nam Ở Hải Ngoại

Từ đầu thập niên 60 Đạo Phật bắt đầu có mặt bằng xương, bằng thịt với những người con Phật rải rác từ Âu sang Mỹ, qua những áo cà sa của các Lạt ma Tây tạng, rồi sau 1975 thì là những Phật tử Việt nam di tản. Tôi dẫn ra đây một vài con số về sự nở rộ của Phật giáo Việt nam tại Âu Mỹ có thể ví như mùa sen ngày hạ. Ngay tại Hoa kỳ này trước 1975 chỉ có một ngôi chùa Việt nam ở Los Angeles của cố

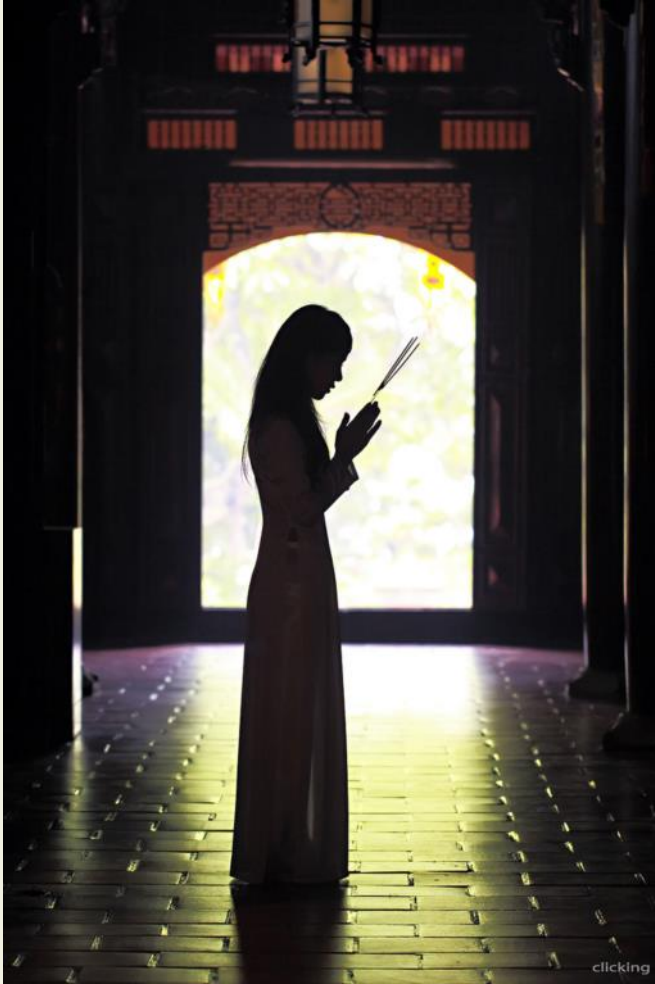
Hòa thượng Thiên Ân, nhưng đến hôm nay thì các chùa Việt nam đã nở hoa trong 39 trên 50 tiểu bang của Mỹ với số lượng là 257 chùa và riêng California chiếm con số 102 từ nhỏ đến lớn ở cả Bắc lẫn Nam của tiểu bang này. Về Âu châu cũng vậy trước kia chỉ có hai chùa Việt nam tại Pháp của Hòa thượng Huyền Vi và Thiên sư Nhật Hạnh nhưng đến nay thì tại Pháp đã có 38 chùa và toàn Âu châu gồm tất cả 77 ngôi chùa Việt. Úc châu và Canada trước kia không có nhưng hiện nay tại Úc có 43 chùa và Canada có 38 chùa Việt, còn Phi châu hiện thì chỉ có được hai chùa. Con số mà chúng tôi đưa ra ở trên là dựa vào tài liệu mới nhất của năm 2002 của Giáo hội Khất sĩ trên Thế giới, có thể còn có một số chùa chưa vào danh sách. Có một điều tôi chưa đề cập là ngay tại Á châu, ngoài lãnh thổ Việt nam cũng có tới 12 chùa do người Việt mới lập gồm một tại Philip-pines, hai tại Nhật, hai tại Népal, ba tại Ấn độ và bốn tại Đài loan. Tổng kết toàn thế giới, các chùa Việt nam Hải ngoại gồm 426 ngôi chùa tính đến hiện nay. Con số này là một khích lệ đối với người Phật tử Việt nam, nó nói lên sự phát triển của Phật giáo Việt nam tại hải ngoại. Nhưng ngược lại nó cũng đặt ra câu hỏi cho những Phật tử có tâm huyết, có niềm ưu tư với tiền đồ Phật giáo là chúng ta phải làm gì và làm sao để duy trì và phát triển sự nở rộ này, không cho tàn lụi? Và cụ thể nhất là với những Cư sĩ Việt nam tại Hải ngoại, quý vị nghĩ gì, quý vị đã làm gì và sẽ làm gì để duy trì và phát huy cho sự phát triển tốt đẹp này?

III. Người Cư Sĩ Hải Ngoại Cần Đi Đúng Đường

Phần trên chúng tôi vừa trình bày chỉ đưa ra con số các chùa mà không nói đến số lượng Phật tử bởi vì chúng tôi chưa có con số chính xác, tuy nhiên nếu lấy điển hình riêng miền Nam California này với số người Việt định cư là trên ba trăm ngàn mà đồng bào thuộc các tôn giáo khác khoảng bốn mươi ngàn như vậy tỷ số là 1/8. Sự so sánh này không có nghĩa là cứ tám người Việt thì có bảy người là Phật tử mà sự thật thì chỉ có khoảng bốn hoặc năm người là Phật tử còn 2, 3 người khác vẫn chưa theo hẳn đạo nào. Nhưng một điều mà tôi có thể khẳng định là ở khắp nơi tại hải ngoại số Phật tử bao giờ cũng đông hơn các tín đồ khác. Chúng ta đông hơn nhưng lại thiếu tổ chức, thiếu lãnh đạo, không đoàn kết và nhất là luôn bị chao đảo khi bị ngoại đạo dụ dỗ, vì chưa vững niềm tin và chưa hiểu được rằng Đạo Phật mới thật sự đem đến bình đẳng, tự do, hạnh phúc và hòa bình toàn vẹn cho nhân loại.

Trở về với tinh thần phục vụ đạo pháp và hoằng dương Phật giáo của người Cư sĩ hải ngoại, chúng tôi xin ca ngợi sự đóng góp của tất cả mọi người để các chùa nở rộ.

Chúng tôi vô cùng tán thán về nỗ lực tu học của quý vị Phật tử trong sinh hoạt "Bát quan trai", "Ngồi thiền" và "Tụng kinh" đều đặn. Theo chúng tôi



thì những việc làm trên đem đến muôn vàn phước báu, nhưng nếu muốn chuyển thành "Công đức giải thoát" thì người tụng kinh cần phải hiểu kinh và đem áp dụng lời Phật dạy trong kinh vào đời. Tu theo Đạo Phật cần phải đủ "Phước và Trí", tụng kinh là có phước nhưng nếu được nghe giảng kinh để hiểu đúng chính kiến mới có huệ, rồi đem thực hành vào đời thì mới tròn điều gọi là "Phước Huệ song tu" và mới chắc chắn đi vào con đường hướng đến giải thoát.

Trở lại vấn đề con đường chúng ta đi trong xã hội Âu Mỹ ngày nay, người Phật tử Việt nam cùng một lúc phải đáp ứng hai việc:

* Một là hội nhập với đời sống xã hội và văn hóa nơi mình cư trú.

* Hai là phát huy tinh thần Phật giáo ngay trong cuộc sống mới, áp dụng đúng nghĩa "**Tùy duyên bất biến**" tức tùy mỗi trường và hoàn cảnh mà không để mất đi cái bản sắc Phật giáo.

Trong sinh hoạt đời sống, người Mỹ thường nhắc tới chữ "mainstream" tức là "dòng chính". Vậy dòng chính của người Phật tử là gì? Là dòng tâm hướng thiện, vị tha, quên mình, được thắp sáng bởi lửa Từ bi và Trí tuệ để thắm tô cuộc sống và làm ấm lòng người khác. Từ đó dần dần chuyển hóa xã hội mà mình hội nhập.

Thế giới ngày nay đang phát triển với hai đặc điểm là:

* Xã hội tin học và

* Xã hội hướng đến "toàn cầu hóa" về Kinh tế.

Đứng trước bối cảnh này người Phật tử phải áp dụng Phật Pháp vào đời, bổ túc cho khoa học bằng phát huy ba hướng sau đây:

1. Khoa học thì duy nghiệm, Phật giáo thì chứng nghiệm và chứng lý.

2. Khoa học thì phân tích, còn Phật giáo thì vừa phân tích vừa tổng hợp qua trực giác tâm linh.

3. Khoa học khuyến khích cạnh tranh và phát sinh mâu thuẫn, Phật giáo thì hợp tác và hòa đồng.

Muốn hoàn tất ba điều trên thì người Phật tử phải hiểu Đạo và tích cực hành Đạo trong môi trường mới để tiến tới thực tu thực chứng mới mong chuyển hóa được mình và người.

Con đường đúng là con đường "Đạo chẳng lìa Đời", con đường phục vụ chúng sanh, quên mình vì người và không cầu danh lợi, tất cả vì Đạo pháp.

IV. Vấn Đề Tu Thời Nay

Chúng ta đang sống trong một thế giới tiến bộ, khoa học, khác xa với thời đức Phật, cách đây 2,500 năm, vì vậy việc tu học cũng phải khác. Nhưng, Đạo Phật không bao giờ lỗi thời vì chủ trương "Khế cơ, Khế lý", tức hợp thời, hợp cảnh, hợp lẽ thật và tùy duyên. Thế nhưng, chúng ta không được quên điểm chính của Đạo Phật là "**Tu tâm**" nên mọi sự việc và hình thức bên ngoài đều chỉ là phương tiện. Tu theo Đạo Phật là trong mọi hoàn cảnh đều phải "**trở về Tâm**" cho nên giáo lý Phật nói là "**Tu ở mọi nơi, trong mọi lúc**". Câu này nói lên việc "**Xóa bỏ giáo điều và hình thức**", lại cũng không trói buộc ai, mà mỗi người và mọi người sẽ "**Tự tu, tự hành, tự thành Phật Đạo**". Nhưng, đây không phải là kiểu đánh võ tự do mà có mũi tên chỉ đường là giáo lý thực nghiệm của "**Bốn sự thật mẫu nhiệm**" và "**Tám điều thực hành chân chính**" tức Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo.

Tu ngày nay khó hơn thời xưa nhiều vì ngoại cảnh lôi cuốn con người khiến chúng ta luôn luôn mất mình trong cuộc sống, đó là ta luôn thường chạy theo cảnh, theo tình mà quên mất tâm tình. Ở đây chúng tôi không nói đến cách tu vì đó thuộc phạm vi giảng dạy của các tu sĩ, hơn nữa Đạo Phật đã chỉ rõ là có tám vạn bốn ngàn pháp môn, nghĩa là rất nhiều phương pháp, bởi nó còn phải tùy theo căn cơ và phước đức của mỗi người mà áp dụng, không có một công thức cố định nào. Tôi chỉ xin quý vị lưu ý ba điều, đó là:

Thứ nhất: Thời đại này rất ồn náo khó định và tịnh để trở về Tâm.

Thứ hai: Khoa học càng phát triển thì sanh mạng con người càng gặp nhiều thử thách và bất an.

Thứ ba: Được làm người rất quý, phải tu ngay kẻo trễ và phải luôn nhớ rằng "Phật xa, ma gần" để mà tỉnh giác.

Sau khi biết rõ những điểm trên thì người Phật tử với sự hướng dẫn của giáo lý và sự chỉ dẫn của vị Thầy hay bạn vững tâm đi tìm con đường giác ngộ, giải thoát cho mình trong thế giới tạm bợ và phù du này.

V. Nhận Định Về Tương Lai

Sự nở rộ của Phật giáo Việt nam tại hải ngoại trong gần ba chục năm qua là một điều mừng, nhưng nhìn vào thực tế thì nó "**Có lượng nhưng chưa có phẩm**". Đây có thể gọi là thời kỳ phát triển mà cần phải 20 năm nữa để ổn định. Thời kỳ ổn định là lúc mà số lượng chùa rút bớt đi, nhưng được củng cố vững vàng hơn về mặt tổ chức cũng như bảo trợ, với sự đóng góp của những người địa phương và thế hệ trẻ Việt sinh trưởng tại hải ngoại.

Thực trạng của các chùa Việt nam ở hải ngoại ngày nay là một hiện tượng phát triển theo nhu cầu của các Phật tử hải ngoại. Họ đã quy tụ từng nhóm, từng khu vực, rồi tìm các Thầy hay Sư cô mà lập "Đạo tràng". Sau đó "chuyển nhà thành chùa" tức

"Cải gia vi tư". Hiện tượng này đang diễn ra khắp nơi, về mặt hình thức thì cũng hay nhưng nó chỉ mang tính chất tạm thời, để đáp ứng nhu cầu, chứ không phải tạo cơ sở tu học bền vững. Tại sao?

Vì những nơi đó thiếu Tăng đoàn, thiếu giảng sư thuyết pháp, chỉ nhằm cầu an, cầu siêu và tụng kinh một cách máy móc, cơ sở lại chật hẹp, bị chung quanh khiêu nại, chính quyền không cho phép tu tập đông, cấm chuông mõ ồn ào, thế thì làm sao thành cơ sở tu học bền vững được. Đây là chúng tôi chưa kể về những ngôi Chùa và Tịnh thất tạm này phải trả tiền nhà đến hàng mấy chục năm, mà Phật tử bảo trợ ngày một ít đi, các Thầy hay các Cô trụ trì không có lợi tức nào để đóng tiền nhà khiến càng ngày càng khó khăn, rồi phải tự động đóng cửa. Tình trạng này đã và đang xảy ra, nên chúng ta phải sáng suốt mà tìm giải pháp. Mong rằng chư Tôn đức Tăng Ni lưu ý và quý vị Phật tử cần trọng. Theo ý kiến riêng của chúng tôi là nếu Đạo Phật trong Cộng đồng Việt nam Hải ngoại muốn phát triển thì chư Tăng Ni phải ngồi lại với nhau, thành lập những "Giáo đoàn hoằng pháp". Còn vấn đề phương tiện vật chất thì để các Phật tử tại gia đảm trách, hỗ trợ. Vấn đề "Đổi nhà thành chùa", nên mua lại các nhà thờ Tin Lành hiện bán rất nhiều mà lập chùa, vì nơi đó có cơ sở rộng và đã được phép chính quyền cho tập trung đông, không trở ngại về mặt sinh hoạt.

Tóm lại trong tương lai nếu muốn còn tồn tại và đứng vững thì từ việc hoằng pháp đến tổ chức và cơ sở đều phải xem xét lại và cần có một cái nhìn mới để phát triển thật sự hữu ích, cũng phải nhằm vào ngay giới trẻ Việt nam và đến cả những người ngoại quốc nữa.

VI. Kết Luận

Hiện tượng người Việt bỏ nước ra đi sau năm 1975 đã làm ngạc nhiên thế giới về mặt sự việc, nhưng có lẽ ít ai nhìn thấy về mặt tâm linh là hạt giống Bồ đề đã được tung ra từ Việt nam để "Chuẩn bị cho một thời đại mới", với những bầy con Phật Tây tạng trên triền Hy mã Lạp sơn, cùng bầy con Phật dưới đồng bằng dòng Cửu long giang đang lang thang khắp chốn, để gieo mầm giải thoát hầu chuyển hóa thế giới.

Trái đất của chúng ta đang bước vào một kỷ nguyên mới, một thời đại mà "khoa học thực nghiệm vật chất" cần đến sự quân bình của "khoa học chứng nghiệm tâm linh", mà chỉ Đạo Phật là tôn giáo duy nhất có thể đáp ứng nhu cầu này.

Nhân loại đang tiến và còn tiến mãi, đang mới và còn mới mãi, không một cá nhân, một đoàn thể, một quốc gia hay một tôn giáo nào có thể cản được trào lưu tiến hóa này. Chúng ta, những người Cư sĩ Phật giáo hải ngoại xin hãy chuẩn bị tinh thần và giúp đỡ tư lương cho con cháu mình nhập cuộc.

Để kết thúc tôi xin kính tặng quý vị bốn câu thơ trong bài "Viễn Du" của tôi mang ý khoa học tâm linh để làm chút duyên gặp gỡ hôm nay:

"Một hạt cát rung rinh vũ trụ,
Một cánh hoa thắm cả ngàn thu,
Dòng sinh hóa lúc tan, lúc tụ,
Cả Thiên hà vui cuộc Viễn Du."

Vâng, thưa Quý vị hành trang đã đủ, phương tiện đã sẵn sàng, xin mời tất cả cùng với Vũ Trụ "vui cuộc Viễn Du", vào thời đại mới... Thời Đại Của Phật Giáo và Khoa Học.

Mật Nghiêm ĐẶNG NGUYỄN PHẢ



CÓ MỘT NGÀY Chợt THẤY ĐỜI LÀ MỘNG

(Riêng tặng Trần Bảo Như)

*Có một ngày chợt thấy Ta là mộng
Bóng đối hình hiện hiện lòng đáy sóng
Ta là nước? Hay Ta là bọt sóng?
Không, vẫn là thân tứ đại giai Không.*

*Có một ngày chợt thấy Người là mộng
Ngồi bên nhau trao đổi chuyện vầng trăng
Chiếc lá rơi, Người và Ta xao động
Đêm, trăng tàn, bóng lặng lẽ xa thân.*

*Có một ngày chợt thấy Tình là mộng.
Ta với Người là huyền ảo phù du
Oi! Vết nắng đến rồi đi nhẹ mỏng
Trời sương mù báo hiệu sắp vào thu*

*Có một ngày chợt thấy Đời là mộng
Chiếc lá xanh vừa héo úa ngoài sông
Thoáng trăm năm thuyền lênh đênh theo sóng
Được-mắt còn... mở hồn độn bồng bong.*

*Rồi một ngày lòng không còn vọng động
Cửa Vô Môn (*) khép-mở đẩy ta xa
Kỳ diệu quá! không thấy Ta thấy bóng
A!!! Thì ra Ta thoát lưới Ta Bà.*

thơ **KIỀU MỘNG HÀ**
May 06.2014

(*) Còn gọi Cửa-không-cửa

Một mình

NGỌC BẢO

Buổi sáng một mình đi bộ trên con đường ngập cây lá đã thành một thói quen không thể thiếu của tôi. Cũng là một nhân duyên, trước đây lâu lắm rồi, nơi tôi ở chỉ cách khu này chừng vài block đường, thỉnh thoảng có dịp đi ngang thấy có cảm tình với khung cảnh ở đây, nhưng không bao giờ nghĩ là sẽ có ngày dọn về đây ở. Thế mà, như có sự xếp đặt, chỉ một ít năm sau tôi đã về sở hữu một căn nhà trong khu này, mặc dù là căn nhà nhỏ nhất...

Bốn mùa xuân hạ thu đông tôi đã đi qua những lối đi uốn khúc bên ngoài những ngôi nhà xinh xắn, qua công viên bắt ngát cỏ xanh, gặp những bóng dáng quen thuộc, dù trời nóng hay lạnh, trong ánh nắng lung linh hay dưới mây mù bao phủ. Mùa xuân đang đến cho hoa nở rộ, trong những mảnh vườn nhà những đóa freesias đủ màu đang tung bừng khoe sắc bên cạnh những cụm azaleas tươi thắm, những luống hồng rực rỡ. Khu phố này lúc nào cũng tĩnh mịch như tờ, lâu lâu mới thấy có một bóng người hay một chiếc xe đi ngang. Không gian hoàn toàn tĩnh lặng, chỉ có một mình ta với ta - nhưng cũng ngập tràn bình yên, đầy đủ trong sự hòa điệu cùng thiên nhiên. Sự hài hòa của không gian yên tĩnh và những âm thanh của tiếng gió rì rào, tiếng lá cây xào xạc, tiếng chim hót líu lo, tiếng chó sủa, cũng như tiếng bước chân và ... tiếng nói trong tâm.

Con người ta thường rất sợ cô đơn, một mình. Thế nhưng có những lúc một mình lại là lúc an bình và thanh thản nhất. Suy cho cùng thì chúng ta sinh ra một mình, chết đi cũng một mình, và có những nỗi niềm không thể diễn tả cùng ai, chỉ có một mình mình biết. Thế thì tại sao không tập làm quen sống một mình, hay nói cách khác, sống với chính mình? Có thể vì chúng ta không biết "mình là ai" và cảm thấy bất an, sợ hãi trước sự bất minh ấy. Câu hỏi muôn thuở "ta từ đâu tới, và đi về đâu" không bao giờ có câu trả lời rõ ràng nhất định, mà phải mỗi người tự tìm ra cho mình. Chính những lúc ở một mình, không bị cuốn theo những cảnh tượng xôn xao bên ngoài, ta mới có dịp để nhìn lại chính mình, hay nói đúng hơn, trở lại với tâm mình. Tâm ta lúc nào cũng ở đó, như ngôi nhà quen thuộc bị bỏ quên, hay như người bạn tri kỷ nhưng không bao giờ được biết đến.

Tôi chợt nhớ đến những lời phiếm luận gần đây của một nhóm bạn về chữ "tri kỷ". Tri kỷ như Bá Nha và Tử Kỳ, một người đem tâm sự trải vào tiếng đàn mà chỉ người kia mới có thể thấu hiểu được tâm sự ấy. Khi không còn người kia, tiếng đàn cũng không còn ý nghĩa. Nỗi niềm biết tỏ cùng ai ấy thật là ai oán. Và chỉ khi có nỗi niềm người ta mới muốn có tri kỷ. Nỗi niềm của Nguyễn Du đã được gói gắm vào những nhân vật hồng nhan đa tài mà đa truân bị đời vui dập, qua những lời than thở:



**Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan ngã tự cư**
(*Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi
Cái án phong lưu khách tự mang*)

Để rồi cảm khái cho chính mình:

**Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như**
(*Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa
Người đời có ai khóc Tố Như?*)

Thiên hạ bao la, nhưng trên đời này có mấy ai gặp được tri kỷ, để nhiều lúc phải cười đau khóc hận, ôm mối tâm sự một mình. Thế thì đi tìm tri kỷ cũng như tìm trăng dưới đáy nước, nếu có gặp được cũng chỉ là một cái duyên, có hợp rồi có tan, như tất cả những nhân duyên trên cõi đời này. Dù có gặp được tri kỷ, mỗi người cũng vẫn là một thế giới cách biệt, có cảm thông cũng chẳng làm gì được cho nhau, vì ai nấy đều phải sống cuộc đời của mình, đối diện với những vấn đề của mình, không ai có thể cảm nhận được hoàn toàn những điều người khác cảm nhận. Mặc dù vậy, nếu biết hiện tại có một người tri kỷ, đâu người ấy ở xa ngàn trùng, cũng cảm thấy ấm lòng.

Nếu xây đắp hạnh phúc hay sự an lạc của mình trên những đối tượng bên ngoài hay những gì do duyên hợp, chắc chắn sẽ không khỏi có lúc buồn đau hụt hẫng, bởi vì những gì do duyên hợp đều phù du huyền ảo như giấc mộng, như bọt nước, như sương rơi. Trên thế giới này, tất cả mọi thứ đều luôn luôn chuyển biến, và con người cũng không ngừng thay đổi, không bao giờ đứng lại một chỗ. Vì vậy, những vấn đề của ngày hôm qua có thể không còn là vấn đề của ngày hôm nay, và những nỗi niềm ôm ấp lâu nay đến lúc nào đó sẽ nhạt nhòa phai tàn cùng với thời gian. Tri kỷ ngày hôm nay có thể không còn là tri kỷ của ngày mai. Có những người bạn trước đây thật thân thiết nhưng ngày nay gặp lại nhiều khi cũng chỉ trao đổi vài ba câu chuyện rồi đường ai nấy đi, vì hoàn cảnh đã thay đổi, tâm tình cũng không còn như xưa.

Một lúc nào đó, dù có một đời sống thế nào, hạnh phúc hay đau khổ, may mắn hay bất hạnh, chúng ta sẽ chỉ còn lại một mình, đối diện với chính mình. Nếu chưa bao giờ biết sống một mình, chắc hẳn sẽ có rất nhiều bất an và phiền muộn, không biết làm gì cho lấp đầy khoảng trống. Biết sống một mình không có nghĩa là xa lánh đời, xa lánh người mà chỉ biết đến mình. Sống một mình như vậy chỉ là theo hình tướng, nếu thực chất vẫn còn đầy vô minh phiền não thì cũng chẳng ích gì. Biết sống một mình

là ý, thức được sự huyền hóa trong cuộc đời và đi tìm sự thường hằng an lạc nơi chính mình, qua sự tìm hiểu khai phá thân và tâm mình. Tập trung tư tưởng trong sự thấy biết thân và tâm, cảm nhận sự sống hiện tại qua từng hơi thở, từng niệm khởi đến đi là trở về với Tánh Giác thường hằng sẵn có. Và từ nền tảng bao la của Tánh Giác đó, những năng lực chuyển hóa mầu nhiệm có thể được phát



khởi, cho ta sức mạnh nội tại để có thể an nhiên vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc đời.

Trong kinh Phật có kể chuyện một vị tỳ kheo khất sĩ lúc nào cũng thích sống một mình, đi khất thực một mình, thọ trai một mình, ngồi thiền một mình, không giao du hòa nhập với các tỳ kheo khác trong Tăng chúng. Đức Phật nghe kể lại mới gọi ông đến hỏi rằng:

- Nghe nói ông thích sống một mình, vậy ông sống một mình như thế nào?

Khất sĩ đáp:

- Bạch Thế Tôn, con chỉ sống một mình một nơi, ca ngợi hạnh sống một mình, một mình đi khất thực, một mình ra khỏi xóm làng, một mình ngồi thiền, thể thời.

Phật bảo:

- Ông đúng là người thích sống một mình - tôi không nói vậy là không phải, nhưng tôi biết có một cách sống một mình thật là mầu nhiệm. Đó là sự quán chiếu thấy rằng quá khứ đã không còn, tương lai thì chưa tới, nên an nhiên sống trong hiện tại mà không vướng mắc vào những ước vọng ràng buộc. Người thức giả sống như thế, tâm không do dự, bỏ hết mọi lo âu hối tiếc, xa lìa mọi tham dục trên thế gian, cắt đứt những sợi dây ràng buộc lôi kéo mình. Đó gọi là thực sự biết sống một mình. Không có cách nào sống một mình mầu nhiệm hơn thế được.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ như sau:

*Quán chiếu vào cuộc đời
Thấy rõ được vạn pháp
Không kẹt vào pháp nào
Lìa xa mọi ái nhiễm
Sống an lạc như thế
Là biết sống một mình.*

Như vậy, sống một mình tức là sống an vui tự tại vì đã thấy rõ được bản chất hư ảo của cuộc đời, nên xả bỏ cái Ngã đầy chấp trước si mê, nguồn gốc của mọi phiền não đau khổ. Điều nghịch lý kỳ diệu là người biết sống một mình lại chính là người biết quên mình đi, như thiền sư Đạo Nguyên nói:

*Học đạo là học về tự ngã
Học về tự ngã là quên đi tự ngã...*

Có những người sống trong cảnh cô độc nhưng không cô đơn, lúc nào cũng an nhiên tự tại, vì họ đã

có một niềm tin để nương tựa. Niềm tin đó có thể là nơi một năng lực tối cao nào đó, có thể là nơi chính mình. Những người tu niệm Phật có thể chuyển hóa được tâm thân, có sức mạnh vượt qua những hoàn cảnh khó khăn đau khổ. Những người quen tu Thiền quán chiếu tâm có thể khai phát được khả năng tự biết mình của trí tuệ Bát Nhã thấu suốt, từ đó có cái nhìn chánh kiến đối với những gì đến và đi trước mắt. Và

trong quá trình trở về tâm đó, một lúc nào đó bỗng khám phá ra một người bạn tri kỷ từ muôn kiếp ở ngay nơi tâm mình. Người ấy chính là ta, vì đã trải qua tất cả những gì ta đã trải qua, cảm nhận tất cả những gì ta đã cảm nhận, nhưng không phải là cái ta của vô minh phiền não, mà là một hiện hữu không hình không tướng, không sanh không diệt, tách rời khỏi thân tâm vô thường hoại diệt đầy những cảm xúc hỷ nộ ái ố này. Người ấy bao la như hư không, trước khi ta sinh ra người ấy đã có mặt, và khi thân này trở về với cát bụi, người ấy cũng không mất đi. Đại sư Sogyal Rinpoche nói rằng mỗi khi ngồi thiền là cảm thấy vui mừng hoan hỉ như gặp lại được một người bạn thân từ thuở nào. Người ấy vẫn ở cạnh ta từ lâu nay, nhưng ta không bao giờ biết đến vì mây mù của vọng tưởng che khuất. Chỉ khi nào thức tỉnh, tâm đã trong sáng, ta mới nhận ra rằng thật ra người ấy vẫn hiển lộ với ta từng giây từng phút, qua Tánh Giác thường chiếu, qua "tiếng nói Lương Tri" nhắc nhở làm lành lánh dữ, giữ thân tâm thanh tịnh để không gây tạo nghiệp báo oan khiên. Ngộ được người ấy nơi chính ta là tìm lại được người chủ cho căn nhà thân tâm của mình đã bị bỏ hoang phế từ lâu nay, và có được một nguồn an trú bất tuyệt để có thể sống tự tại ngay trong vòng ảo hóa của tử sinh. Một thiền sư đã có bài kệ như sau:

*Đừng nhờ ai tìm kiếm
Lần hồi lơ với Ta
Giờ một mình Ta bước
Đâu đâu cũng gặp mi
Nay mi chính là Ta
Ta không phải là mi
Nếu hiểu được như thế
Mới gặp đúng Như Như...*

Khi chưa ngộ thì ta không phải là Người ấy, nhưng khi ngộ rồi thì Người ấy chính là ta. Khi chưa ngộ thì chúng sanh không phải là Phật - khi ngộ rồi thì Phật chính là chúng sanh. Biết được như vậy thì ta có thể sống tự tại thoải mái với chính mình, dù trong chốn thâm sơn cùng cốc, hay ngay giữa đám đông ồn ào náo nhiệt. Đó là cách sống một mình mầu nhiệm nhất.

Ngọc Bào
(www.ngocbao.org)

thơ

PHÙ DU

MƯA RỪNG

*lên ngang chớp núi gập ghềnh
đá lay vực tháp, lá bành bông hoa
thoắt nghe rừng động âm ba
cây run xao xác thân già nặng mưa.*

TIẾNG RU

*trông lên nắng sáng về nguồn
tay xuân áp má vọng buồn tiếng thu
đỏ trời chấp cánh lãng du
nơi em biếc gió để ru ân tình.*

BÓN MÙA TRẦN GIAN CÓ EM

*em nghiêng vành nón đón trời đông
bước chân nhẹ đến mộng thu hồng
nắng hạ diu em vào nụ gió
cho ngát tình xuân mưa mênh mông*

*sắc hạ nâng niu giấc miên trường
diễm kiều em buộc môi tơ vương
trong mắt em trời nghiêng cánh hạ
giác nghệ thường suốt mộng yêu đương*

*mạn sắc hồn thu ta say sưa
lá xuống trần gian nhẹ cánh mơ
thuở hôn nhiên có em cài tóc
em quyến rũ ta tự ngàn xưa.*

*trần gian em bẻ cánh sương mù
mưa đông từ đó giọt thiên thu.*

TÌNH XA

*gặp nhau lòng những hững hờ
em xa hồn vía ngậy ngô hỏi chào
vóc mai từ độ gây hao
héo hon cũng tự thuở nào xa xôi
em xa tay vẫy tình tôi
tình bay như lá mục đời trăm năm.*



MÙA GIÓ RỚT

*trong sa mù
mặt trời che mặt
ta rồi ta
đỏ chút nắng phù du
thân cầu rêu
thành đá xám
hạnh phúc cô đơn mùa gió rớt
ta rồi ta
nhọt nhạt hư không
trên cành hoa
một sương mai nhỏ vỡ
ta cùng ta
tiếng nổ vô âm.*

MƯA KHUYA

*mây bay mùa chơi vơi
vườn trinh khiết biếng cười
lưng lay bầu trắng úa
mưa buồn rung như lụa
em ngồi trong đêm trôi
xuôi theo tình mong ai
ngàn trùng ai xa rồi.*

BỆNH SẠN THẬN

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



Sạn Thận hoặc Sạn đường Tiết niệu là bệnh rất xưa và thường xảy ra. Chỉ cần bị bệnh một lần là ta nhớ mãi những cơn đau khiết đâm mà sạn gây ra khi nó di chuyển trong đường tiết niệu. Có người nói là đau sạn thận còn khủng khiếp hơn khi các bà đau bụng "vượt cạn chỉ có một mình."

Ngày nay, nhờ nhiều phương pháp điều trị tiên bộ, sạn được loại bỏ dễ dàng, mau lẹ và an toàn. Sau đó, với các phương pháp phòng ngừa hữu hiệu, bệnh ít có nguy cơ tái phát và con người tránh được sự ô m bụng kêu đau.

Đại cương

Sạn là kết quả của một loạt những phản ứng hóa học, trong đó nước tiểu trở nên quá đậm đặc khiến các chất calcium oxalate, uric acid, cystine kết tinh lại thành những hạt nhỏ. Rồi với thời gian, các hạt nhỏ này kết tụ dần dần thành cục sạn lớn.

Bệnh có thể xảy ra cho nhiều người trong một gia đình hoặc gây ra do các rối loạn của ruột, tuyến giáp trạng hoặc do khiếm khuyết trong cấu tạo của hai trái thận.

Đàn ông bị sạn thận gấp đôi đàn bà. Cho tới tuổi 70 tuổi thì 5% nữ giới và 9% nam giới đều mắc bệnh sạn thận ít nhất một lần. Sau đó sạn thường hay tái phát. Người da trắng bị sạn nhiều hơn người da màu.

Bệnh thường xảy ra cho dân cư sống ở vùng khí hậu khô nóng hơn là ở nơi nhiệt độ ôn hòa. Không uống nước đầy đủ khiến nồng độ nước tiểu cô đặc là một trong nhiều yếu tố đưa đến sạn kết tinh.

Một vài dược phẩm như triamterene, acetazolamide có thể gây ra sạn thận. Tiêu thụ thực phẩm nhiều oxalate cũng có thể là một nguy cơ.

Các loại sạn

Sạn thận có thể do nhiều hóa chất tạo thành.

1. Sạn calcium.

Có tới 75% sạn được cấu tạo bằng chất calcium (oxalate, phos phate, carbonate). Nam giới bị loại sạn này nhiều gấp hai ba lần nữ giới. Sạn bắt đầu

vào tuổi từ 20 đến 30 và hay tái phát vào những năm sau đó. Calcium oxalate là nhiều nhất và thường thường là do ăn thực phẩm có nhiều hóa chất này hoặc do hậu quả các bệnh ở ruột hoặc tăng chức năng tuyến cận giáp mà ra.

2. Sạn uric acid.

Chiếm 10% các loại sạn thận và cũng có nhiều ở đàn ông. Người bị sạn này thường cũng bị bệnh thống phong (gout).

3. Sạn cystine. 1%, thường do di truyền gây ra.

4. Sạn struvite.

To, đôi khi làm nghẹt thận, gây ra do các bệnh nhiễm trùng đường tiểu tiện.

Các loại sạn trên có thể nhỏ như hạt cát hoặc lớn như trái banh bóng bàn; có thể trơn tru nhẵn nhụi hay sắc cạnh.

Sạn được tạo ra trong trái thận hay trong ống dẫn nước tiểu.

Thường thường sạn thận không gây đau trừ khi nó di chuyển từ thận xuống ống dẫn tiểu. Những cơn đau này rất dữ dội khiến người bệnh nhớ suốt đời.

Nguy cơ gây sạn:

- Sạn thận xảy ra khi ta không uống đầy đủ nước, nước tiểu trở nên đậm đặc, các hóa chất kể trên kết tinh;
- Khi ta ăn quá nhiều vài thực phẩm như bơ, sữa, chocolate, đậu phộng;
- Khi có nhiễm trùng đường tiết niệu;
- Trước đây đã có sạn;
- Đàn ông;
- Trong gia đình có thân nhân bị sạn.

Triệu chứng

Cơn đau do sạn di chuyển hoặc kẹt ở thận, ống dẫn nước tiểu đều rất dữ dội và xảy ra bất thình lình. Đau xuất phát ở một bên mạng mỡ hay bụng dưới, chạy xuống bẹn, bắp đùi. Các cơn đau không thuyên giảm với thay đổi vị trí nằm, ngồi hoặc sau khi uống thuốc chống đau không có chất á phiện. Đôi khi bệnh nhân bị sốt, ớn lạnh, ỉa đái ra máu, ói mửa.

Bình thường, sạn hiện diện trong âm thầm. Cho nên tìm ra sạn đôi khi là do tình cờ chụp quang tuyến bụng trong lúc điều trị các bệnh khác hoặc đi tiểu tiện ra sạn nhỏ.

Khi nghi ngờ có sạn, bác sĩ sẽ thử nước tiểu coi xem có lẫn máu và nhiễm trùng không; rồi sẽ cho chụp hình quang tuyến các loại để xác định sự hiện diện của sạn.

Điều trị

Để chữa sạn thận, các nhà chuyên môn về khoa tiết niệu có thể áp dụng mấy cách sau đây:

A) Theo dõi - Đợi chờ.

Trong nhiều trường hợp, sạn nhỏ có thể được tiểu tiện ra ngoài, nhất là khi ta uống nhiều nước. Mỗi lần tiểu, lọc coi có sạn nhỏ trong nước tiểu, đưa bác sĩ để



phân loại.

B) Dùng thuốc. Tùy theo loại sạn, sẽ có được phẩm thích hợp.

Nếu sạn loại uric acid thì thuốc Allopurinol sẽ làm giảm hóa chất này trong máu, dung dịch Bicarbonate làm tan sạn. Đồng thời cần uống nhiều nước.

Sạn cystine thường rất hiếm, thuốc Penicillamine, Tiopronon thường được dùng để làm giảm cystine. Nên uống nhiều nước.

Khi sạn gây ra nhiễm trùng đường tiểu tiện, thuốc kháng sinh được dùng trước khi sạn được lấy ra.

C) Nghiền sạn bằng sóng lực trong nước (Shock wave lithotripsy):

Đây là phương pháp trị liệu tương đối mới, được sáng chế bên Tây Đức và bắt đầu dùng ở Hoa Kỳ từ năm 1984.

Có nhiều loại máy nhưng nguyên tắc chung giống nhau: máy tạo ra những đợt sóng lực có sức mạnh làm rạn nứt, tan vỡ sạn mà không gây thương tích cho cơ thể. Phương pháp này được áp dụng cho trường hợp sạn nằm ở thận hoặc phần trên của ống nước tiểu.

Người bệnh nằm trên một cái nệm nước hay trong bể nước, các đợt sóng có sức mạnh chuyển qua nước, dội vào nơi có sạn. Trung bình cần từ 200 tới 400 đợt sóng để làm vỡ sạn, đôi khi cần tới 1500 đợt. Thời gian chạy máy lâu khoảng từ 45 phút tới một giờ.

Phương pháp có thể thực hiện trong ngày, sau vài giờ theo dõi, bệnh nhân có thể về nhà. Thường thường không cần đánh thuốc mê, nhưng để bớt đau, bệnh nhân được cho liều thuốc an thần. Bệnh nhân cũng mang máy bịt tai để tránh âm thanh to do sóng lực gây ra.

Khi về nhà, cần uống nhiều nước, đi tới đi lui, tiểu tiện ngay khi mót đái, lọc nước tiểu để theo dõi sạn ra nhiều hay ít.

D) Giải phẫu.

Khi sạn quá lớn mà các phương pháp trên không có kết quả thì nhiều phương thức giải phẫu được áp dụng và bệnh nhân cần được nhập bệnh viện để giải phẫu.

Với sạn nhỏ, bác sĩ có thể đưa một ống plastic đầu có dụng cụ gấp sạn vào ống tiểu hoặc thận để gấp sạn ra.

Phòng ngừa lâu dài

Mỗi lần đau sạn là một kỷ niệm đáng ghi nhớ. Cho nên để tránh sạn tái phát, người bệnh cần biết cách phòng ngừa, gồm có:

a- Uống nhiều nước để tránh tình trạng thiếu nước trong cơ thể, khiến nước tiểu cô đặc tạo ra cơ hội thuận tiện cho sạn kết tinh, đóng cục. Có bác sĩ khuyên phải uống chừng 10 ly nước một ngày. Tránh chất lỏng làm mất nước trong cơ thể như cà phê, rượu. Nhưng khi đau là lúc sạn di chuyển trong ống thì không nên uống nước. Sạn có thể làm kẹt niệu quản, đưa tới phình nở các khoang ở thận.

b- Ăn kiêng: sạn được cấu tạo bởi hóa chất có trong vài thực phẩm, nên ta cần tránh. Khi bị sạn calcium, ta cần giảm thiểu thực phẩm nhiều calcium như bơ sữa, chocolate, đậu phộng; với sạn uric acid thì ta cần bớt ăn thịt vì thịt làm tăng purine, tiền thân của acid này; còn sạn cystine thì cần giới hạn cá vì cá có nhiều chất cystine.

c- Uống thuốc theo toa bác sĩ và giữ hẹn để được theo dõi tình trạng sạn. Sự theo dõi này cần thực hiện hầu như suốt đời.

Kết luận

Trong tất cả các trường hợp sạn bộ máy tiết niệu, số lượng nước tiêu thụ hàng ngày có một vai trò rất quan trọng. Nước uống làm nước tiểu loãng và ngăn ngừa các tinh thể gây sạn kết tụ với nhau. Cho nên, mỗi ngày, người bị bệnh sạn thận cần uống ít nhất tám ly nước hoặc nhiều hơn.

Xin lưu ý là một số thực phẩm làm thay đổi mức độ kiềm hoặc acid của nước tiểu (chỉ số pH) và có ảnh hưởng tới sự kết tinh các hóa chất trong sạn thận.

Rau, trái cây (ngoại trừ trái prune, plums, cranberries), sữa, làm nước tiểu có độ kiềm.

Thực phẩm có nhiều chất đạm như thịt, cá, trứng, pho mát; trái plumb, prunes, cranberries, ngô bắp, đậu lentils làm nước tiểu có độ acid.

Ngoài ra, kinh nghiệm các cụ ta là nước sắc rễ đu đủ, nước ngô và râu ngô luộc, nước sắc cây râu mèo cũng được dùng để làm tiêu sạn.

Xin quý thân hữu dùng thử coi xem có công hiệu không. Vừa rẻ tiền vừa không sợ tác dụng phụ của hóa chất trong dược phẩm.

www.bsnguyenyduc.com



HOA QUỲNH MÙA THU

Đêm qua hoa nở một mình

Có người viễn khách vô tình làm sao

Đâu rồi biệt nhạn thanh tao?

Thôi thì thôi thế tình bao nhiêu tình.

Hữu tướng hữu hình

Hữu hương hữu sắc

Trong trắng tuyết trần

Đệ nhất thanh tân

Thời gian vô tận mấy lần

Đêm trường rạng rỡ muôn phần Quỳnh Hoa

Dẫu vẫn biết vô thường nào có lạ

Cái vô thường đích thị lại là thường

Tuyệt trần mỹ sắc thanh hương

Sáng ra mộng huyền còn vương trên cành.

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

Những người bạn chân tình

CHÂN HIỀN TÂM

Thời tiểu học...

Ngày mới vào lớp một, ngày đó lớp một nhỏ nhất, không có mầm chồi lá như bây giờ, tôi đã có một người bạn. Khá thân. Hẳn thương tôi lạ. Tôi được bảo vệ kỹ càng khi nào hẳn có mặt. Hẳn cho tôi những gì hẳn có. Một gói kẹo, những cái vở tay, những lời tán thưởng và cả những nụ hôn lên má. Hẳn sẵn sàng đưa lưng ra đỡ khi ai đó ức hiếp tôi. Tôi vô tư nhận lãnh quà cáp trong sự vui sướng của trẻ thơ. Cho đến cái ngày, ba má hẳn chuyển công tác và mất liên lạc.

Mười năm sau, tôi gặp lại hẳn trong trường âm nhạc. Tôi nhận ngay ra tên bạn ngày nào, dù bấy giờ hẳn đã to cao và khác hẳn. Tôi kiểm nghiệm quá khứ bằng cách nhớ lại trong đầu tên ông bà bỏ hẳn. Trúng phóc! Nhưng hẳn cứ trở mắt ra nhìn như chưa bao giờ có sự thân quen. Không có sự hồ hởi mừng rỡ ngày nào. Không có ánh mắt thương yêu của thuở xa xưa. Không phải hẳn không nhận ra tôi. Tôi biết hẳn đã nhận ra. Nhưng có lẽ, ngày ấy con mắt hẳn chưa bị ý thức phân biệt chi phối nhiều. Xấu, đẹp, giàu, nghèo, sang, hèn

không là chi. Nói sâu hơn chút nữa, tại bởi vì... nhân duyên của tôi và hẳn đã hết, vào cái ngày cha mẹ hẳn chuyển công tác đi xa.

Xét ra, dù chỉ là đứa con nít, hẳn cũng là một dạng bạn đáng trân trọng: Làm nhiều hơn nói. Cho nhiều hơn nhận. Không tuyên bố huyênh hoang rồi bỏ chạy khi bạn gặp nạn. Không tham lam những gì bạn có. Không nói xấu bạn. Luôn bảo vệ bạn khi bạn gặp chuyện. Hoan hỷ khi thấy bạn may mắn. Không hoan hỷ khi thấy bạn bất hạnh. Không đến với bạn vì đàn đúm, rượu, chè, cờ, bạc, vui chơi. Càng không đến với bạn vì tiền rừng bạc biển. Cũng không phải là hạng lợi dụng những mối quan hệ bạn bè để có tiền xài hay an nhàn cho bản thân. Nói chung, hẳn có nhiều mặt khá tốt, đáp ứng khá đủ những tiêu chuẩn mà Phật đề ra cho một người bạn chân thành.

Có điều, hẳn... nhỏ quá, không đủ trí tuệ để nói với tôi rằng: "É! Nhận thì nhớ cho. Mà chỉ nhận mà không cho, thì một lúc nào đó, cái nhân mà gieo gieo trong quá khứ sẽ hết. Mà chẳng

còn lại gì...". Hẳn không nói với tôi như thế, vì hẳn không biết bạn bè chân tình đều do nhân duyên qua lại mà có. Nhân không tạo, lấy đâu ra duyên mà hưởng hoài.

Một thời quá khứ đi vào quên lãng.

Sang trung học...

Lớp mười trở đi, bạn bè cũng nhiều, nhưng thân thì chỉ có một. Con nhỏ tròn như hột mít, trắng như bông bưởi. Nhìn hai đứa đi với nhau, đúng là một cặp duyên khởi: Nó trắng, tôi đen. Nó tròn, tôi ốm. Nó sạch, tôi dơ. Nó vô duyên, tôi duyên nhiều vô kể.

Giống thằng nhóc kia, con nhỏ cho nhiều hơn nhận. Những thứ em nó không rớ vào được, tôi vẫn dùng thoải mái. Nhưng việc đó chưa nói lên được đức tính tuyệt vời của nó. Đồ ăn thức uống chỉ có giá trị với con nít. Tuổi mộng mơ cần những thứ cao hơn. Con nhỏ rất biết lắng nghe, lại hay nói những lời khiến mình vừa lòng. Tôi ở nhà nó nhiều hơn nhà tôi. Vui buồn gì tôi cũng kể nó nghe. Tôi thương ông nào nó cũng biết. Tôi thất tình tay nào nó cũng hay. Tôi vui, nó vui. Tôi buồn, nó im lặng. Một khoảng im lặng vừa đủ để mình thấy ạn bình, yên tâm kể lể cho qua nỗi buồn thời mới lớn. Mazôni nói đúng: "Một trong những hạnh phúc lớn của đời sống là tình bạn. Và một trong những hạnh phúc lớn của tình bạn, là có người để gửi gắm một bí mật hay một tâm tư". Càng hạnh phúc hơn khi những điều bí mật được giữ kín. Xem ra, chị chàng cũng đáp ứng được nhiều tiêu chuẩn mà Phật đề ra cho một người bạn chân tình: "Giữ kín điều bí mật của bạn. Không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn". Ừ, nó đã không bỏ rơi tôi khi tôi cần có chỗ để xả lũ.

Tôi lấy chồng, mọi thứ thay đổi. Quan hệ bạn bè ngày xưa thưa dần. Vì công việc làm ăn hơn vì sứt mẻ tình cảm. Con nhỏ cũng có chồng. Gia đình hạnh phúc, con cái ngoan ngoãn. Rồi chồng nó bệnh nặng. Nhưng phải thật





lâu sau, khi anh ấy hoàn toàn bình phục, tôi mới biết. Tôi hỏi sao mày không nói với tao. Nó cười cười, có gì đâu mà nói. Có lẽ, nó quen làm chỗ dựa cho tôi hơn là lấy tôi làm chỗ nương của nó.

Tôi đã có những người bạn rất chân tình, nhưng chưa là một người bạn chân tình của ai, dù tiền kiếp có thể tôi đã là như thế.

Đến lúc hết học...

Người bạn mới của tôi, thiên hạ gọi là bạn đời, gom đủ tiêu chuẩn của hai người trước, cộng thêm một tiêu chuẩn vô cùng quan trọng mà Phật đặt ra cho một người bạn chân tình: "Khuyến bạn điều lợi ích bằng cách không để bạn làm điều ác, khuyến khích bạn làm điều thiện, cho bạn nghe điều bạn chưa nghe, cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên". Anh đã dạy tôi làm những điều lợi ích, không phải bằng lời nói mà bằng chính những hành động của mình, một cách tự nhiên không thể nào chịu nổi.

Nói những điều lợi ích, vì bây giờ tôi đã có ít nhiều giáo pháp của Phật trong đầu, đã biết tương đối việc gì thiện, việc gì bất thiện, việc gì nên làm, việc gì không nên làm. Còn ngày ấy chỉ có tức điên. Bởi trong đầu đầy ắp cái tôi và những cái của tôi, cộng thêm một mở "kinh nghiệm sống" hình thành theo chiều hướng chấp ngã. Những gì đi ngược lại đó, không khỏi khiến mình khó chịu.

Anh có thể cho những gì anh có, trong khi tôi chỉ có thể cho những gì tôi muốn, là đủ để có việc phiền não. Buôn bán, ừ có lúc lợi lúc lỗ, nhưng nghe ai than lỗ, lập tức mua huê vốn giúp người,

mà người thì có khi nào không lỗ... Rất nhiều thứ như thế tiếp diễn trong đời sống gia đình, khiến hổ sâu ngăn cách ngày càng tăng. Tăng đến mức, sống thật gần mà phải hét thật to mới hy vọng nghe nhau.

"Đây là ngoài đời, không phải trong chùa mà sống như mấy ông thầy tu. Vô chùa sống đi!". Anh không vô chùa, nhưng anh kết bạn với kinh sách của Như Lai. Đợt này, tôi trắng tay. Bởi không cách gì lôi anh ra khỏi đồng kinh sách đó. Mộng làm giàu của tôi sụp đổ khi anh tìm cho gia đình một phương tiện vừa đủ để nuôi con mà vẫn còn thì giờ để nghiên cứu, đến thiền viện và tu tập.

Cuối cùng rồi...

Tôi muốn biết vì sao đồng giấy lộn đó hấp dẫn hơn tôi, hấp dẫn hơn tiền bạc, danh vọng và tình cảm gia đình.

Muốn biết, phải chui đầu vô.

Giáo pháp của Đức Phật phải nói là tuyệt vời! Lời của chư Tổ phải nói không chê vào đâu được. Khi đang sống trong hạnh phúc và sung sướng, khó ai nhận ra được giá trị của nó. Nhưng khi phải đứng ở ngã ba đường, tiến không được, thoái không xong, bạn sẽ thấy nó tuyệt vời thế nào.

Phật nói: "Dù chư Như Lai có xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời, bản chất các pháp vẫn là thế, vẫn quyết định tánh ấy, vẫn theo duyên như thế". Duyên như thế, là chỉ cho lý Nhân duyên. Ừ, trong cuộc sống này không có gì ra khỏi nhân duyên. Thứ gì cũng phải có nhân, đủ duyên mới có quả. Đời người

là một chuỗi dài nhân duyên nối tiếp nhau. Khi nhân thiện đủ duyên, tôi có một khoảng thời gian hạnh phúc. Khi nhân bất thiện đủ duyên, tôi có những khoảng thời gian bất hạnh. Muốn có quả phải gây nhân. Không muốn quả xuất hiện thì nhân đừng tạo.

Phật nói thế gian này vô thường. Ừ, mọi thứ đều có thể thay đổi. Không phải chỉ có tiền bạc, danh vọng, tình cảm mà cả mạng sống của con người. Mọi thứ đều có thể đến và đi rất bất ngờ. Minh thấy bất ngờ, vì mình không thấy thế gian này được đúc kết bằng những mốc nhân duyên. Nhân đã đến hồi ra quả, quả đã đến lúc hết duyên nên thấy có bắt đầu và chấm dứt. Muốn hạnh phúc kéo dài, tôi phải tiếp tục gieo thiện nhân. Muốn đau khổ chấm dứt, tôi phải tự loại bỏ những nhân xấu trong chính mình.

Nếu tôi làm tất cả mọi việc với tình thương rộng mở, thông cảm và bao dung, một nhân thiện được gieo. Khi tôi làm mọi việc chỉ vì sự chấp ngã, nhân bất thiện đã được gieo. Trong khoảng hai đầu mút ấy, tùy mức độ thiện và bất thiện pha trộn mà ta có thân tướng và hoàn cảnh khác nhau. Thế giới này mang đủ loại hình hạnh phúc và tầng lớp chúng sinh là do đó.

Tôi bỗng nhận ra mình thật ngu si khi muốn gây tạo những thứ mong manh dễ vỡ bằng những lời nói và hành động bất thiện khiến người chung quanh đau khổ. Gieo nhân khổ có nghĩa là một ngày nào đó, tôi sẽ gặp quả khổ. Hiện tại không vui mà tương lai cũng muốn phiền. Sao bằng quay đầu theo lời Phật dạy, buông đi những tư tưởng chấp ngã đã huân tập trong bao đời. Buông được thì mình giải thoát mà người cũng an vui.

Nói buông thì dễ những để buông cho được không phải dễ. Bởi con người là kết quả của những tập nghiệp. Tôi có những thói quen suy nghĩ của tôi. Anh có những thói quen suy nghĩ của anh. Nếu suy nghĩ của tôi và anh tương đồng, tôi và anh gặp nhau, hiểu nhau và gần bó với nhau. Nếu không tương đồng, giữa chúng ta hẳn lên những khoảng cách. Thế hệ cha mẹ thường không tương đồng với con cái vì tư tưởng từng thời không giống nhau, hoàn cảnh xã hội của mỗi thời cũng khác nhau. Muốn sống hạnh phúc với nhau, phải biết dung hòa những tư tưởng và nếp sống khác nhau như những kẻ cùng thời đồng tư tưởng.

Vì là thói quen, nên nói bỏ không phải bỏ liền được. Nhưng cũng vì là thói quen nên không có gì không thể buông bỏ. Chỉ cần không tiếp tục nữa thì thói quen sẽ dứt. Hiểu biết quy luật ấy rồi, tôi không lấy làm lạ cho chính mình, cũng không lấy làm lạ cho người bạn đời và những người bạn nhỏ của tôi: Đã hứa không làm, sao bây giờ vẫn tiếp tục? Tại... nghiệp tập. Không phải con không muốn bỏ, mà lâu lâu con quên. Con bị cái lực của nghiệp nó lôi. Có thể dưới mắt mọi người, thằng bé vẫn tề, tôi vẫn như thế... Nhưng dưới mắt tôi, nó đang thay đổi từ từ, tôi cũng đang thấy mình dần dần thay đổi. Mọi thứ cần có thời gian. Cần cả sự hiểu biết, tình thương, lòng nhẫn nại và sự tha thứ.

Trong kinh *Giáo thọ Thi ca la việt*, Phật nói người nào được bạn bè thương kính, che chở, giữ gìn tài sản cho, khi gặp nguy nan lại được bạn bè giúp đỡ, khi gặp khó khăn bạn bè không bỏ rơi, là do đã từng đối với bạn bè theo 5 cách: **Bố thí**, ái ngữ, lợi hành, đồng sự và không lưỡng gạc.

Bố thí, là cho đi. Cho đi những gì bạn có thể cho. Từ tiền bạc, lời nói, hành động và ngay cả sự an tâm. Cho đi, và “Đừng bao giờ nghĩ cái ít ỏi bạn cho đi là lớn và cái to lớn bạn đang nhận là nhỏ” (Phoebe Vary).

Cho với lòng thành, vì muốn người vui mình vui, thì không rơi vào hai chữ “lưỡng gạc”. Cho với mục đích thả con tép bắt con tôm thì nằm trong danh mục “làm ăn”, không tính trong danh mục bố thí này.

Ái ngữ, là lời nói bắt nguồn từ sự yêu thương, chân tình. Không mang tính lưỡng gạc, nên nó không phải là loại lời nói nhẹ nhàng mang tính hài người và thù lợi cho mình. Do chân tình mà nói, nên lời nói thường mang lại kết quả rất tốt. Nó là loại lời nói đặc nhân tâm. Nói với tình thương, ngoài tác dụng được việc, nó còn động viên người khác vượt qua những khó khăn trong chính bản thân họ.

Lợi hành, là làm những việc mang lại lợi ích cho người. Không phải tự đứng hiện nay, thiên hạ ủng ủng quỳ quỳ và mang tiền đến xây dựng chùa chiền cũng như cúng dường cho chư vị Hòa thượng. Cũng do vô lượng kiếp hành Bồ tát đạo, vô biên kiếp xả tài, xả pháp, xả thân cho chúng sinh, ngày nay các ngài mới có cái quả như thế. Voltair nói: “Thông cảm nỗi khổ của bạn là tốt mà ra



tay tiếp cứu còn hay hơn”. Hành động luôn thiết thực hơn những lời nói suông. Cho nên, lợi hành là cần thiết để có những người bạn chân tình.

Đồng sự, là một loại tương đồng về tư duy, công việc, ý thích v.v... Nó là cái nhân để con người có điều kiện gần nhau và là bạn của nhau. Không có điểm nào chung thì không gần nhau được, dù có điều kiện gần nhau cũng thành nghịch nhau. Chư Bồ tát muốn thực hành hạnh nguyện độ sinh cũng phải nương vào đây mà thực hiện. Buông xả, thông cảm, hòa mình với chúng sinh mà không mất mình, là một dạng đồng sự của Bồ tát.

Nói chung, hiện tại nếu mình gặp được những người bạn chân thành như Phật nói, là nhờ trong quá khứ mình đã thực hành được ít nhiều 5 việc trên. Hiện tại, nếu mình thực hành được 5 việc trên thì tương lai, quanh mình sẽ có những người bạn chân thành.

Tôi cũng cảm nghiệm ra một điều: Những người luôn làm theo ý mình, luôn làm mình vừa lòng, chưa hẳn đã là bạn tốt của mình. Những người làm mình khó chịu vì lời ý không tương thuận, chưa chắc đã là kẻ thù của mình. Mọi việc xảy ra trong thế giới này, dù thuận hay nghịch, nếu khéo một chút đều có thể biến thành đề hồ cho mình.

Giáo pháp là bạn đồng hành

Những khoảng cách quanh tôi được hàn gắn là nhờ vào giáo pháp của Phật. Có thể bình thân được với những khó khăn gay cần trong đời sống cũng nhờ vào

giáo pháp của Phật. Tôi chợt hiểu vì sao trong ba đại nguyện của phu nhân Thăng Man, có đại nguyện “Nguyện dùng thiện căn này đời đời sinh được chánh pháp trí”. Bởi không có chánh pháp trí làm bạn, bà khó có thể thực hành hạnh nguyện độ sinh của mình. Tôi muốn an bình hạnh phúc trong thế giới này, cũng cần phải có chánh pháp trí. Mọi việc đều cần có chánh pháp trí dẫn đường. Nó là cái trí bắt nguồn từ chánh pháp. Giáo pháp được ứng dụng rộng sâu trong đời sống của mình, sẽ hiện thành “chánh pháp trí” trong chính mình. Tùy mức độ ứng dụng và hiện thành mà ta có chánh pháp trí cạn hay sâu.

Thật là hạnh phúc khi được hai hay ba người quanh mình hiểu giáo pháp và ứng dụng giáo pháp vào đời sống. Khó khăn hơn, nếu chỉ một người hiểu và ứng dụng giáo pháp vào đời sống. Nhưng khó khăn thế nào, rồi mọi thứ cũng sẽ xoay chuyển theo chiều hướng tốt đẹp. Bởi ứng dụng được giáo pháp trong đời sống của mình, cũng có nghĩa là ta đang nhận được lực gia trì của Tam bảo. Và “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, tất cả đều là bóng dáng của tự tâm. “Hình ngay thì bóng không cong, hình cong thì bóng không ngay”. Khi ta thay đổi, những gì liên quan đến ta sẽ thay đổi. Sự thay đổi được nhiều hay ít là do ta thay đổi được ít hay nhiều.

Hãy giữ lại trong tim niềm tin và vững bước...

Chân Hiền Tâm

Bóng chiều đi qua

LAM KHÊ

Lời hát ru nhẹ nhàng mà trầm buồn da diết ấy đi vào trong cả giấc mơ của Hiền. Bao lần chị giục mình thảng thốt ngồi bật dậy... ngơ ngác nhìn quanh. Chẳng có gì khác ngoài bóng đêm lạnh giá bao trùm hai dãy xà lim hun hút. Chốc chốc vẳng lại tiếng thạch sùng chặc lưỡi, tiếng chí chóc của mấy chú tí ựa khuấy rối trong xô tối; và cả tiếng thở dài của ai đó dội qua mấy bức tường xanh rêu im im...

Đằng sau cánh cửa song sắt, sự sống và cái chết chỉ cách nhau một đường ranh hoặc là kéo dài đến vô tận. Ngày đầu tiên bước chân qua ngạch cửa trại giam, Hiền coi như đời mình đã chết. Chết với bất cứ lý do gì thì cũng một lần chết, thể thôi. Vậy mà Hiền vẫn không thể chết được. Hôm bé Ti được bà ngoại dẫn vào thăm, thằng bé cứ ôm chầm lấy chị. Dường như dự cảm được điều suy nghĩ của mẹ, nên nó bi bô mãi: "Mẹ ơi! Mẹ về với con nhé. Con nhớ mẹ lắm. Mẹ đừng chết. Nhất định mẹ không được chết!"

Nước mắt bao giờ chẳng chảy xuôi. Thương con thơ mới mấy tuổi đầu đã phải hứng chịu bơ vơ cô cút, Hiền còn đau lòng hơn khi

người mẹ già phải tàn tảo thăm nuôi mình trong cảnh tù tội. Cả đời mẹ... cho đến tận tuổi già bóng xế vẫn chưa có được một ngày an vui nhàn nhã. "Má già rồi. Chẳng biết sống chết ngày nào... Nhưng bé Ti, nó ngoan lắm. Ngày nào cũng lên bàn Phật tụng kinh với má để cầu nguyện cho con mau sớm trở về. Tuổi thơ mất mẹ bất hạnh lắm còn à! Hãy sống vì con. Cũng như má đã sống cả đời vì con..." Nước mắt lưng tròng, Hiền nghe như ngàn mũi tên đâm vào trái tim mình đau nhói. Lòng mẹ bao la như trời bể. Ôi! giá như trước đây, Hiền biết nghe theo lời khuyên can của mẹ...

- Tiền bạc cần thiết thật, nhưng phải đầu là tất cả. Con trông coi cửa hàng cũng dư ăn dư để. Còn chuyện cho vay góp vốn là trái với lương tâm đạo lý. Và lại thời cơ may rủi không thể lường hết được...

Chị lớn tiếng ngắt lời:

- Thời buổi này người ta làm ăn đủ kiểu cả, miễn sao có thật nhiều tiền. Bạn bè đồng lứa đã lên tới đầu rồi chứ đâu phải àch như con. Mà con có làm gì quá đáng. Con gom tiền để đầu tư vào các thương vụ lớn. Tiền đẻ ra tiền. Bao năm tiền lời tiền vốn đều sông phẳng... đâu có gian dối lường gạt ai đâu.

Người mẹ vẫn nhỏ nhẹ:

- Công việc làm ăn của con, má không rành. Mình có vốn ít thì làm ăn nhỏ thôi. Con đầu tư lớn, nếu gặp rủi ro thì lấy gì trả cho người ta. Má nói để con dè chừng mà suy xét thiệt hơn. Mình làm ăn lương thiện thì trời Phật sẽ hộ trì...

Hiền càng bực mình gắt gỏng:

- Má ơi! Con biết mình đang làm gì mà. Lương thiện với chẳng lương thiện. Má cứ nói toàn những chuyện xui xẻo không đâu...

Rồi điều gì đến cũng phải đến... Hiền dốc hết vốn liếng vay mượn cho vào canh bạc cuội cùng với hy vọng tiền lời bạc tỷ.

*"Mẹ già như chuối chín cây
Gió lay mẹ rụng...con chịu mồ côi...
Mồ côi tội lỗi ai ơi!
Đói cơm khát nước biết người nào lo..."*

Vậy mà... thoáng chốc tất cả đã vụt cánh bay xa chẳng lưu lại chút tấm hơi dẫu vết. Tiền mất. Gia sản bị tịch biên phát mãi vẫn không trả hết món nợ khổng lồ. Người ta đưa chị ra tòa. Mức án năm năm tù giam có lẽ còn quá nhẹ đối với nhiều người. Nhưng với Hiền thế là hết. Mong ước giàu sang chỉ còn là nằm tro tàn hư ảo. Nhà cửa không còn. Hạnh phúc cũng đổ vỡ. Người chồng sau nhiều năm chung sống, cũng dứt áo ra đi với không ít lời đắng cay nghiệt ngã.

- Con đừng nghĩ quẩn quanh nữa. Mấy năm thụ án rồi sẽ chóng qua. Nếu con có niềm tin và nghị lực thì cuộc sống ngày mai vẫn còn nhiều ý nghĩa. Những gì con đã gây ra thì phải nhận lấy hậu quả. Chết mà chưa trả hết nợ, thì oan khiên còn đeo đẳng đến kiếp sau...

Hiền cười nhạt, giả tảng như không nghe lời mẹ nói bên tai. Đến nước này mà bà còn đem chuyện nhân quả báo ứng gì gì đó nói mãi. Bao đêm nằm trong ngục tối, Hiền cũng đã suy nghĩ lung tung lắm rồi. Chị ước mong kiếm thật nhiều tiền. Đồng tiền không đo công sức, nhưng Hiền cũng đã đổ biết bao tâm trí vào đó. Chỉ vì quá cả tin vào năng lực và sự xét đoán của mình, chị đã không nghĩ đến một kết cục bi thảm. Hiền cũng chẳng hề có ý lường gạt ai, không bỏ trốn khi công việc làm ăn thua lỗ vỡ nợ.

- Hiền à! Hiền...

Sáng sớm Hiền còn đang mơ màng thì chị Ba đến gọi dậy:

- Em chuẩn bị công việc quét dọn sớm. Sáng nay, tất cả tù nhân sẽ được xuống trại nghe pháp.

Hiền ngỡ tai mình lùng bùng nên hỏi lại:

- Là sao? Em chưa hiểu?

Chị Ba giải thích:

- Quý thầy ở thành phố vẫn thường ra đây giảng pháp, giao lưu với tội nhân. Cũng nhằm giúp họ ổn định tinh thần, tìm lại niềm tin cùng lẽ sống ngày mai...

Hiền vội lên tiếng:



- Thôi cho em xin. Mà em không xuống nghe có được không?

Chị Ba nhìn Hiền:

- Em không khỏe à?

Hiền cúi đầu đáp nhỏ:

- Hôm nay rằm, má em đưa bé Ti vào thăm.

- Hôm nay mới mười bốn thôi em. Nhớ con quá nên lộn cả ngày tháng. Mà như chị biết thì má em cũng là Phật tử...

Hiền thần thờ:

- Dạ... Má em là Phật tử. Còn em... thì không. Vậy mà em cứ ngỡ hôm nay là ngày rằm.

- Em nên xuống nghe. Quý thầy nói chuyện hay lắm. Phù hợp với tâm lý lòng người. Nhân mùa Vu Lan, thầy sẽ giảng về tình mẹ. Có cả lễ cài hoa hồng. Nếu muốn em sẽ cùng với mọi người giao lưu ca hát giúp đầu óc thư giãn thoải mái đôi chút...

Hiền dõi nhìn theo chị quản lý căn-tin trại giam vừa đi khuất. Những ngày mới vào trại, Hiền được chị Ba an ủi khuyên bảo như đứa em nhỏ. Chị cũng là tù nợ, đã có thâm niên mười năm ở trại giam này. Chị được giảm án và đặc cách về làm bên căn-tin. Cuối năm nay chị sẽ trở về với đời sống bình thường. Chồng thì đã có gia đình khác. Ba đứa con ngày chị đi tù chúng còn bé xíu. Nhờ mấy người dì nuôi nấng cho ăn học. Bây giờ đứa nhỏ nhất cũng sắp vào đại học rồi. Chị rất tự hào về các con.

- Nhìn chúng trưởng thành nên người chị vui lắm. Chị chỉ ân hận một điều là ngày mẹ chị bình rồi xuôi tay nhắm mắt, chị không có mặt một bên... Ngày với vào tù, chị cũng chán đời, cũng muốn chết như em vậy. Rồi thời gian, chị lấy lại được niềm tin là nhờ biết niệm Phật và nghe thuyết giảng. Có những lỗi lầm quá khứ mình không thể nào gột rửa hết được. Chỉ còn biết tỏ lòng ăn năn hối cải, hướng thiện và nhìn về tương lai.

... Suốt ngày người Hiền cứ bồn thần. Chị làm việc mà tâm trí cứ để tận đâu. Chờ mãi vẫn không nghe ai gọi ra gặp người nhà. Chắc má Hiền bận đi chùa. Trời mưa dầm từ sáng sớm đến gần trưa mới dứt. Tháng bảy mưa ngâu. Mùa Vu Lan Thắng Hội. Mùa xá tội vong nhân. Và hôm nay đã là ngày rằm. Ngày gắn kết mọi thâm tình cốt nhục yêu thương. Mấy cụm từ này dường như Hiền chỉ mới kịp ghi nhớ và hiểu ra...

- Mẹ ra kia ngoại...

Tiếng bé Ti mừng rỡ reo



vang rồi liếng thoảng đủ điều:

- Mẹ ơi! Hôm qua đi Loan và ngoại dẫn con đi chùa. Con được sư phụ cài hoa màu hồng. Dì Loan thì cài hoa trắng. Con cũng xin một bông hoa màu hồng cho mẹ. Dì Loan nói vì mẹ còn bà ngoại...

Chị ôm ghì lấy con mừng mừng tủi tủi. Quay qua mẹ, chị nói khi nhìn thấy một giỏ đầy thức ăn bánh trái:

- Má đừng mang gì cho con nữa. Con không thiếu gì đâu. Mà già rồi. Còn lo cho bé Ti...

- Chỉ là vài món chay và ít trái cây. Con ở trong đây khỏe là má mừng. Con đừng nghĩ ngợi gì cả. Đã có con Loan lo cho má...

Hiền quay nhìn Loan - cô em họ mà trước đây chị cho là kẻ lập dị khác người. Loan thích đi chùa, làm từ thiện, thích những việc chẳng đem đến chút lợi lộc bạc tiền nào cho cuộc sống bản thân.

- Chị cảm ơn Loan. Cảm ơn em nhiều lắm...

Hiền nghẹn lời xúc động. Loan bước tới nắm lấy tay chị:

- Chị đừng nói vậy. Em mồ côi mẹ. Được má Hai và chị thương yêu nuôi dạy từ nhỏ. Bây giờ chị có chuyện, thì em cũng phải có bốn phận lo cho má Hai. Chị an tâm đừng lo nghĩ nhiều. Mấy năm rồi cũng qua nhanh...

Quay qua bé Ti, Loan vội nhắc:

- Ti... con cài hoa hồng cho mẹ Hiền đi...

Nhìn đôi tay bé nhỏ của con cài cành hoa hồng vài lên ngực áo mình, nước mắt Hiền lại chực trào ra. Không như chị Ba, Hiền còn diễm phúc cài hoa hồng đỏ, để được tự hào vì còn có mẹ trên đời. Màu họa gợi lên bao niềm vui và cả nỗi buồn của một đứa con làm lỗi không vẹn câu hiếu

đạo với người mẹ sinh thành. Hiền chợt rùng mình. Nếu như chị chết, thì bé Ti sẽ ra sao. Màu hoa trắng nhuộm buồn vây kín cả đời người trong nỗi mất mát chia xa tình mẫu tử.

Hôm qua, Hiền lên giảng đường dự buổi nói chuyện của vị thầy. Chị ngạc nhiên khi nhìn những bạn tù, nhiều người còn khá trẻ, chăm chú lắng nghe hết sức kính cẩn. Những gương mặt... lúc này trông thật hiền lành chân chất lại đỏ hoe trong tiếng sụt sùi. Vài người gục mặt thổn thức. Thầy giảng ý nghĩa của ngày lễ Vu Lan, về ân đức sanh thành, về công lao khó nhọc của cha mẹ. "Ai sanh con lai không muốn con nên người hữu dụng. Con người có thể làm lạc rồi xây dựng lại bằng niềm tin và ý chí. Nhưng một khi đánh mất tình mẹ, thì đi hết cuộc đời cũng không thể tìm kiếm lại được." Mắt Hiền cay cay. Chị cũng khóc.

Bóng chiều xuống nhanh. Sau cơn mưa bầu trời lại tỏa sáng. Hiền đứng lặng dõi nhìn theo dáng nghiêng nghiêng của mẹ cho tới khi khuất dần sau cánh cổng nhà giam. Bỗng chị giật mình vì những âm thanh rộn ràng dội lại từ phía trong hội trường. Giờ này các phạm nhân đã bắt đầu trình diễn văn nghệ. Những bài hát về lòng mẹ được cất lên. Những cung bậc chứa chan niềm yêu thương như những mạch nguồn tuôn chảy không bao giờ vơi cạn. Bất giác Hiền nghe lòng nhẹ nhõm băng khuâng. Có một niềm tin vừa được khơi dậy, chói sáng nơi tận cùng tâm thức u minh.

Một ngày sắp trôi qua. Năm tháng cũng nhanh chóng đi qua. Nhưng cuộc sống ngày mai với Hiền chắc chắn sẽ không còn là chuỗi ngày dài lê thê buồn thảm.

Lam Khê



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.

người gây gỗ nhau, anh lờ lời xúc phạm:

- Cô là đồ gái bán bar.

Cô đứng chết trân nhìn anh không nói một lời, rồi cuốn gói bỏ đi; những ngày còn lại anh thấy hối hận vô cùng, đi tìm khắp nơi nhưng không gặp. Anh chợt nhớ có lần cô nói vào viện ung bướu thăm người thân, anh vào tìm khắp mọi phòng và cuối cùng thấy cô ngồi bên giường một phụ nữ già thoi thóp.

Anh đến bên cạnh rướm rướm nước mắt:

- Anh xin lỗi em, mẹ bệnh vậy sao không cho anh biết?

Hai người ôm chầm lấy nhau nức nở.

HỮU KHẨU VÔ TÂM

Người mẹ ngồi niệm Phật trông rất miệt mài tinh tấn. Chú bé con đói bụng cứ mè nheo réo mẹ nhiều lần. Người mẹ bực mình đứng lên kéo chú bé xuống bếp phát vào mông mấy cái rồi giăng mạnh chén cơm.

- Đồ báo hại, cơm đây nè ăn đi, ngồi niệm Phật mà cũng không được yên thân!

Chú bé khóc tức tưởi. Ba chú đi làm về hỏi sao con khóc, chú bé nói nó bị mẹ đánh. Đợi vợ lễ Phật xong anh nhẹ nhàng hóm hỉnh:

- Em gọi Phật suốt hai giờ liền mà Phật có bực mình đâu. Con nó đói gọi em có mấy lần mà em bực mình đánh nó!

Chị vợ cười bẽn lẽn.

PHÓNG SANH

Diêm Vương thấy chú chim nhỏ khép nép dưới thềm bèn hỏi:

"Người đã được phóng sanh sao mà chưa vừa ý sao, còn đến đây muốn thưa kiện việc gì?"

"Bẩm Diêm chúa cho con thưa một lời," chú chim khe khẽ nói.

"Được rồi, ta đang lắng nghe đây!"

"Bẩm diêm chúa, trước lễ chừng mười ngày người ta mua chúng con về, rồi nhốt chung cả mấy trăm con trong mấy cái lồng nhỏ bé. Chúng con dè dặt lên nhau, cắn xé, đá mổ nhau tới bời; đến ngày lễ họ đặt chúng con trước sân, hàng trăm người qua lại, hàng bao nhiêu âm thanh ầm ĩ... khiến chúng con kinh sợ đến tột cùng. Đời chúng con ngắn ngủi vậy mà trải qua cái thời gian phóng sanh kinh hoàng đến vậy! Đến khi thả ra thì hết tám phần lè lết, dứa gãy chân, xệ cánh, sái cổ... chẳng còn bay nổi lên cây, thật đau khổ thảm thương lắm! Diêm Vương nghe xong ngồi trầm ngâm rơi lệ.

SÁO VÀ ĐẠI BÀNG

Con sáo được chủ uốn lưỡi cho ăn ngon nên suốt ngày nói theo lời chủ. Nó thấy đại bàng trên cây bèn kêu lên:

- Sao anh lang thang khổ thế, tôi ở đây thật yên vui và no ấm.

Đại bàng nói:

- Cá chấu chim lồng, ăn theo nói leo có gì hay mà khoe!

Sáo bèn tru tréo:

- Mày là đồ phản động, là thế lực thù địch, nói xấu chủ nhân.

Đại bàng trừng mắt vỗ cánh.

Sáo hoảng kinh hét lên:

- Bớ ông chủ! bọn thù địch nó tấn công tôi.

CÙNG TRỢ THÔI MÀ

Vườn chùa bị một đàn chồn hôi kéo đến ở quấy phá quá chừng. Mấy anh Phật tử trẻ làm công quả rất bực mình bèn vào thưa sư phụ:

- Bạch thầy, bọn chồn hôi nó làm ổ trong vườn và quấy phá quá. Chúng con bẫy nó hay mua thuốc diệt nó được không thầy?

Thầy cười hiền hòa nói:

- Thôi đi con, chúng ta cùng trợ cõi này. Mình có nhà, có chăn ấm nệm êm rồi! Chúng khổ hơn mình biết bao, làm khó nhau chi!

GÁI BÁN BAR

Có lần đi bar chơi cùng mấy người bạn và gặp cô anh cảm thấy xao xuyến lòng, sau vài lần gặp nhau anh đem lòng yêu và giới thiệu với gia đình. Lập tức anh nhận được một làn sóng chống đối mãnh liệt. Anh có bản lĩnh nên quyết định mượn nhà ra riêng. Cuộc sống vợ chồng trẻ dù yêu nhau tha thiết nhưng thật chật vật khó khăn. Một hôm họ hai



**PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 3, DO TỔNG VỤ CƯ SĨ GHPGVNTN HOA KỲ
& TỔNG HỘI CƯ SĨ PGVN TỔ CHỨC TẠI LITTLE SAIGON NGÀY 23.8.2014 — KHAI MẠC**



**PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 3, DO TỔNG VỤ CƯ SĨ GHPGVNTN HOA KỲ
& TỔNG HỘI CƯ SĨ PGVN TỔ CHỨC TẠI LITTLE SAIGON NGÀY 23.8.2014 — CHẨN TẾ**



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net



Pháp Hội Địa Tạng 2014 - HoPhap.Net

RA TAY SẴN THÚ BẦY CHIM KẾT DÂY OAN NGHIỆT TỰ TÌM KHỔ ĐAU

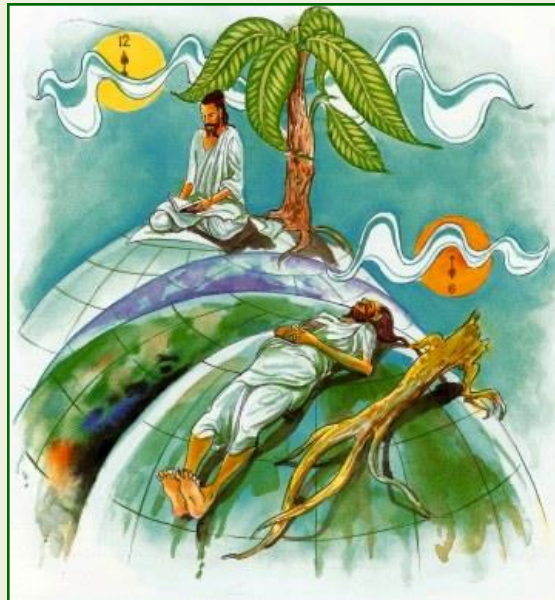
Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Có một thanh niên thuộc hàng trưởng giả, gia tộc nhiều đời giàu sang phú quý, và sinh sống tại Xá-vệ. Một hôm nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng chánh pháp, cậu nhận thức được giá trị đích thực của hạnh viễn ly thế tục, bèn dốc lòng cầu đạo, từ giả gia đình, xin Phật xuất gia, được Ngài thọ ký, và cho vào Tăng đoàn với pháp danh là Ti-xa (Tissa). Thấy thời giờ như tên bắn, năm tháng tự thoi đưa, sư Ti-xa dốc tâm thọ trì giới luật, tinh cần nghiên cứu kinh văn, nhưng rồi thay toàn thân sư bỗng dựng nổi đầy mụn nhọt. Lúc đầu chúng to bằng hạt cải, sau đó chúng phát triển dần dần bằng hạt bắp, hạt đậu, và cuối cùng chúng vỡ ra, mủ máu rịn chảy loang lổ khắp người, đau nhức vô cùng, tanh hôi khủng khiếp. Bấy giờ sư được gọi là Trưởng lão Pu-ti-ga-ta Ti-xa (Putigatta Tissa). Sau một thời gian, xương cốt của sư bắt đầu rệu rạo, cơ bắp bèo nhèo, y phục nhăn nheo vì mủ máu kết thành từng mảng khô cứng. Các bạn đồng môn pháp lữ đều động lòng thương xót, nhưng không ai dám đến gần chăm sóc sư. Sợ bệnh tật lây lan, họ đành phải nhấc tấm kiềng luôn chiếc giường sư nằm ra ngoài và để trên mặt đất dưới một tàng cây râm mát.

Bấy giờ chư Phật, theo thông lệ, mỗi ngày nhập từ bi quán hai lần: buổi sáng quán sát vạn loại hữu tình, buổi tối chiếu rọi muôn loài vô thức. Đức Thế Tôn, từ tịnh thất tôn nghiêm, trải tâm lân mẫn, soi khắp tam thiên đại thiên thế giới, bắt gặp Sa-môn Ti-xa đang độ chín muồi trên đường tu chứng A-la-hán. Ngài tự nhủ:

- Sa-môn này đã bị huynh đệ thiên môn bỏ rơi, không được ai đoái hoài thương tưởng. Nếu ta không dang tay tiếp sức, không an ủi trông nom thì sư còn biết nương tựa vào đâu.

Đức Thế Tôn liền xả định, ra ngoài thiên thất, giả bộ dạo quanh tu viện một vòng, rồi đi thẳng vào nhà un lửa. Ngài lấy một chiếc ấm đất khá lớn, rửa sạch, đổ đầy nước, xong bắt nó lên lò và nổi lửa đun. Khi thấy nước sắp sôi, Ngài đến đứng cạnh giường Ti-xa, nhìn sư một lượt bằng ánh mắt từ ái, cảm thông, như người mẹ hiền nhìn đứa con thoi thóp mà vô phương cứu chữa căn bệnh hiểm nghèo, cô đặc nghiệp lực. Sợ Đức Thế Tôn lây bệnh, các sư lớn tiếng thưa:



- Bạch Thế Tôn, mời Thế Tôn đi cho. Chúng con sẽ khiêng sư đó vào phòng.

Họ khiêng Ti-xa vào phòng nấu nước. Đức Thế Tôn tự tay cởi y phục Ti-xa, lấy nước nóng tắm rửa, lau chặm từng vết lở nhầy nhựa khắp thân thể. Sau đó Thế Tôn cho khiêng sư ra ngoài ánh nắng mặt trời để hong khô mụn nhọt. Khi toàn thân được khô ráo, Đức Thế Tôn cũng tự tay mặc y hậu vàng tươi cho Ti-xa. Cảm thấy toàn thân khinh khoái, tâm trí tinh anh, Ti-xa chấp tay nhìn Đức Thế Tôn với ánh mắt lung linh và nụ cười hàm tiếu. Thế Tôn đứng cạnh gối Ti-xa, nói:

- Này Sa-môn Ti-xa, ý thức tự duy sắp từ giả thầy rồi đó. Căn thân thầy sắp thành vô dụng như khúc gỗ mục nằm bên vệ đường.

Nói xong, Ngài đọc kệ:

Rời đây thân xác này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất nằm vô thức,
Như gỗ mục bên đường.
(PC. 41)

Đức Thế Tôn vừa đọc kệ xong thì Trưởng lão Pu-ti-ga-ta Ti-xa chứng quả A-la-hán và vào Niết bàn ngay. Đức Thế Tôn làm lễ hỏa táng cho Trưởng lão, thu nhặt xá lợi và dựng tháp tôn trí.

Thấy cử chỉ ân cần của Đức Thế Tôn, các sư thắc mắc, hỏi:

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Pu-ti-ga-ta Ti-xa sẽ tái sanh vào đâu?

- Ti-xa đã vào Niết bàn, này các thầy Tỳ-kheo.

- Bạch Thế Tôn, một Sa-môn cứu mạng trọng bệnh lại vào Niết bàn? Tại sao xương cốt của sư rệu rạo ra như thế? Trong tiền kiếp sư đã gieo trồng thiện căn gì mà kiếp này chứng quả A-la-hán nhanh vậy?

- Này các thầy Tỳ-kheo, tất cả đều do thiện nghiệp của Ti-xa đã vun bồi từ kiếp trước.

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão đã làm gì?

- Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ-kheo.

Vào thời Đức Phật Ca-diếp (Kassapa), Ti-xa là một tay bẫy chim chuyên nghiệp. Ông đã từng bắt

vô số chim chóc, một nửa dâng cho hoàng gia, phần còn lại ông bán lấy tiền. Để giữ chim bắt được khỏi sảy, ông thường bẻ cánh, bẻ chân chúng và chắt thành một đồng, rồi đem bán chúng ngày hôm sau. Khi nào bắt được nhiều, ông dành một ít để chiên, nướng và cùng thưởng thức với gia đình hay bè bạn.

Một hôm, khi thức ăn đặc sản chim trời được xào nấu dành riêng cho ông thì có một Sa-môn đã chừa quả A-la-hán đến cửa nhà khất thực, Ngắm nhìn Trưởng lão, Ti-xa bỗng thấy trong lòng hoan, cảnh vật tươi mát, vợ con trông đẹp và dễ thương hẳn ra, ông bèn nghĩ:

- Ta đã sát hại và thụ hưởng quá nhiều chim muông thú vật. Nay gặp Trưởng lão từ bi đến nhà, sẵn món đặc sản chim rừng ngon tuyệt, ta sẽ cúng dường cho sư một ít lấy thảo.

Ông đem thịt chim hầm và những thức ăn ngon khác đặt vào bát của Sa-môn, rồi ông chấp tay vái chào, và nói:

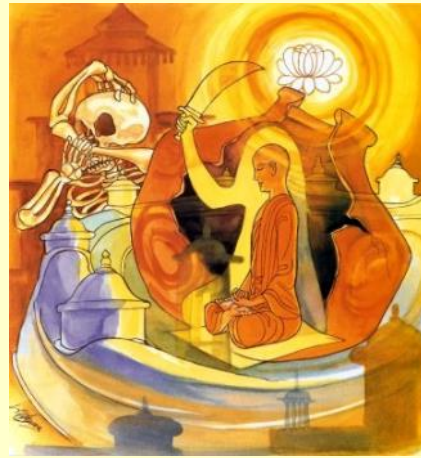
- Bạch Trưởng lão, nguyện cầu mai sau con được thánh quả thù thắng như Trưởng lão chúng ngộ vậy.

- Lành thay! Xin hồng ân chư Phật chứng minh lời cầu nguyện chân thành của thí chủ.

Này các thầy Tỳ-kheo, chính nhờ công đức bố thí cúng dường vật thực cho bậc A-la-hán và nguyện lực thiết tha mà Ti-xa ngày nay chứng thành đạo quả. Và cũng chính vì bẻ chân, bẻ cánh các loài chim chóc mà Ti-xa phải cứu mạng trọng bệnh: xương cốt rệu rạo, lở loét khắp người. Nhân quả tương ứng như hình với bóng. Các thầy thấy đấy!

- Hay quá! Hay quá! bạch Đức Thế Tôn. Namo Tassa Bhagavato Arahatto Samma Sambuddhassa.

Đại chúng chấp tay đồng niệm danh hiệu Đức Bốn Sư, đành lễ Ngài và lui ra.



The Story of Tissa, the Thera with a Stinking Body! Verse 41 – Dhammapada

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (41) of this book, with reference to Thera Tissa.

After taking a subject of meditation from the Buddha, Thera Tissa was diligently practicing meditation when he was afflicted with a disease. Small boils appeared all over his body and these developed into big sores. When these sores burst, his upper and lower robes became sticky and stained with pus and blood, and his whole body was stinking. For this reason, he was known as Putigatta-Tissa, Tissa the thera with stinking body.

As the Buddha surveyed the universe with the light of his own intellect, the thera appeared in his vision. He saw the sorrowful state of the thera, who had been abandoned by his resident pupils on account of his stinking body. At the same time, he also knew that Tissa would soon attain Arahatship. So, the Buddha proceeded to the fire-shed, close to the place where the thera was staying. There, he boiled some water, and then going, to where the thera was lying down, took hold of the edge of the couch. It was then only that the resident pupils gathered round the thera, and as instructed by the Buddha, they carried the thera to the fire-shed, where he was washed and bathed. While he was being bathed, his upper and lower robes were washed and dried. After the bath, the thera became fresh in body and mind and soon developed one-pointedness of concentration. Standing at the head of the couch, the Buddha said to him that this body when devoid of life would be as useless as a log and would be laid on the earth.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 41.

Before long, alas, this body, deprived of consciousness, will lie on the earth, discarded like a useless log.

At the end of the discourse Thera Tissa attained Arahatship together with Analytical Insight, and soon after passed away.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.